

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Phạm Thị Minh Tuyết

Người hướng dẫn: ThS. Đào Thị Thanh Mai

Hải phòng – 2009

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**CHÙA BÁI ĐÍNH - TIỀM NĂNG DU LỊCH CỦA
NINH BÌNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

Sinh viên : Phạm Thị Minh Tuyết

Người hướng dẫn: ThS. Đào Thị Thanh Mai

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

Nhiệm vụ @ tui tèt nghiÖp

Sinh viên: Phạm Thị Minh Tuyết

Mã số: 090321

Lớp: VH901

Ngành: Văn hoá du lịch

Tên đề tài : Chùa Bái Đính - Tiềm năng du lịch của Ninh Bình

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:.....

.....

....

.....

....

.....

....

.....

....

.....

....

.....

....

.....

....

.....

....

.....

....

.....

....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

....

.....

....

CÁN BỘ H- ỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn:

Họ và

tên:.....

Học hàm, học

ví:.....

Cơ quan công

tác:.....

Nội dung h- ớng

dẫn:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp đ- ợc giao ngày tháng năm 2009

Yêu cầu phải hoàn thành xong tr- ớc ngày tháng năm 2009

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

.....

.....

.....

.....

.....

Hội Phòng, ngày tháng năm 2009

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI CẢM ƠN

Khoá luận tốt nghiệp được hoàn thành, em xin chân thành cảm ơn ThS. Đào Thị Thanh Mai, người đã hướng dẫn và chỉ bảo tận tình cho em trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành đề tài này.

Em xin gửi cảm ơn đến Ban lãnh đạo trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, các thầy cô trong Khoa văn hoá du lịch đã tạo mọi điều kiện cho em hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Để hoàn thành đề tài này là sự cố gắng nỗ lực của bản thân em tuy nhiên kiến thức còn hạn chế nên những thiếu sót là điều không tránh khỏi. Kính mong sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 17 tháng 06 năm 2009

Sinh viên

Phạm Thị Minh Tuyết

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài:	1
2. Mục đích nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Bố cục khoá luận	4
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM	5
1.1. Nguồn gốc ra đời của Phật giáo	5
1.2. Quá trình truyền bá và phát triển đạo Phật ở Việt Nam	7
1.3. Ý nghĩa tâm linh của Phật giáo	16
1.3.1. Không gian thiêng của Phật giáo	17
1.3.2. Biểu tượng thiêng của Phật giáo	22
1.3.3. Ý niệm thiêng của Phật giáo	25
1.4. Tiểu kết	28
CHƯƠNG 2: HIỆN TRẠNG VỀ QUẢN THỂ DI TÍCH CHÙA BÁI ĐÍNH VỚI KHẢ NĂNG KHAI THÁC PHỤC VỤ DU LỊCH	31
2.1. Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường	31
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp	31
2.1.2. Dự án khai thác Chùa Bái Đính.	33
2.2. Quản thể di tích Chùa Bái Đính	35
2.2.1. Vị trí địa lý	35
2.2.2. Khu chùa Bái Đính cổ	35
2.2.2.1. Nguồn gốc lịch sử	35
2.2.2.2. Danh lam thắng cảnh và những sự tích huyền thoại	37
2.2.3. Bái Đính tân tỵ - khu chùa Bái Đính mới	42
2.2.3.1. Trung tâm Phật giáo qua các thời “Đình - Tiên Lê”	42
2.2.3.2. Các công trình kiến trúc	49
2.3. Khả năng khai thác và phục vụ du lịch của quản thể di tích chùa Bái Đính	60
2.3.1. Nguồn khách	60
2.3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật	61

2.3.3. <i>Hiện trạng tổ chức quản lý</i>	64
2.3.4. <i>Môi trường tự nhiên và xã hội</i>	65
2.3.5. <i>Những thuận lợi - khó khăn đối với việc khai thác, phục vụ du lịch của quần thể di tích chùa Bái Đính</i>	68
2.3.5.1. <i>Thuận lợi</i>	68
2.3.5.2. <i>Khó khăn</i>	69
2.4. Tiểu kết	69
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢI PHÁP	72
3.1. Định hướng về phát triển Du lịch Ninh Bình nói chung và Chùa Bái Đính nói riêng	72
3.2. Đánh giá	74
3.2.1. Đánh giá về các giá trị văn hoá lịch sử của chùa Bái Đính	74
3.2.1.1. <i>Giá trị lịch sử</i>	74
3.2.1.2. <i>Giá trị văn hoá</i>	85
3.2.2. Đánh giá về các công trình kiến trúc.	94
3.3. Giải pháp thu hút khách du lịch	97
3.3.1. Đẩy mạnh và hoàn thiện nội dung quy hoạch, kiến trúc xây dựng.	97
3.3.2. Tăng cường quảng bá hình ảnh và nghiên cứu thị trường	98
3.3.3. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý	100
3.4. Tiểu kết	101
KẾT LUẬN	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Ninh Bình với tài nguyên du lịch phong phú đa dạng, là địa bàn có thể thu hút được nguồn khách trong nước và quốc tế. Vẻ đẹp tài nguyên của Ninh Bình không những là Tam Cốc – Bích Động thắng cảnh vốn được mệnh danh là “Hạ Long trên cạn”, rừng già Cúc Phương,...hay các khu sinh thái như: khu bảo tồn ngập nước Vân Long, khu sinh thái Tràng An. Mà nó còn thể hiện với các giá trị văn hoá lịch sử là cố đô Hoa Lư là kinh đô xưa của nước Đại Cồ Việt, đền vua Đinh,...những sản phẩm nổi tiếng như mây tre nứa của vùng Kim Sơn, những món ăn cổ truyền của dân tộc như cơm cháy, thịt dê, rượu Kim Sơn...tất cả đều toát lên được cái tôi của mảnh đất Ninh Bình, của nét đẹp truyền thống. Việc nghiên cứu về đề tài này chính là nhằm tôn vinh những nét đẹp truyền thống của mảnh đất quê hương.

Ninh Bình vốn là mảnh đất văn hoá của các tôn giáo (thời đại triều Lý với nền văn hoá Phật giáo, triều đại Trần với nền văn hoá Đạo giáo - Thái Vi xưa, sang thế kỷ XIX với nền văn hoá Đạo Thiên Chúa giáo - Phát Diệm. Trải qua những biến cố những thăng trầm lịch sử của đất nước, mỗi tôn giáo lại tạo được những thế đứng riêng cho mình. Ninh Bình, nơi hội tụ của các nền văn hoá tôn giáo nhưng Phật giáo lại là tôn giáo gắn với đại đa số tầng lớp dân chúng hơn cả, bởi Phật giáo gắn liền với những tín ngưỡng trong đời sống cộng đồng như: đạo thờ cúng tổ tiên, thờ Thành Hoàng Làng, thờ Mẫu, thờ Thánh Thần... vì thế được đa số tầng lớp nhân dân hướng tới. Tính nhân văn cao cả giúp con người sống và làm theo những tư tưởng của đạo Phật. Cho đến nay con số chùa chiền được xây dựng lên để thờ cúng đức phật cùng những tín ngưỡng văn hoá của các chúng sinh và phật tử tại Ninh Bình đã lên tới con số khá lớn với khoảng hơn 200 ngôi chùa, trên 30.000 tín đồ. Tìm hiểu về tôn giáo này chính là sự tìm về với cội nguồn và bản sắc văn hoá từ các

triều đại Lý - Trần, viết lên cả một giai thoại phát triển của các triều đại xưa, nhằm giáo dục và nuôi dưỡng lòng tự hào của thế hệ trẻ với thế hệ cha ông đi trước.

Trước thế mạnh về tiềm năng du lịch của mình, Ninh Bình đang là một trong những tỉnh trong cả nước có khả năng phát triển và đưa ngành du lịch trở thành thế mạnh. Do một số yếu tố tác động cũng như sự chuyển mình một cách chậm chạp, du lịch Ninh Bình chưa thực sự phát triển. Nhưng trong mấy năm gần đây, sự ra đời của quần thể chùa Bái Đính (Gia Sinh), giống như một luồng gió mới thổi thêm sinh khí và mang lại diện mạo hoàn toàn mới cho ngành du lịch Ninh Bình nói riêng và cả nước nói chung. Bái Đính thu hút được đông đảo khách thập phương trong và ngoài nước, bởi sự hoành tráng đồ sộ của những công trình kiến trúc Phật giáo vĩ đại, sự huyền bí về những giai thoại lịch sử. Du khách đến với Bái Đính đều mang trong lòng sự hiếu kỳ, khám phá về sự mới lạ, cũng chính là cách người ta tìm đến với chốn tâm linh thanh tịnh để xoá đi những bi ai của trần thế, cầu khẩn cho những điều tốt đẹp. Bái Đính không những là một công trình kiến trúc đồ sộ mà có giá trị tâm linh lớn lao, trong tương lai sẽ là trung tâm Phật giáo của Việt Nam.

Là người con trên mảnh đất Ninh Bình thân yêu, em muốn mình đóng góp một chút ông sức nhỏ bé muốn khơi dậy tiềm năng du lịch. Giúp cho cộng đồng các dân tộc trong nước, cũng như các kiều bào xa quê hương hiểu được các giá trị văn hoá lịch sử của đồng bào mình, cùng với vẻ đẹp thiên nhiên và con người của mảnh đất “vùng quê chiêm trũng”. Chính vì những lý do trên người viết đã chọn đề tài “Chùa Bái Đính - Tiềm năng du lịch của Ninh Bình”

2. Mục đích nghiên cứu

- Tìm hiểu khái quát về Phật giáo và Phật giáo ở Việt Nam.
- Tìm hiểu các giá trị văn hoá lịch sử của Ninh Bình nói chung và quần thể Chùa Bái Đính nói riêng. Nhằm tôn vinh được nét đẹp văn hoá lịch sử của cố đô Hoa Lư cũng như làm nổi bật lên các yếu tố văn hoá lịch sử của quần

thể di tích chùa Bái Đính. Vì đây vốn là khu du lịch trọng tâm của tỉnh Ninh Bình để tạo đà cho sự phát triển của các khu du lịch khác. Đề tài này còn giúp con người hướng về cội nguồn những nét đẹp truyền thống nhằm giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tinh thần trong đời sống văn hoá dân tộc Việt.

- Trên cơ sở đánh giá về các giá trị đó đề xuất một số giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả quần thể di tích này phục vụ phát triển du lịch

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là cả quần thể di tích chùa Bái Đính bao gồm: khu chùa mới (Bái Đính tân tự) với tổng diện tích 700ha là các công trình hạng mục đặc sắc đã được xác lập những kỷ lục Việt Nam, khu chùa Bái Đính cổ với những yếu tố văn hoá lịch sử, làm sống dậy một nền văn hoá ngàn năm là cố đô Hoa Lư.

Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi không gian: Quần thể di tích chùa Bái Đính – Ninh Bình.

Phạm vi thời gian: 3 tháng

4. Phương pháp nghiên cứu

Để có một bài luận văn hoàn chỉnh tác giả của đề tài này đã áp dụng bằng nhiều phương pháp khác nhau như:

Thu thập và sử lý số liệu, đây là phương pháp chủ yếu trong quá trình nghiên cứu khoá luận dựa trên những nguồn tài liệu tại điểm di tích, sách báo, internet, nguồn tư liệu của sở du lịch cũng như số liệu của cục thống kê,... .Kết hợp với phương pháp phân tích tổng hợp để tiến hành phân tích chọn lọc các dữ liệu vào bài viết một cách thích hợp nhất làm nổi bật vấn đề nghiên cứu.

Thông qua phương pháp khảo sát thực tế đây là phương pháp đòi hỏi người viết bài phải có thời gian cho quá trình nghiên cứu của mình tại điểm di tích chùa Bái Đính về văn hoá cũng như lịch sử với khả năng phục vụ du lịch.

Phương pháp sử dụng chuyên gia....nhằm có những thông tin chính xác và mang lại hiệu quả cao.

5. Bộ cục khoá luận

Bộ cục khóa luận gồm 3 chương

Chương I: Khái quát chung về Phật giáo ở Việt Nam.

Chương II: Hiện trạng về quần thể di tích chùa Bái Đính với khả năng khai thác phục vụ du lịch.

Chương III: Một số đánh giá và giải pháp

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

1.1. Nguồn gốc ra đời của Phật giáo

Vào thế kỷ I TCN, Ấn Độ chịu sự thống trị của đạo Bà La Môn với những tư tưởng đạo luật khắc khe. Đồng thời đạo Bà La Môn ra đời bảo vệ cho các giai cấp tầng lớp trên dẫn đến sự phân biệt giai cấp trong xã hội lúc bấy giờ đã đẩy tầng lớp dưới đến cảnh khốn cùng. Để chống đối lại tư tưởng và sự phân biệt đẳng cấp ở Ấn Độ vào khoảng thế kỷ IV TCN đã nổi lên trào lưu tư tưởng chống lại chế độ Bà La Môn, trong đó có đạo Phật.

Người sáng lập là Siddharta gautama (Tất Đạt Đa Cồ Đàm 563 - 483 TCN) hiệu là Sakiamuni. Ông vốn là con vua Tịnh Phạn nước Cà ti la vợ mẹ là Mã Gia phu nhân. Ông vốn là người lương thiện và thông minh, không thích sống dưới cảnh hoàng cung. Tiếp xúc với nhiều cảnh khổ đau trong xã hội ông cảm thấy nghi hoặc với những hiện tượng khổ đau phiền não của sinh, lão, bệnh, tử, sự biến hoá khôn lường của đời người. Vì thế đã khởi lên cảm xúc và suy tư sâu sắc của ông, để cho các thứ phiền não của tinh thần, thể xác của con người thoát khỏi sự trói buộc đạt được tự do và giải thoát triệt để nên khi 29 tuổi ông đã xuất gia đi tu.

Sau gần sáu năm tu hành khổ hạnh thân hình tiều tụy chỉ còn da bọc xương nhưng vẫn chưa giác ngộ được chân lý. Ông nhận thấy tu theo lối hành xác không mang lại kết quả, vào một ngày ông quyết định thay đổi phương pháp tu sau khi uống một cốc sữa bò của người đàn bà chăn bò, ông cảm thấy khoan khoái. Ông đi đến chỗ cây bồ đề và phát ra lời thề: “Nếu ta ngồi đây mà không giác ngộ ra điều gì thì quyết không đứng dậy nữa”.

Trải qua 49 ngày đêm, vào một buổi sáng rạng đông, Siddharta gautama đã đắc đạo. Thấu hiểu hết thấy mọi lí lẽ của tạo hoá, nghĩ được cách giải thích bản chất của sự tồn tại nguồn gốc của sự khổ đau và tìm được con

đường cứu vớt chúng sinh. Từ đó người đời xưng tụng ông là Buddha (Đấng Giác Ngộ) mà người ta quen gọi là Phật hoặc Bụt. Sau khi tu hành đắc đạo Phật đã thu nạp và truyền cho 10 Đại đệ tử (Tôn giả thánh chúng).

Ngay từ khi ra đời đạo Phật đã chưa hình thành ngay được các giáo lý giới luật riêng cho tôn giáo của mình, mà phải trải qua bốn lần kết tập kinh điển thì mới xây dựng được một học thuyết tôn giáo hoàn chỉnh.

Kết tập kinh điển lần 1: Sau khi Phật Thích Ca qua đời (năm 483 TCN), trong hàng đệ tử của Phật sinh ra những kiến giải bất đồng về giáo pháp và những quy tắc tu hành mà Phật đặt ra. Sau khi Phật mất được một năm, Tôn giả Đại Ca Diếp triệu tập 500 vị tỳ kheo (tiếng Hán gọi là khát sĩ còn gọi là đại đức hoặc sư ông), về dự họp đại hội lần thứ nhất, trong thời gian kéo dài 7 tháng. Nội dung kết tập lại lời giáo huấn của đức Phật nói về giáo lý. Ba tạng: kinh, luận, luật của đạo Phật được khởi thảo từ đây, nhưng không có bút ký (không được ghi lại thành văn bản) mà chỉ là họp tụng đọc lại cho nghe.

Kết tập kinh điển lần thứ 2: Được diễn ra sau khi đức Phật mất được 100 năm vào thế kỷ thứ IV TCN gồm 700 tỳ kheo kéo dài trong 8 tháng. Nội dung chủ yếu của đại hội này giải quyết những bất đồng về việc thực hành giới luật và việc luận giải kinh điển. Trong cuộc kết tập lần này nội bộ tỳ kheo đã chia thành hai phái là thượng toạ bộ (phái trưởng lão) và Đại chúng bộ (phái canh tân).

Kết tập kinh điển lần thứ 3: Diễn ra vào khoảng thế kỷ III TCN tại kinh đô Pataliputro do vua Asoka triệu tập với khoảng 1000 tỳ kheo, kéo dài 9 tháng. Tại Đại hội lần này, giáo lý giới luật cùng những điều luận giải 2 phần trên của đạo Phật được ghi thành văn bản. Dưới sự bảo trợ của vua Asoka, các tăng đoàn Phật giáo được thành lập, bắt đầu việc truyền bá đạo Phật ra ngoài Ấn Độ.

Kết tập kinh điển lần thứ 4: Được tổ chức vào nửa đầu Thế kỷ thứ II dưới triều vua Kaniska, có khoảng 500 tỷ kheo. Đại hội đã hoàn chỉnh kinh điển của đạo Phật. Cũng từ đây đạo Phật chia thành 2 phái lớn: Tiểu Thừa (Phật giáo Nam Tông) từ trung tâm đảo Sri-Lanca phát triển sang nước Dna, Đại Thừa (Phật giáo Bắc Tông) phổ biến sang Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên.

1.2. Quá trình truyền bá và phát triển đạo Phật ở Việt Nam

Đạo Phật du nhập vào nước ta từ rất sớm. Ngay từ đầu thế kỷ thứ III tại Luy Lâu (Thuận Thành - Bắc Ninh ngày nay). Đạo Phật được các nhà sư Ấn Độ truyền vào theo đường biển, đã sớm trở thành một trung tâm Phật giáo quan trọng và đã xây dựng được 20 bảo tháp, độ được hơn 500 tăng và dịch được 15 bộ kinh điển. Phật giáo được truyền từ Ấn Độ sang nên từ Buddha tiếng Phạn đã được phiên âm trực tiếp sang tiếng Việt là Bụt. Phật giáo lúc này mang đậm sắc thái Tiểu Thừa Nam Tông, trong con mắt người Việt Bụt giống như một vị thần luôn có mặt ở khắp mọi nơi, sẵn sàng xuất hiện cứu giúp người tốt và trừng trị kẻ xấu. Sang thế kỷ IV- V lại có thêm luồng Phật giáo Đại Thừa Bắc Tông từ Trung Hoa tràn vào. Chẳng mấy chốc nó đã lấn át thay thế luồng Nam Tông có từ trước đó. Từ Trung Hoa đã xuất hiện ba tông phái Phật giáo chính truyền vào Việt Nam đó là: Thiên Tông, Tịnh Độ Tông, Mật Tông.

*** Tịnh Độ Tông**

Tịnh Độ Tông lại chủ trương dựa vào sự giúp đỡ từ bên ngoài để cứu vớt chúng sinh thoát khổ. Đó là việc hướng họ đến một cõi Niết Bàn cụ thể (yên tĩnh - trong sáng), được hình dung như một nơi cực lạc do đức Phật A Di Đà cai quản. Đó còn là việc bản thân họ còn thường xuyên đi chùa lễ Phật thường xuyên tụng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, hình dung cụ thể về cõi Niết Bàn là để có đích mà hướng tới. Với cách tu như vậy Tịnh Độ Tông trở

thành Phật giáo của giới bình dân và phổ biến khắp Việt Nam. Điều đó tạo nên sự khác biệt giữa Thiên Tông và Tịnh Độ Tông. Thật ra, Thiên hay Tịnh Độ cũng chỉ là những pháp môn tu tập thích hợp cho nhiều đối tượng khác nhau do Đức Phật truyền giáo ra. Chính Đức Phật Thích Ca đã nhờ vào tự lực của mình để đến giác ngộ thì cần phải giúp đỡ họ, sự trợ lực hay tha lực này rất quan trọng. Điều này gọi cho tín đồ liên tưởng đến một cõi Niết Bàn cụ thể đó là cõi Tịnh Độ hay thế giới Cực Lạc do Đức Phật A Di Đà làm giáo chủ.

Sự giúp đỡ đó còn cho thấy bản thân của người tín đồ cần thường xuyên đi chùa dâng hương, bố thí, làm những điều thiện, tránh các điều ác và thường xuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà để đạt đến “nhất tâm bất loạn”. Muốn đạt đến chỗ “nhất tâm bất loạn” này, hành giả trong lúc niệm Phật phải hình dung, quán tưởng về thế giới cực lạc để tâm mình hướng tới. Nhờ cách thức tu tập đơn giản như vậy nên Tịnh Độ Tông là tông phái phổ biến khắp đất nước Việt Nam. Đâu đâu ta cũng gặp người dân tụng Kinh A Di Đà và niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà. Và để nhớ đến đức độ cũng như giáo lý của người, ở các chùa chiền ở khắp nơi đâu đâu cũng cho tạc tượng ông để tạ ơn. Tượng Phật A Di Đà cũng thuộc loại tượng Phật lâu đời và phổ biến ở Việt Nam. Điển hình là pho tượng Phật A Di Đà bằng đá, cao gần 2 m, (thờ tại chùa Phật Tích, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh), được tạo tác dưới triều Lý Thánh Tông năm 1057. Đây là một bằng chứng đánh dấu sự ảnh hưởng Tịnh Độ Tông đầu tiên ở Việt Nam.

*** Mật tông**

Là một tông phái chủ trương sử dụng hình ảnh cụ thể và những mật ngữ, mật chú để hai bộ kinh chính là Kinh Đại Nhật và Kinh Kim Cương. Mật Tông truyền vào Việt Nam không còn độc lập như một tông phái riêng mà nhanh chóng hòa vào tín ngưỡng dân gian, pha trộn với các truyền thống như chầu tể, cầu đồng, dùng pháp thuật, yểm bùa trị tà ma và trị bệnh.

Mật Tông không có dấu hiệu phát triển rõ ràng ở Việt Nam, chỉ tùy thuộc vào sự thọ trì của từng chùa và của mỗi cá nhân có cơ duyên đến với tông phái

này. Khai mở trí tuệ giác ngộ, để thu hút các tín đồ mau chóng đạt tới sự giác ngộ và giải thoát. Tương truyền Mật Tông do Phật Đại Nhật chủ xướng.

*** Thiền tông**

Thiền Tông phái Phật giáo do nhà sư Ấn Độ Bồ Đề Đạt Ma sáng lập ra ở Trung Quốc vào đầu thế kỷ thứ VI. Đây là tông phái hay đúng hơn là một pháp môn tu tập có từ thời Đức Phật Thích Ca tại Ấn Độ (trong hội Linh Sơn) rồi truyền xuống cho Tôn giả Ca. Đến năm 520 Tổ Bồ Đề Đạt Ma (vốn là thái tử thứ ba của vua Kancipura Nam Ấn), vâng theo lời thầy là Bát Nhã Đa La (Prajnatara), Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa để hoằng dương Phật pháp. Tại nơi đây, Thiền Tông đã được hình thành và nhanh chóng hưng thịnh.

Thiền hay còn gọi là tĩnh lự, chủ trương tập trung trí tuệ để tìm ra chân lý. Tu theo pháp môn này đòi hỏi hành giả phải có nhiều công phu, khả năng trí tuệ, do vậy chỉ phổ biến ở tầng lớp trí thức và giai cấp thượng lưu. Cũng chính nhờ họ ghi chép lại mà chúng ta ngày nay mới biết được lịch sử Thiền Tông ở Việt Nam. Thiền Tông ở Việt Nam luôn đề cao chữ Tâm “Phật tại Tâm, Tâm là Niết Bàn là Phật”.

Như vậy với quá trình lán át của phái Đại Thừa mà ngay cả trong ngôn ngữ từ Buddha được dịch thành chữ Phật (chữ Bụt được thay bằng chữ Phật-chữ Bụt chỉ còn giới hạn trong ca giao tục ngữ truyện cổ tích mà thôi). Không chỉ giới hạn ở ba tông phái trên mà còn rất nhiều các tông phái du nhập vào Việt Nam tạo nên sắc thái Phật giáo đa dạng hơn bao giờ hết đó là các dòng phái như Tỳ Ni Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường.

Dòng Thiền thứ nhất: Được Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci) sáng lập. Ngài là người Nam Thiên Trúc, sang Trung Hoa học đạo và được tổ thứ ba Thiền Tông Trung Hoa là Tổ Tăng Xán khuyên nên "mau đi về phương Nam mà tiếp xúc với thiên hạ, không nên ở lâu tại đây". Ngài từ biệt và đến Việt Nam vào năm 580, ở tại chùa Pháp Vân (nay là Thuận Thành, Hà Bắc) để hoằng pháp và truyền cho tổ thứ hai là ngài Pháp Hiền (người Việt Nam). Đây là dòng Thiền có tích cách dân tộc Việt Nam, vừa biểu lộ được sinh hoạt

tâm linh siêu việt của Phật giáo vừa biểu lộ được đời sống thực tế và đơn giản của quần chúng nghèo khổ Việt Nam. Dòng thiền này truyền được 19 thế hệ.

Dòng Thiền thứ hai: Là thiền phái Vô Ngôn Thông, do thiền sư Vô Ngôn Thông người Trung Hoa sáng lập tại chùa Kiến Sơ (Phù Đổng, Hà Bắc) vào năm 280. Người kế nghiệp ngài là thiền sư Cảm Thành. Đây là Thiền phái chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Hoa sâu đậm, tuy nhiên vẫn rất gần gũi với đời sống xã hội, hòa nhập vào đời sống người dân trong khi vẫn duy trì được sinh hoạt tâm linh độc lập của mình, thiền phái này truyền được 17 thế hệ.

Dòng thiền thứ ba: Là thiền phái Thảo Đường, do thiền sư Thảo Đường (người Trung Hoa) sáng lập, ngài vốn là tù binh bị bắt tại Chiêm Thành. Được vua Lý Thánh Tông (1054-1072) giải phóng khỏi kiếp sống tù đầy và vua cho lập đạo tràng tại chùa Khai Quốc ở ngay kinh thành Thăng Long (1069) đệ tử theo học rất đông, trong đó có cả chính vua Lý Thánh Tông. Thiền phái này có khuynh hướng Thiền Tông trí thức và văn chương, do đó không cấm rữ được trong quần chúng mà chỉ ảnh hưởng được tới một số trí thức và vua quan có khuynh hướng văn học. Dòng thiền này truyền được 6 đời.

Do thâm nhập bằng con đường hoà bình và cộng thêm tư tưởng từ bi bác ái nên ngay từ thời Bắc thuộc Phật giáo đã phổ biến rộng khắp trong dân chúng và trở thành phương tiện duy trì và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc tránh sự đồng hoá của phong kiến phương Bắc.

Đến thế kỷ X khi Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập tự chủ sau một ngàn năm Bắc thuộc, các triều đại phong kiến đã có nhiều chính sách nâng đỡ Phật giáo, tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển mạnh mẽ. Chính trong thời kỳ này đạo Phật mới thực sự thịnh hưng và có những đóng góp tích cực cho đất nước. Năm 971 vua Đinh Tiên Hoàng định giai cấp cho các tầng sỹ và ban chức tể thống cho thiền sư Ngô Chân Lưu (phái Vô Ngôn Thông). Đến thời Lý - Trần thì Phật giáo đạt tới mức hưng thịnh. Do ảnh hưởng tư tưởng của vua Trần Nhân Tông và Tuệ Trung Thượng Sỹ nên đầu thế kỷ thứ XIII cả ba Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo

Đường sát nhập thành một và đưa tới sự phát triển của Thiền phái Trúc Lâm, là Thiền phái duy nhất tới đời Trần. Thiền phái Trúc Lâm do vua Trần Nhân Tông (1258-1368) khai sáng. Vua Trần Nhân Tông học Phật giáo qua sự hướng dẫn của Tuệ Trung Thượng Sĩ, một thiền sư cư sĩ nổi tiếng đời Trần, sau khi xuất gia vào năm 1299 với đạo hiệu là Trúc Lâm Đầu Đà. Ngài đã lên tu ở núi Yên Tử (tỉnh Quảng Ninh) và tại đây, ngài đã lập ra Thiền phái Trúc Lâm, một dòng thiền Việt Nam đầu tiên, mang tính chất độc lập Việt Nam. Với sự kết hợp hài hòa của Phật giáo Ấn Hoa, lập ra Thiền phái Trúc Lâm này, vua Trần Nhân Tông đã thống nhất được các thiền phái tồn tại trước đó và toàn bộ Giáo Hội Phật Giáo đời Trần về một mối.

Nhìn chung Thiền phái Trúc Lâm là một dòng Thiền tổng hợp được ba yếu tố đặc thù của xã hội. Trần Nhân Tông đại diện cho quý tộc, Pháp Loa đại diện cho nông dân và Huyền Quang đại diện cho nho sĩ. Tính cách quý tộc, nông dân và nho sĩ là thể hiện toàn diện trong con người Trúc Lâm. Sự tổng hợp đó, đã tạo nên nét đặc thù của thiền phái Trúc Lâm mà các thiền phái trước đó không có được. Kể từ đó, đạo Phật đi vào xã hội với tinh thần nhập thế cụ thể, giáo hội được tổ chức chặt chẽ, củng cố tinh thần đạo pháp và dân tộc xây dựng phồn vinh cho đất nước. Sau thời đại Lý Trần các dòng thiền Việt Nam dường như lu mờ và tàn lụi hẳn. Phải đến cuối thế kỷ thứ XX, tiếp nối đạo mạch Việt Nam, thiền sư Thích Thanh Từ đã phục hưng nền Thiền Tông Việt Nam, đó là thời điểm đầu những năm 70 tại tu viện Chơn Không (1970-1986) rồi đến Thường Viện Thường Chiếu (1974-1994) và hiện nay là thiền viện Trúc Lâm ở Đà Lạt. Đây có thể nói là một dòng thiền khác mang tính cách độc lập của người Việt Nam. Thiền sư Thanh Từ đã không theo các dòng thiền truyền thống nào mà chỉ tổng hợp ứng dụng của ba thiền sư nổi tiếng là thiền sư Huệ Khả (tổ thứ 2, Trung Hoa), thiền sư Huệ Năng (tổ thứ 6, Trung Hoa) và thiền sư Trần Nhân Tông (sơ tổ Trúc Lâm, Việt Nam) lập thành phương pháp tu tập cho thiền sinh Việt Nam trong thời hiện đại. Khi đề cập đến các thiền sư đời Trần và Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ai cũng thừa

nhận đó là một trong những Thiên phái tiêu biểu cho Phật giáo Việt Nam và Thiên Tông.

Theo các nhà nghiên cứu, Thiên Tông Việt Nam thời kỳ này có một số đặc điểm sau:

Tính vô ngã, vị tha: Đây là một trong những tính chất mang tính tiêu biểu của Phật giáo, là mục đích nhưng đồng thời cũng là nguyên nhân, phương tiện chi phối mọi hoạt động. Vô ngã và vị tha là hai yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau, tùy thuộc vào nhau. Khi bản ngã còn thì không có được vị tha trọn vẹn. Ở những triều đại khác, nơi mỗi nhà tu hành ít nhiều cũng có hai yếu tố này, nhưng đặc biệt đối với triều đại nhà Trần, là giai đoạn có sự thử thách cao, đối đầu với quân xâm lược có tầm cỡ trên thế giới. Để đạt được mục tiêu chung, nhằm giữ gìn nền độc lập cho xứ sở, tính chất này càng được bộc lộ mạnh mẽ. Những đố kỵ, hiềm khích, ghen ghét nhau trong vua tôi tạm thời được gác lại, để tập trung vào mục tiêu chung, thì trong các thiền sư. Tính chất vô ngã, vị tha càng được thể hiện rõ nét qua câu nói của nhà sư trụ trì trên dãy Yên Tử (Quốc sư Trúc Lâm hay Phù Vân) khuyên vua Trần Thái Tông: "phàm là đáng làm vua cai trị muôn dân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình".

Tinh thần nhập thế: Có "tâm vô ngã" thiền sư mới hòa mình trọn vẹn vào cuộc đời, không còn cái tôi nên không còn phân biệt hình tướng đạo đời, mới sống an nhiên, tự tại không thấy mình là nhà tu, là khác đời, và vì vậy mà không tạo thế xa cách. Tuệ Trung là một người đạo cao, đức trọng được vua Thánh Tông khâm phục gọi là Thượng Sĩ (tức là Bồ Tát), khi hay tin giặc Nguyên xâm lược, ông rời khỏi Thiên Lâm ra trận. Vua Nhân Tông sau khi đổi pháp hiệu là Trúc Lâm đã đi "vân du, hành đạo" không còn mang tư tưởng mình là một vị vua cai trị muôn dân. Ông đã thoát bỏ dễ dàng cái ta, đạt được tinh thần vô ngã nên mới có hành động vị tha, đi vào dân để kêu gọi hành thiện. Do vậy nhập thế vào đời, điều kiện trước hết đòi hỏi ở người hành đạo, ở một thiền sư phải có tinh thần vô ngã, vị tha. Càng thể hiện trọn vẹn tinh

thần này thì hành động càng mang lại lợi ích thiết thực. Tinh thần này còn được thể hiện qua cái nhìn và việc đánh giá cao về con người và vai trò của Tuệ Trung. Dưới con mắt của nhà Thiền, Tuệ Trung được đưa lên tầm cao và được phá bỏ những dị biệt về hình tướng, không còn xét xem đó là một tu sĩ hay cư sĩ, là người đạo hay kẻ đời. Nói như thế thì một triều đại có được tư tưởng Thiền Tông xuyên suốt, biết vận dụng nó làm kim chỉ nam cho mọi tư tưởng và hành động của mình như triều Trần, nên đã tạo cho Phật giáo đời Trần một thời kỳ rực rỡ trong lịch sử. Thể hiện cao tinh thần dân tộc, ở đó tính chất nhập thế được xem là giáo lý căn bản, dùng nó làm nền tảng cho đạo đức xã hội. Xây dựng một hệ thống giáo hội mới và hệ thống kinh sách mới, không lệ thuộc và chịu ảnh hưởng nặng nề của Phật giáo từ Ấn Độ cũng như từ Trung Quốc.

Có thể nói đời Trần là thời đại thống nhất các hệ phái Phật giáo trước đó. Tuy các tăng sĩ đời Trần không phải là những người trực tiếp đóng góp vào sự nghiệp chính trị như các thiền sư thời Lý, nhưng Phật giáo là yếu tố quan trọng để liên kết nhân tâm. Tinh thần của Phật giáo đã khiến cho các nhà chính trị đời Trần áp dụng những chính sách bình dân, thân dân và dân chủ. Phật giáo thời kỳ này được coi là quốc giáo. Mọi người dân trong xã hội đều hướng về Phật. Theo nhận xét của nhà sử học Lê Văn Hưu “nhân dân quá nửa là sư sãi, trong nước chỗ nào cũng có chùa”, nhà nho Trương Hán Siêu cũng cho rằng “thiên hạ năm phần thì tăng sư chiếm một”. Tuy nhiên người dân Việt Nam không tiếp nhận Phật giáo một cách thụ động mà những người có học thức nắm quyền về chính trị đã gắn đạo Phật với quyền lợi dân tộc, đã soạn giáo lý đạo Phật cho riêng mình. Đó chính là nguồn gốc của Thiền phái Trúc Lâm. “Phật chỉ lấy điều hoạ phúc mà động lòng người, sao mà sâu xa và bền chắc như vậy? Trên từ vương công, dưới đến thứ dân, hễ làm cái gì thuộc về Phật thì hết cả gia tài cũng không tiếc. Nếu hôm nay đem tiền của để làm chùa xây Tháp thì hơn hờ vui vẻ, như trong tay đã cầm được biên lai để ngày sau

đi nhận lại số tiền trả báo lại. Cho nên, trong từ kinh thành ngoài đến châu phủ, đường cùng ngõ hẻm, chẳng khiến đã theo, chẳng thê mà đã tin, hễ chỗ nào có nhà thì có chùa Phật, bỏ đi thì làm lại, hư đi thì sửa lại” trích theo nhà nho Lê Bá Quát (Lương Thị Thoa, Lịch sử ba tôn giáo thế giới, Sdd, tr 51).

Chính vì sự ảnh hưởng của Phật giáo mà có rất nhiều chùa chiền, các công trình kiến trúc Phật giáo được xây dựng mà nổi tiếng là bốn công trình kiến trúc Phật giáo là “An Nam Tứ đại khí”.

Thứ nhất là tượng Phật chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều - Quảng Ninh): Vào khoảng thế kỷ thứ XI, có pho tượng Di Lặc bằng đồng. Theo văn bia nay vẫn còn giữ lại được trong chùa, tượng cao tới 6 trượng (24 m) đặt trong một toà Phật điện cao 7 trượng. Đứng từ bến đò Đông Triều, cách xa 10 dặm vẫn còn trông thấy nóc điện.

Thứ hai là tháp Báo Thiên: Gồm 12 tầng cao 20 trượng do vua Lý Thánh Tông xây dựng vào năm 1057 trên khuôn viên chùa Sùng Khánh ở phía Tây hồ Lục Thủy (Hồ Gươm - Hà Nội) bằng đá và gạch, riêng tầng thứ 12 đúc bằng đồng. Tháp là đệ nhất danh thắng đế đô một thời. Đến năm 1414, tháp bị quân Vương Thông tàn phá, nền tháp còn lại to như một quả đồi, có thời dùng làm nơi họp chợ. Thời Pháp những gì còn sót lại đã bị phá huỷ hoàn toàn để xây nhà thờ lớn trên đất ấy.

Thứ ba là chuông Quy Điền: Năm 1101 vua Lý Nhân Tông cho xuất hàng vạn cân đồng để đúc quả chuông này và dự định treo tại chùa Diên Hựu trong một toà tháp bằng đá xanh cao 8 trượng. Nhưng chuông đúc song to quá, có đường kính 1.5 trượng (6 m) cao 3 trượng (12 m), nặng tới vài tấn, không treo lên nổi nên đành để ở ngoài ruộng. Mùa nước ngập rùa bò nên dân gian gọi là chuông Quy Điền.

Thứ tư là Vạc Phổ Minh : Đúc bằng đồng vào thời Trần Nhân Tông, đặt tại sân chùa Phổ Minh (Tức Mạc - Nam Định). Vạc sâu 4 thước (1.6 m), rộng 10 thước (4 m), nặng trên 7 tấn. Vạc to tới mức có thể nấu được cả một con bò mộng. Đến nay vẫn còn 3 trụ đá kê chân vạc trước chùa.

Sang thế kỷ XV khi nhà Lê lên ngôi, lấy đạo Nho làm chủ đạo. Phật giáo suy tàn dần, không còn giữ được vị trí độc tôn như thời Lý, Trần nữa song vẫn giữ được gốc rễ sâu bên trong nhân dân. Đồng thời với thái độ khoan dung của mình Phật giáo đã tồn tại với Nho giáo, Lão giáo, theo kiểu “Tam giáo đồng nguyên”. Thời kỳ nhà Nguyễn cũng như thời Pháp thuộc, Phật giáo trong tình trạng suy vị. Mãi tới năm 30 của thế kỷ XX, một số nhà tu hành và nhân sỹ yêu nước đã đứng ra vận động phong trào “chấn hưng Phật giáo”. Năm 1920 hội Lục hoà được thành lập để đoàn kết vận động phong trào “chấn hưng Phật giáo”. Hội nghiên cứu Phật học Nam Kỳ ra đời đặt trụ sở tại chùa Linh Sơn, xuất bản tạp chí “Từ Bi Âm” (1932), cùng trong năm đó liên đoàn Học xã ra đời tại miền Bắc.

Năm 1934, Phật giáo được đặt trụ sở chính ở chùa Quán Sứ Hà Nội và xuất bản tạp chí “Đuốc Tuệ” ở miền Trung, “Hội An Nam Phật học”... Đặc biệt hội đã mở các Phật học viện cho tăng chúng học như Phật học đường Báo Quốc và Kim Sơn, Trúc Lâm, Thiền Tông tại miền Nam. Đồng thời, hội Phật học Luống xuyên ra đời, xuất bản tạp chí Du Tân Phật học và mở Phật học tại Luống Xuyên. Phong trào này kéo dài cho đến những năm 1954. Nhờ có phong trào này mà đội ngũ tăng ni Phật tử được đào tạo qua nhiều trường lớp và phát triển ở nhiều các tỉnh. Chùa chiền được xây dựng ở khắp mọi nơi từ thành thị cho đến các làng xã.

Trong thời kỳ này có nhiều hệ phái tôn giáo được ra đời như Thiên Thái giáo Quán Tông, Phật giáo Hoa Tông.... Trước tình hình đó đòi hỏi phải thống nhất chung một giáo phái Phật giáo chung. Vì thế tổ chức thống nhất Phật giáo đã ra đời vào 1958 và tổ chức tại chùa Từ Đàm - Huế, hội chủ là hoà thượng Thích Tịnh Khiết. Đây là tổ chức thống nhất Phật giáo ba miền Bắc -

Trung - Nam, đồng thời vạch ra một con đường dân tộc nhân bản, hướng dẫn bước đi của Phật giáo vào con đường thông tin văn hoá, tiếp tục xây dựng những con người của chế độ mới. Sau 1975 đất nước thống nhất, non sông thu về một mối tạo điều kiện cho Phật giáo thống nhất và đi theo con đường riêng của mình. Đến tháng 11/1981, đại hội Phật giáo đã được tổ chức long trọng tại Hà Nội tại chùa Quán Sứ, 165 đại biểu của 9 tổ chức giáo hội, hệ phái đã tới chùa Quán Sứ để tham dự đại hội này, đây là một sự kiện trọng đại trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

1.3. Ý nghĩa tâm linh của Phật giáo

Tuy Phật giáo được tiếp nhận vào Việt Nam và nhanh chóng đi sâu vào với quần chúng nhân dân vì những tư tưởng cũng như đạo lý hợp với nền nông nghiệp lúa nước, nhưng dựa trên những tư duy hoàn toàn mới tiếp thu một cách có chọn lọc. Vì thế Phật giáo khi vào Việt Nam được biến đổi và mang những tính riêng biệt: đó là tính tổng hợp, khuynh hướng thiên về tính nữ, tính linh hoạt kết hợp giữa thờ đạo Phật và thờ cúng tổ tiên. Phật với tính chất bình đẳng bác ái, nêu cao cứu khổ cứu nạn cho con người nên đã được người Việt Nam tiếp thu một cách sâu rộng và trở thành một mảng văn hoá đậm nét của người dân đất Việt, gắn bó mật thiết với đời sống tâm linh của người dân Việt.

Trong đời sống con người, ngoài mặt hiện hữu còn có mặt “phi hiện hữu” mà người ta gọi là *tâm linh*. Mặt hiện hữu có thể nhận thức bằng trực quan, cảm giác, có thể định tính, định lượng được cụ thể. Mặt “phi hiện hữu” hay còn gọi là mặt tâm linh là những cái trừu tượng, mông lung, huyền bí, thiêng liêng nhưng không thể thiếu trong đời sống con người. Cái cột chặt con người trong cộng đồng làng xã, quốc gia không chỉ có quan hệ hiện hữu ở lãnh thổ, biên giới, chủ quyền, trong đó có chủ quyền kinh tế - xã hội, mà còn nhiều quan hệ khác rất thiêng liêng. Đó là thế giới tâm linh với những biểu tượng thần - thánh, những kỳ vọng vươn tới cái chân thiện mỹ, do đó cũng thể

hiều đời sống tâm linh gắn chặt trong mối quan hệ cộng đồng giữa người với người, giữa thế giới trần với thế giới tâm linh.

Biểu tượng tâm linh ấy được con người cụ thể hoá vào các cái hiện hữu như các ngôi chùa, ngôi đình ở làng quê Việt Nam. Cái mà chúng ta đang nghiên cứu ở đây chính là biểu hiện trong niềm tin ý thức của các tín đồ đạo Phật. Nó được thể hiện qua không gian thiêng, biểu tượng thiêng, ý niệm thiêng, mà cả một cộng đồng dân tộc đã tạo nên qua không gian thờ cúng của các ngôi chùa.

1.3.1. Không gian thiêng của Phật giáo

Do ảnh hưởng và tiếp thu Phật giáo từ Trung Quốc, nên Phật giáo miền Bắc mang màu sắc của Phật giáo Đại Thừa. Cụ thể không gian thiêng của Phật giáo là thể hiện qua các ngôi chùa, các tên gọi như: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện, thể hiện sự kết hợp của Phật giáo với sự thiêng liêng trong tín ngưỡng nguyên thủy của cư dân nông nghiệp thờ các hiện tượng thiên nhiên thờ mây mưa sớm chớp khi Phật giáo mới du nhập vào nước ta.

Tiếp đến là những ngôi chùa thể hiện sự thiêng liêng triết lý Phật giáo. Thời Lý có các ngôi chùa như: chùa Phật Tích (Bắc Ninh - dấu tích của Phật Như Lai), chùa Phổ Minh (thời Trần, Nam Định - Phật trong sáng), chùa Phả Lại (Bắc Ninh) - Phật Như Lai). Sau này có chùa Tây Phương (Hà Tây – cõi Tây Phương cực lạc), chùa Phổ Giác (phố Ngõ Sĩ Liên, Hà Nội - tức là giác ngộ theo Phật).

Những ngôi chùa thể hiện sự thiêng liêng gắn với những địa danh, sự tích lịch sử. Chùa Một Cột (Diên Hựu tức kéo dài phước lành - Hà Nội), chùa Trấn Quốc (chùa trấn giữ yên đất nước), chùa Quán Sứ (chùa để nhân viên các sứ quán đến lễ Phật), chùa Thiên Mụ (chùa có mụ trời giáng xuống)...Lại có những cái tên thể hiện sự thiêng liêng từ trên trời ban xuống. Thiên quang tự (Chùa Keo, Thái Bình – chùa ánh sáng của trời, Linh quang tự (chùa Dâu, Bắc Ninh – chùa ánh sáng thiêng liêng).

Không gian thiêng Phật giáo còn gắn với tên làng. Chùa Thắng (chùa làng Thắng), chùa Bầu (chùa làng Bầu)...Những cái tên đặt ra theo cách “đất vua chùa làng”. Thời phong kiến mọi đất đai quốc gia đều thuộc sở hữu của nhà vua, chùa là của làng, làng có mọi quyền quyết định sự tồn tại phát triển của chùa làng mình.

Về thế đất đặt của chùa cũng như không gian thiêng thần thánh (tức là nơi Phật ở), người Việt cũng rất coi trọng. Theo Đạo giáo gọi là thuật phong thủy, theo Phật thì gọi là cảnh sắc. Đất tốt bên trái trổng không, hoặc có sông ngòi, ao hồ bao bọc, bên phải cao dày, có hình hoa sen tràng phướn (hoa sen), hình rồng, phượng, qui, xà châu báu. Trước mặt có minh đường hay không đều tốt cả, phía sau không nên có núi áp kè, thế là đất tốt. Hoặc như “cảnh sắc có bốn điều, một là nước, hai là lửa, ba là lương thực, bốn là rau. Lại cũng nên biết cảnh không gần nhân gian mà cũng không xa nhân gian, vì gần thì ồn ào, xa thì thì không ai giúp đỡ cho. Cảnh có thể trú, là chỗ yên nghiệp để dưỡng thần, nuôi tính, tâm linh sáng suốt, để được chứng đạo, ấy là cứu cánh” (Hà Văn Tấn: Chùa Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr17). Không gian thiêng ấy là sự thể hiện vừa đời vừa đạo. Đời là thể hiện ở chỗ, sông ngòi ao hồ có nước, nguồn gốc đầu tiên cầu sự sống, có lương thực, nước, lửa... Đạo ở chỗ yếu tố minh đường và núi áp kè hợp với quan niệm vô sinh của nhà Phật. Còn thể hiện ở chỗ chùa cần chỗ yên tĩnh nhưng chẳng xa dân vì Phật là phổ độ chúng sinh. Người Việt chọn đất ở chùa chẳng phải chỉ để hướng về cõi hư vô, mà có ý nghĩa là sinh sôi phát triển.

Ở Việt Nam do yếu tố nông nghiệp và nhu cầu thờ Phật nên chùa chiền được dựng khắp mọi nơi, đồng thời kết hợp với các hoạt động “hoằng pháp” (là các hoạt động tế lễ của các nhà sư), bởi thế không gian nội thất trong chùa là nơi thiêng liêng, là nơi Phật ngự. Nhưng điện thờ Phật không nhất quán xây dựng giống nhau mà nó được biến đổi qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Thời Lý số lượng tượng Phật được hạn chế, như chỉ thờ các Phật: Thích Ca, A Di Đà, Di Lặc, một số tượng Bát bộ Kim Cương. Ở các sân chùa là các toà tháp

nhều tầng để các pho tượng Phật được đặt ở nền và tầng hai của cây tháp. Sang đời trần Phật giáo phát triển rộng rãi, số tượng Phật được thờ trong chùa tăng lên so với thời Lý. Các cây tháp không còn chỗ để đặt tượng thờ chính, vì thế dân phải đặt các điện thờ Phật riêng. Các cây tháp này được xây dựng nhỏ lại để khỏi tốn diện tích nhưng nó mang biểu tượng thiêng liêng về những bậc thang giác ngộ đức độ tu Phật. Chùa tháp bắt đầu tách riêng ra nay còn thấy rõ ở chùa tháp Phổ Minh - Nam Định, chùa tháp Bình Sơn - Vĩnh Phú. Ở chùa Phổ Minh, ta thấy ngôi tháp cao ngự ở sân, điện thờ Phật nền cao, gồm nhà đại bái và điện thờ ở phía sau... đó chính là sự chuyển thể dấu ấn từ thời Lý sang Trần sự chuyển thể mang đậm dấu ấn Phật pháp.

Đến thế kỷ XVI, xã hội phong kiến Việt Nam dần mất ổn định. Ngôi chùa tách thành những tu viện khép kín, lối kiến trúc thay đổi. Gỗ lắp ghép thành góc thẳng - góc kiến trúc tạo thành những cụm nhà chữ công, chữ khẩu. Sang thế kỷ XVII, xuất hiện ngôi chùa “nội công ngoại quốc” như chùa Búp Tháp (Bắc Ninh)... Trong mỗi không gian đó là điện thờ Phật ở trung tâm chính giữa.

Khác với miền Bắc thì ở miền Trung vào thế kỷ XVII - XVIII do ảnh hưởng của đạo Bà La Môn với quan niệm là đất vuông nên chùa chiền được xây dựng theo lối chữ khẩu. Bốn toà nhà bao quanh sân ở giữa như chùa Thập Pháp - Bình Định. Còn ở chùa Thiên Mụ (Huế) do ảnh hưởng của Đạo giáo, toà chính điện thường bố trí hình vuông, phía trước thờ Phật phía sau thờ tổ. Chùa một cột bên trong là hình vuông (ao thiêng) bao quanh bên ngoài là hình tròn (viên trì) có bốn lối đi thể hiện sự hoà hợp thiêng liêng giữa đất và trời (tròn và vuông), cột ở dưới bên trong chùa lại hình vuông - tức là âm dương (lửa - nước) giống như triết lý sinh sôi phát triển.

Không gian thiêng ở các ngôi chùa như này còn được thể hiện ở gác chuông. Tiếng chuông thể hiện cho lời dạy của đức Phật với chúng sinh.

Trong mỗi ngôi chùa thường bố trí gác chuông ở trên cao để có thể mang lời dạy của đức Phật từ bi đến khắp mọi nơi. Trong các ngôi chùa “nội công ngoại quốc” theo kiến trúc gỗ cổ của người Việt, chùa bao giờ cũng tạo bốn mái, hai mái chính, hai mái chái. Cùng với ý nghĩa tăng diện tích sử dụng và mát mẻ, còn có ý nghĩa thiêng liêng triết học. Nếu một tầng bốn mái “tứ tượng”, thêm một nóc nữa là ngũ hành. Sự thiêng liêng của mỗi gác chuông là chiều thu không ở những làng quê yên tĩnh, 108 tiến chuông thông thả, ngân nga xua đi sự buồn phiền của con người. Mà theo quan niệm của Phật giáo, phiền não của con người luôn theo ba kiếp: quá khứ, hiện tại, tương lai, do ba cái dục (ái dục về tính dục, ái dục về hưởng thụ vật chất, ái dục về khoái lạc tinh thần), gắn với lục căn về (mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, ý thức), cộng với lục trần (sắc, hương, vị, xúc, thanh, pháp). Mọi tồn tại gắn với con người, mà ra 108 điều phiền não (lục căn cộng với lục trần nhân với ba kiếp nhân tiếp với ba ái dục). Theo quan niệm của triết học phương đông thì số 108 cộng lại lại là số 9 (12 lần của số 9) số 9 là số dương, số 12 cộng lại là số 3 đủ âm dương biến hoá. Tam quan của mỗi ngôi chùa là sự khởi đầu cho chúng sinh vào với cõi Phật. Tam quan có ba cửa: giới, định, tuệ (giới luật, kiên định, sáng suốt) hoặc là ba cửa: khổ (khổ cực), vô thường (sự biến đổi không ngừng của sự vật), vô ngã (không có cái tôi). Tam quan đối với con mắt người thường chỉ là cái cổng chùa nhưng trong con mắt nhà tu hành nó là ranh giới giữa cõi thiêng và cõi tục, là ngưỡng cửa siêu thoát, là phương châm tu hành, gắn bó với trọn cuộc đời của các nhà tu hành cho đến lúc về thế giới bên kia.

Không gian thiêng trong chùa không những thể hiện ở cõi Phật, mà còn thể hiện ở các tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt (nhà tổ). Phật giáo không hề nhắc đến thờ cúng tổ tiên nhưng thực tế cuộc sống thực tế tâm linh của người Việt, thờ cúng tổ tiên vừa là đạo lý uống nước nhớ nguồn, vừa là một tín ngưỡng sâu đậm. Cũng từ thực tế này mà dẫn đến nhiều nhà tu hành đã vào chùa để thoát ly cõi tục, nhưng lại phần đầu trở thành sư tổ, để khi tịch

có bát hương thờ trong nhà tổ, và cũng phải cúng giỗ tổ tiên trên chùa, (điều này cũng lý giải cho vấn đề tại sao chúng sinh lại hướng về cõi Phật nhiều như thế).

Vào thế kỷ XVI – XVII, khi xã hội Việt Nam bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng, Nho - Phật – Lão không còn tạo niềm tin như trước nữa, người Việt đã đi tìm cho mình những chân lý thiêng để thờ cúng và sùng bái, con người đã trở về với nguồn gốc của mình, chính là hình tượng mẹ. Cộng thêm yếu tố nông nghiệp, sông nước gắn với tính nữ....vì thế không gian trong các ngôi chùa cổ thường được kết hợp với các tín ngưỡng thờ cúng: Phật, Mẫu , thờ thổ công , thành hoàng làng.....Không gian trong chùa không những thể hiện ở lối kiến trúc “nội công ngoại quốc”, mà còn ở lối kiến trúc “chữ tam”. Điều này đã thấy ngay từ thời Lý, ở dấu tích chùa Long Khám, chùa Phật Tích (Tiên Sơn, Bắc Ninh), trên nền chùa ở sườn núi còn rõ ba cấp nền chính. Hoặc như chùa Thầy (Hà Tây) thời vua Lý Thần Tông, vẫn còn rõ ba lớp kiến trúc ở trục chính: hạ, trung, thượng điện, (theo nhà Phật là : tam thế, tam thân, tam bảo). Tường chùa thường trổ những cửa sổ hình tròn, nửa kín nửa hở, nối tiếp nhau gây ấn tượng về sắc sắc không không, luân hồi biến chuyển của nhà Phật. Mái chùa, dưới lớp ngói lợp là lớp ngói lót được nhuộm thành nhiều màu sắc khác nhau. Đó là sự thể hiện tấm áo cà sa (nhiều hạt cát) của nhà tu hành đạo Phật, do nhiều mảnh vải hợp thành.

Gắn với không gian linh thiêng của chùa là thể hiện không khí của lễ hội chùa (nhất là vào thời trần khi Phật giáo đang trong thời kỳ hưng thịnh) như ở chùa Dâu, chùa Ninh Hiệp (Bắc Ninh), chùa Keo (Thái Bình)....sự thiêng liêng của lễ hội chùa gắn với Phật là những ngày lễ Vu Lan, Phật Đản, lễ cầu siêu cho vong hồn tử sĩ, lễ hội gắn liền với sinh hoạt văn hoá cũng như các tín ngưỡng khác của người dân Việt.....

Như vậy không gian chùa chiền là nơi thể hiện không gian tâm linh của đạo Phật, gắn liền với những tín ngưỡng dân gian của người Việt tạo nên một hệ sắc thái đa dạng của ngôi chùa.

1.3.2. Biểu tượng thiêng của Phật giáo

Biểu tượng thiêng ở đây thể hiện ở những pho tượng đặt trong chùa. Ba pho tượng đặt ở nơi cao nhất, đại diện cho ba nghìn trụ diệu Phật (biểu hiện qua triết lý thời gian đó là quá khứ, tương lai, hiện tại) gọi là bộ tượng Tam Thế. Qua mỗi dáng điệu cử chỉ của mỗi pho tượng nói lên những lý giải cho trí tuệ sáng suốt, nguồn gốc của nỗi khổ đau ... Ở trước ngực Phật, các nhà điêu khắc còn tạo ra hình tượng chữ “ vạn” (mặt trời) ý nói đây là ánh sáng trí tuệ được toả ra từ đấng quyền uy. Thờ triết lý vô thường, còn được thể hiện một lần nữa ở việc bố trí tượng thờ theo hình dọc điện thờ: lớp tượng A di Đà tam tôn - Phật ở quá khứ. Lớp tượng Thích ca niêm hoa - Phật hiện tại. Lớp tượng Di Lặc - Phật tương lai.

Tượng A Di Đà trên đỉnh đầu cũng có nhục kháo, tóc xoắn, ngực có chữ vạn, kích thước thường to lớn hơn, để gây ấn tượng về thế lực siêu linh. Ý tưởng đó còn được thể hiện một bên có tượng thế Âm Bồ Tát, vị Phật thấu hiểu mọi tiếng kêu than của chúng sinh. Tượng thể hiện: tay trái bưng bình cam lộ, tay phải cầm cành dương liễu, vẩy nước thánh tẩy sạch mọi bụi trần, nỗi khổ chúng sinh. Một bên có tượng Thế Chí Bồ Tát, hai tay bưng bộ kinh Phật, thể hiện chí nguyện lớn lao theo Phật cứu đời. Hai bên tượng Thích Ca thuyết pháp là các ngài Ca diếp và Ana, những đệ tử đắc lực khi Phật còn sống, nhằm nhắc lại sự tích về Phật.

Xuống đến lớp tượng Di Lặc, một vị đầu trọc bụng phệ, vẻ mặt tươi cười nhằm gây ấn tượng về sự sung sướng nơi cõi Phật ở tương lai. Hai bên tượng Di Lặc có tượng Văn Thù Đại Hành Bồ Tát, nói về đức hạnh lớn lao của Phật cứu đời. Kết hợp với không gian thờ Phật là những bức hoành phi, ý

muốn gửi tới chúng sinh ý niệm về sự thiêng liêng của đấng tối cao - Phật là sự giác ngộ trong lòng mỗi người.

Tiếp đến là tượng Tuyết Sơn (khổ hạnh - thể hiện sự tích của đức Phật), ghi nhớ thời kỳ trung niên của đức Phật. Tượng Thích Ca nhập Niết Bàn, ghi nhớ ngày đức Phật qua đời. Ở bất kỳ chùa nào cũng thờ bức tượng Tuyết Sơn thời sơ sinh. Trong gian thờ đức Phật Thích Ca có những bức hoành phi “pháp âm phổ bị” (tiếng giảng của kinh Phật, phổ biến rộng rãi), “y chính trang nghiêm” (muôn cảnh con người, vạn vật đều do ý báo, chính báo mà thành), những điều nói về nhịp sống nhà chùa, tụng kinh niệm Phật, luân hồi y báo mà Phật đã dạy). Việc thờ những sự tích của Phật, có ý nghĩa là ghi nhớ công ơn của đức Phật

Kết hợp với thờ các biểu tượng nhằm nổi bật những giá trị chân thiện mỹ cho con người, đó là việc thờ các Quan Âm. Tượng Quan Âm thiên thủ thiên nhãn, nghìn mắt nghìn tay (Quan Âm Nam Hải) tại chùa Bút Tháp - Bắc Ninh, được xây dựng vào 1656, trong lúc chúng sinh vô cùng đói khổ. Phật vừa mang tính huyền thoại vừa mang ý nghĩa hiện thực. Tương truyền bà là con gái của vua thủy tề, đã hiến đôi mắt, đôi tay của mình làm thuốc chữa bệnh cho chúng sinh qua khỏi dịch bệnh, được hoá thân thành Phật với nghìn mắt nghìn tay, để bà thấu hiểu nỗi khổ của chúng sinh nghìn lần hơn nữa. Pho tượng thể hiện nhiều đầu, ba mặt chồng lên nhau là thể hiện cho “tam giáo đồng tôn”. Cũng có sự tích kể rằng, do sự cứu khổ cho chúng sinh, sự nung nấu với đời mà đầu đã vỡ ra hàng trăm mảnh. Phật đã dùng pháp lực hoá những mảnh đầu vỡ thành những cái đầu hoàn chỉnh, để bà có thể suy nghĩ cứu đời được nhiều hơn nữa. Tượng được bố trí trên toà sen, xung quanh có nhiều tôm cá, ấy là thể hiện con vua Thủy Tề vượt sóng trùng dương.

Lớp tượng Quan Âm Tòng Tử, (sự tích nàng Quan Âm Thị Kính), pho tượng thể hiện người phụ nữ trẻ đẹp bế đứa con có con chim vệt đậu trên vai.

Thờ trong chính điện, nó mang ý nghĩa phê phán hiện thực, tạo nên giá trị về nét đẹp đức hạnh của người phụ nữ. Một hiện tượng khác gắn với quan niệm sinh tử của cuộc đời con người, ấy là thập điện dương vương, 10 pho tượng thể hiện 10 ông già râu dài, bố trí ngồi trên bục hai thành lang thượng điện. làm nhiệm cai quản và chuyển kiếp cho người chết qua 10 địa ngục .. Người Việt Nam lấy việc thờ Phật để dấy lên đức nhân đức nghĩa, một đạo lý làm người được người dân Việt Nam nuôi dưỡng. Đồng thời nó còn có ý nghĩa động viên con người khi còn sống làm điều thiện thì sẽ gặp may, khi xuống cõi âm phủ được siêu thoát.

Từ điện thờ chính toả ra hai bên nhà đại bái, hình ảnh hai ông hộ pháp (khuyến thiện, trừng ác), cao to tay cầm đại đao ngồi trên lưng sư tử, nói lên sức mạnh to lớn bảo vệ Phật pháp. Ngoài hai ông hộ pháp còn thờ cả bát bộ Kim Cương bảo vệ vòng ngoài, có ý nghĩa về sức mạnh to lớn kiên định trước mọi dục vọng của cuộc sống con người. Hai bên hành lang là các vị La Hán với nhiều tư thế, khuôn mặt, hình dáng khác nhau, đó là sự thể hiện sự gần gũi với chúng sinh.

Với tín ngưỡng đa thần hay còn gọi là tính “vô tôn giáo”, việc đưa nhiều các tín ngưỡng vào thờ ở trong chùa của người dân Việt đã tạo nên “tiền Thần hậu Phật” như chùa Keo (Thái Bình), chùa Quán Sứ (Hà Nội) - thờ thần Nguyễn Minh Không, chùa Láng (Hà Nội), chùa Thầy (Hà Tây) - thờ sư Từ Đạo Hạnh. Sự thờ cúng thần linh, làm cho các lễ hội chùa phong phú hơn. Tượng Phật trên chùa, đứng hay ngồi tùy thuộc theo mối quan hệ, sự tích mỗi vị, nhưng để biểu hiện pháp lực thiêng liêng là ở sự ẩn kết. Điều này bắt nguồn từ Phật giáo Mật Tông (tu luyện bí mật, dùng pháp ấn để xua đuổi tà lực).

Sự thiêng liêng về Phật còn ở chỗ làm đẹp cho Phật, bởi mũ áo sang trọng, vàng son lộng lẫy. Đó là cái đẹp truyền thống của người Việt xưa. Một sự thể hiện của biểu tượng thiêng nữa là việc tạo bệ để Phật ngự. Ở thời Lý - Trần có bệ đá để Phật ngự, bốn góc có chim thần Garuda bay lên nâng đỡ

(ảnh hưởng của thần thoại Ấn Độ) - chùa Thầy (Hà Tây), hoặc có tượng sư tử đá nằm phục, trên lưng đặt đài sen cho Phật ngự, ý nói về sức mạnh to lớn của Phật.

Trong các ngôi chùa, tháp là biểu tượng thiêng liêng về Phật. Thời Lý sử chép tháp Báo Thiên, tháp Chương Sơn, tháp Lãm Sơn, tháp Long Đội cao 13 tầng, ấy là ý niệm về chứng quả cao nhất về tu Phật. Về cây tháp, còn có tháp Phật Tịnh Độ Tông cao nhất 9 tầng gọi là cửu phẩm vãng sinh như ở chùa Liên Phái (phố Bạch Mai - Hà Nội). Tu theo Phật Tịnh Độ tông đắc quả, khi chết dự vào hàng hạ sinh là thấp nhất, cao hơn là hàng trung sinh, hàng thượng sinh là thành Phật. Sang thời Lý Trần thì tháp mới thực sự trở thành biểu tượng thiêng về Phật. Biểu hiện rõ nhất là một bàn tay tượng nghìn mắt nghìn tay mang cây tháp, trang trí trên gạch có hình cây tháp, ấy là biểu hiện về đức Phật. Do thời gian, chiến tranh... nên có nhiều tượng bằng gỗ bị mọt, bằng đất thì rã rời ra, người ta xây tháp cũng chôn cất những thứ ấy, coi như sương cốt của đức Phật - chùa Bà Đá, Hà Nội. Đối với các nhà tu hành cây tháp thiêng liêng như mộ tổ ngoài trời.

3.1.3. Ý niệm thiêng của Phật giáo

Bàn về ý niệm thiêng của Phật giáo, có thể phân ra ở hai cấp độ (nhà tu hành và đại chúng sinh). Đối với các nhà đại tu hành đạo Phật, đây là niềm tin tôn giáo. Niềm tin khiến cho các nhà tu hành tự nguyện theo triết lý “tứ diệu đế” cho cuộc đời là “nhân sinh đa khổ”, nguyên nhân của nỗi khổ là do sự thiếu minh mẫn sáng suốt, lại để sự sinh tiếp diễn. Muốn chấm dứt nỗi khổ thì phải không tiếp diễn sự sinh. Đối với các nhà tu hành, là sự chấm dứt với cuộc đời thực bên ngoài đầy dục vọng vào chùa để tu luyện theo con đường của “bát chính đạo”, ăn chay niệm Phật để thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử của cuộc sống nhân gian. Để thực hiện triết lý “sinh ký tử quy” cầu về cái

chết siêu thoát lên cõi niết bàn cực lạc vô sinh, vô tử. Niềm tin ấy cũng được thể hiện trong các ngày lễ hội hàng năm.

Tháng giêng: Ngày mừng một là lễ đức Di Lặc

Tháng hai: Ngày mừng 8 lễ đức Thích Ca xuất gia, ngày 15 đức Phật Thích Ca nhập niết bàn, ngày 19 đức Phật thế Âm Bồ Tát, ngày 24 Phổ Hiền Bồ Tát.

Tháng ba: Ngày 6 lễ ngài Ca Diếp, ngày 16 lễ ngài Chuẩn Đề Bồ Tát.

Tháng tư: Ngày 4 lễ ngài Văn Thù Bồ Tát, ngày 15 lễ Phật Đản.

Tháng sáu: Ngày 19 lễ Quan Thế Âm Bồ Tát.

Tháng bảy: Ngày 13 lễ ngài Đại Thế Chí Bồ Tát, ngày 15 lễ Vu Lan bồn, ngày 30 lễ ngài Đại Tạng Bồ Tát.

Tháng chín: Ngày 19 lễ Quan Thế Âm Bồ Tát, ngày 30 lễ đức Phật Dược sư.

Tháng mười một: Ngày 17 lễ đức Phật A Di Đà.

Tháng chạp: Ngày 18 lễ đức Thích Ca thành đạo.

Mỗi ngôi chùa là một không gian thiêng, một điểm tựa vật chất, tinh thần cho nhịp sống của biết bao các nhà tu hành đạo Phật, thanh thân về nơi tĩnh mịch.

Đối với tâm thức người dân thì đức Phật hay các ngôi chùa là nơi gửi gắm niềm tin lẽ sống, về sự sống và cái chết. Niềm tin vào thuyết “vô tạo giả” - không có thần linh nào sáng tạo ra con người và muôn vật. Hay thuyết “vô thường” - vạn vật không đứng im tại chỗ mà luôn biến đổi không ngừng. Khẳng định, đề cao thế mạnh của con người con người, muốn thoát khỏi cảnh khổ đau thì phải tự mình đứng lên giải thoát cho mình. Lễ sống ấy là ở chỗ vào những ngày rằm mùng một người Việt Nam thường hướng về Phật hay tổ tiên mình bằng cách thắp hương để tưởng nhớ đến công lao. Và để cầu mong những điều may mắn cho gia đình. Lễ Phật như vậy còn tu Phật thì ngày xưa, người Việt có câu “thứ nhất tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa”. Cuộc

sống đời thường, với bao nhiêu điều cám dỗ, tự tu cho bản thân mình cũng như làm phúc cho gia đình, đó mới là điều đáng nói. Tu tại tâm đó là cách hiểu của dòng tu Phật giáo Đại Thừa, được nhân dân đa số hưởng ứng, theo Phật mà chẳng quên nhân đạo, thiện mỹ, cũng từ thuyết nhân quả “ở hiền gặp lành” “ác giả ác báo”, “đời cha ăn mặn đời con khát nước” từ những điều tưởng chừng như đơn giản nhưng nó lại mang ý nghĩa vô cùng lớn lao đối với người tu hành cũng như chúng sinh.

Vào những những ngày rằm hàng năm, cứ đến tháng bảy thường được diễn lại vào lễ chúc thực trong đám tang. Ngài Mục Liên báo hiếu cho mẹ có cảnh đọc kinh “ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao, dục báo chi đức, hạo thiên võng cực” (khóc thương cha mẹ, sinh ta công lớn cù lao, mong báo đức hiếu, lưới trời lồng lộng không giới hạn). Đó là những lễ sống hay, nhưng cũng có những lễ sống không hay từ Phật giáo. Đó là định mệnh nghiệp kiếp (tiếng phạn là Karma – là phận riêng mỗi người đã có từ khi mới sinh ra. Kiếp bao hàm nghiệp trong đó, cùng thời gian sống của một sinh vật), khiến cho con người dễ yên phận, dễ cam chịu nhẫn nhục, không khuyến khích con người vươn lên sáng tạo.

Còn về sự chết thì Phật giáo thật sự làm cho người Việt lâu nay “an tâm với cái chết về mặt tâm lý”. Chết đầu thai sinh kiếp khác sớm hay muộn là do cuộc sống hôm nay quyết định. Quan niệm cái chết của Phật giáo (ảnh hưởng của đạo Bà La Môn), đã trở thành tục lệ tang ma thờ cúng người chết của người Việt từ bao đời cho đến nay. Thể hiện ở việc, hình ảnh nhà sư đầu đội mũ thất Phật, khoác áo Cà sa, tay cầm gậy tính trượng (đầu gậy, mắc 6 cái vòng thể hiện lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn, tịnh tiến, thiền na, bát nhã - thể hiện sức mạnh của pháp lực nhà Phật). Tôn Ngô Không, Chư Bát Giới đi hộ tống đám tang, thể hiện pháp lực của nhà Phật xua đuổi tà ma. Cầu pháp có treo những dải phướn là Phật dẫn độ vong hồn người chết về nơi an nghỉ, lễ đọc Kinh A Di Đà.....

Như thế về sự chết, trong tâm linh người Việt xưa kia, nhà với chùa gắn bó thiêng liêng, nhà yên tâm có chùa là điểm tựa cho linh hồn người chết siêu thoát. Vốn sống trong nền nông nghiệp truyền thống tự cấp tự túc, nhịp sống hết chiêm đến mùa, thành quả lao động, sự sống và cái chết có ý nghĩa nhân quả rất lớn. Ngôi chùa là nơi lan toả một phần lễ sống và cái chết của con người. Ngày nay với nhịp sống mới thì những điều may rủi vẫn có thể xảy ra...Thì sự phục hồi cho những ngôi chùa vẫn còn cần cho những niềm tin nhân quả trong lễ sống và tang ma cho người chết. Bảo tồn những ngôi chùa là bảo tồn một mảng di sản văn hoá dân tộc. Thế nhưng cũng phải thấy ở đó vẫn có những điểm tựa cho tư duy thiếu tiến bộ và khoa học.

1.4. Tiểu kết

Như vậy có thể nói Phật giáo đến Việt Nam từ rất sớm tiếp thu và chọn lọc nền Phật giáo của cả Ấn Độ và Trung Hoa, hội tụ cả hai tông phái chính Đại Thừa và Tiểu Thừa. Do ảnh hưởng của nho và lão giáo với nhiều phong tục tập quán và tín ngưỡng dân gian, một sự tiếp thu có chọn lọc, Phật giáo mang nhiều sắc thái hợp với ý chí và nguyện vọng của người dân Việt. Trải qua bề dày gần 20 thế kỷ, Phật giáo từ lâu đã thâm nhập vào tâm hồn, nếp nghĩ, lối sống của dân tộc Việt Nam và đã trở thành bản chất và bản sắc của dân tộc Việt Nam. Trong bài xã luận của tạp chí Phật giáo Việt Nam đã viết: "Trong tâm hồn dân tộc Việt Nam thật đã sẵn có mầm mống tinh thần Phật giáo. Hèn gì mà Đạo Phật với dân tộc Việt Nam trong gần hai ngàn năm nay, bao giờ cũng theo nhau như bóng với hình trong cuộc sinh hoạt toàn cầu. Đã là viên đá nền tảng cho văn hóa dân tộc, cố nhiên Phật giáo Việt Nam vĩnh viễn phải là một yếu tố bất ly của cuộc sống toàn diện. Ngày nay những hào nhoáng của một nền văn minh vật chất đã làm mờ mắt một số đông người, nhưng cơ bản của nền văn hóa dân tộc đang còn bền chặt, khiến cho người Việt Nam dù có bị lôi cuốn phần nào trong một thời gian, rồi cũng hồi đầu trở lại với cội nguồn yêu dấu ngàn xưa. Thật vậy, Đạo Phật đã ảnh hưởng đến

mọi sinh hoạt của người Việt từ triết lý, tư tưởng, đạo đức, văn học, nghệ thuật cho đến phong tục tập quán, nếp sống nếp nghĩ...”

Tìm hiểu và nghiên cứu về "Sự ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống người Việt", chúng ta càng thấy rõ nhận định trên. Từ quan niệm nhân sinh quan, thế giới quan, đạo lý, thẩm mỹ cho đến lời ăn tiếng nói của quảng đại quần chúng ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của triết lý và tư tưởng Phật giáo. Những câu nói đầu lưỡi "ở hiền gặp lành", "tội nghiệp", "hằng hà sa số",... Là điều phổ biến trong quan hệ ứng xử giữa mọi người, các ngày đại lễ Phật giáo, ngày rằm, mừng một hay lễ tết dân tộc mọi người dân dù bận rộn đến mấy cũng vài lần trong đời đến viếng cảnh chùa để chiêm bái chư Phật, chung vui lễ hội hoặc để gần gũi, tìm hiểu những di tích lịch sử văn hóa của dân tộc. Chùa làng một thời đã đóng vai trò trung tâm trong sinh hoạt văn hóa tinh thần cộng đồng làng xã của người. Nếu không có những hoạt động Phật giáo lịch đại thì chúng ta sẽ mất đi hơn nửa số di tích và danh lam thắng cảnh mà hiện nay ta tự hào. Tại sao Phật giáo đã để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn, tình cảm, trong phong tục tập quán và cảnh quan của dân tộc Việt Nam như vậy? Nhìn lại lịch sử và văn hóa dân tộc, ta thấy rằng ngay từ những thế kỷ đầu công nguyên Phật giáo đã truyền vào Việt Nam và tư tưởng, triết học Phật giáo có nhiều điểm phù hợp với tâm tư, tình cảm, đạo lý dân tộc nên đã được người Việt Nam nhanh chóng tiếp nhận và dung hòa. Qua quá trình lịch sử, trải qua bao cuộc biến đổi thăng trầm của đất nước, Phật giáo đã khẳng định mình và có một chỗ đứng vững chắc trong lòng của dân tộc, tồn tại và phát triển cùng với dân tộc. Rõ ràng Phật giáo đã đóng góp cho dân tộc ta nhiều thành tựu đáng kể về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Lịch sử đã chứng minh những giai đoạn hiểm nghèo của đất nước trước họa xâm lăng, nhiều vị thiền sư Phật giáo, đồng bào Phật tử đã chung lưng đấu cật với dân tộc, chống giặc, bảo vệ non sông, tranh đấu cho công bằng và tự do như thiền sư Khuông Việt, thiền sư Vạn Hạnh công lao lớn của vua Trần Nhân Tông đối với đất nước và dân tộc còn đó, tiếng chuông thức tỉnh của Hòa thượng Thích

Quảng Đức vẫn còn vang vọng đâu đây... Phật giáo đã từng đóng một vai trò trong việc củng cố tinh thần đoàn kết của toàn dân và đấu tranh bảo vệ đất nước. Khi đất nước hòa bình, văn hóa và dân tộc có điều kiện phát triển, Phật giáo cũng góp phần không nhỏ làm nên những tinh hoa văn hóa của dân tộc. Những mái chùa cong vút gân gỏi, duyên dáng, những tượng đài Thích Ca, tượng Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay, các bộ tượng La Hán với những đường nét tinh xảo, sống động dưới con mắt thán phục và cung kính của du khách quốc tế, những lễ hội rộn ràng, những áng văn chương trác tuyệt... Mãi mãi là niềm tự hào của người Việt Nam.

CHƯƠNG 2

HIỆN TRẠNG VỀ QUẢN THỂ DI TÍCH CHÙA BÁI ĐÍNH VỚI KHẢ NĂNG KHAI THÁC PHỤC VỤ DU LỊCH

2.1. Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp

Trong quá trình hội nhập kinh tế, Ninh Bình cũng như các tỉnh trong cả nước đang tạo cho mình những thế đứng và vị trí trong nền kinh tế của nước nhà. Trong xu hướng đó thì các cụm khu công nghiệp cũng như các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước liên tiếp ra đời để tự khẳng định vị trí của mình. Doanh Nghiệp xây dựng Xuân Trường là một trong những doanh nghiệp có những đóng góp quan trọng trong nền kinh tế của Ninh Bình nói riêng và cả nước nói chung. Doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh theo số 015004, đăng ký lần đầu vào ngày 17/3/1993 và thay đổi lần thứ 6 ngày 8/6/2007. Với tên giao dịch doanh nghiệp tư nhân xây dựng Xuân Trường. Địa chỉ trụ sở chính là 16 đường Xuân Thành, phường Tân Thành, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Doanh nghiệp Xuân Trường vốn là một doanh nghiệp của tư nhân chuyên kinh doanh các ngành nghề như: xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thuỷ lợi; san lấp mặt bằng và hoàn thiện các công trình xây dựng; xây dựng đường dây tải điện và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kv; kinh doanh máy móc xây dựng và thiết bị công nghiệp, khách sạn du lịch lữ hành và các dịch vụ du lịch khác; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh. Với ngành nghề đa dạng, doanh nghiệp có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu xây dựng trong tỉnh cũng như ngoài tỉnh.

Doanh nghiệp thành lập từ năm 1993, nhưng ngành nghề xây dựng cơ sở hạ tầng mới thực sự bắt đầu vào năm 1998. Với nguồn vốn tự có và sự đóng góp của các nhà đầu tư, doanh nghiệp đã trang bị cho mình hệ thống cơ sở

vật chất hạ tầng hiện đại với 350 xe vận tải, 100 máy thi công đường bộ. Đội ngũ cán bộ trong ngành là 130 kỹ sư trình độ trung cấp trở nên với chuyên môn, dày dặn kinh nghiệm và trên 700 công nhân lành nghề. Sự lãnh đạo tài tình của người chủ doanh nghiệp, cùng với sự đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên là động lực thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Tuy là một doanh nghiệp tư nhân nhưng với việc thực hiện các chính sách như: chính sách khuyến khích người lao động bằng các chế độ ưu tiên khen thưởng, các chế độ lương hợp lý, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người lao động, bồi dưỡng nâng cao tay nghề đã là nguồn động lực thúc đẩy tiến độ làm việc, cũng như trình độ chuyên môn của người lao động.

Vốn là một người có tài năng trí tuệ, lại có sự nhạy bén trước tình hình kinh tế, người chủ doanh nghiệp ông Nguyễn Xuân Trường đó có những hướng đi ngay những ngày khi doanh nghiệp mới bắt đầu đi vào hoạt động. Cho tới nay doanh nghiệp đã đạt được những thành tích đáng kể. Nhờ sự nỗ lực của chính bản thân tính đến thời điểm này, doanh nghiệp đã và đang thực thi 10 công trình lớn trong và ngoài tỉnh: Các công trình đường sơ tán cứu hộ dân ngập lũ, kết hợp với đờ chắn nước Tam Chúc - Khả Phong (Hà Nam), đường 477 công trình chắn nước lũ (huyện Gia Viễn), công trình Bắc Rịa - Nho Quan, các công trình trọng điểm khu du lịch Tràng An, khu tâm linh Chùa Bái Đính.... Tổng doanh thu tính đến 9/2007 là 350 tỷ đồng.

Theo bảng đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ qua được thể hiện qua số liệu cụ thể như sau:

stt	Tên danh mục	Đơn vị tính	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1	Giá trị sản lượng					
	Kế hoạch	Triệu đồng	264.064	280.000	350.000	450.000
	Thực hiện	Triệu đồng	278.550	290.000	365.000	500.000
	Tỷ lệ đạt	%	105%	103%	105%	111%
2	Nộp ngân sách thực hiện	Triệu đồng	3.446	4.348	6.864	32.000
3	Thu nhập lương bình quân	Đồng	1.200	1.300	1.500	1.600

Với khả năng và sự nỗ lực của mình, doanh nghiệp Xuân Trường đã có những đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế nước nhà, tạo đà cho ngành du lịch hội nhập và sánh vai với thế giới.

2.1.2. Dự án khai thác Chùa Bái Đính.

Là một người kinh doanh lành nghề, có kinh nghiệm trong việc nắm bắt thị trường, nắm bắt cơ hội, là điều kiện tiên quyết quyết định sự thành công trong kinh doanh. Việc lựa chọn đầu tư xây dựng khu Chùa Bái Đính là một trong những chiến lược thúc đẩy sự thành bại của doanh nghiệp cũng như sự phát triển của du lịch nước nhà. Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái Tràng An nói chung và khu Chùa Bái Đính nói riêng đã được UBND (Ủy Ban Nhân Dân) tỉnh chấp thuận tại quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 09/04/2008 cụ thể như sau: Địa điểm thực hiện dự án bao gồm huyện Gia Viễn, Hoa Lư, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Tổng diện tích 2.168,53 ha (trong đó huyện Gia Sinh: 529,6 ha). Tổng vốn đầu tư là 2.614 tỷ đồng trong đó (chi phí xây dựng: 2.265 tỷ đồng ; thiết bị: 349 tỷ đồng). Nguồn vốn đầu tư: tự có, tự

huy động và công đức của các tín đồ, nhân dân địa phương đóng góp. Thời hạn hoạt động dự án là 70 năm. Tiến độ thực hiện dự án từ 2003- 2015.

Dự án xây dựng khu núi chùa Bái Đính thuộc khu du lịch Tràng An sẽ góp phần bảo tồn tôn tạo, phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hoá cố đô Hoa Lư. Đồng thời cũng là để giữ gìn cho muôn đời sau, và thu hút khách du lịch thập phương đến tham quan học tập. Góp phần giáo dục truyền thống cho các thế hệ kế tiếp với ý thức độc lập tự chủ, trong công cuộc bảo vệ và xây dựng tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Việc đầu tư dự án khu chùa Bái Đính để phát triển du lịch. Đây là một dự án lớn có tác động đến ngành du lịch của cả nước cũng như Ninh Bình nói riêng. Dự án này có ý nghĩa vực dậy nền du lịch trong mấy năm trì trệ vừa qua, đồng thời làm tăng sức hấp dẫn của ngành du lịch Ninh Bình với khách du lịch.

Mục tiêu xây dựng khu du lịch Tràng An nói chung và khu Chùa Bái Đính nói riêng, để tiến tới đề nghị UNESCO, công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

- Bằng việc tôn tạo nhằm làm đẹp thêm cảnh quan thiên nhiên (núi rừng, hang động, thung lũng...) tôn tạo các di tích lịch sử: đền chùa miếu mạo, lễ hội truyền thống. Thu hút khách thập phương tìm về cội nguồn lịch sử.

- Nghiên cứu học tập tham quan du lịch, xây dựng nơi đây thành một khu du lịch tổng hợp tất cả các loại hình du lịch mà đặc trưng cơ bản là: lịch sử, văn hoá, sinh thái.

- Rèn luyện sức khoẻ bằng các hoạt động bơi lội chèo thuyền, leo núi, chơi tennis, cầu lông, bóng chày, lướt ván. Tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, sân khấu ngoài trời, tổ chức cắm trại sinh hoạt, dã ngoại cho khách du lịch.

- Giải trí lành mạnh với các loại hình vui chơi hấp dẫn gây hưng phấn. Tham quan kiến tạo núi non hang động, đặc biệt của thiên nhiên. Thưởng thức các loại ẩm thực đặc sản cổ truyền của cố đô Hoa Lư.

- Giúp đỡ các tầng lớp nhân dân lao động một nơi nghỉ ngơi thư giãn, trong các ngày nghỉ.

- Khi công trình được đưa vào sử dụng sẽ cải tạo mỹ quan khu vực. Đồng thời làm nền tảng các dịch vụ khác phát triển theo nhất là ngành du lịch

của tỉnh, tạo thêm công ăn việc làm tăng thu nhập cho người dân cũng như tránh được tình trạng thất nghiệp cho đa số người lao động của địa phương.

- Việc thực thi dự án chia thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Xây dựng khu chùa Bái Đính.

Giai đoạn 2: Khảo sát lập đề cương, nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chi tiết toàn bộ khu vực núi Chùa Bái Đính, xây dựng cơ sở hạ tầng hệ thống dịch vụ.

Giai đoạn 3: Hoàn chỉnh thiết kế quy hoạch toàn bộ quần thể khu du lịch hang động Tràng An, cố đô Hoa Lư, thị xã Ninh Bình. Khớp nối các hạng mục còn lại thành một quần thể thống nhất đưa vào khai thác và bảo tồn

2.2. Quần thể di tích Chùa Bái Đính

2.2.1. Vị trí địa lý

Núi Bái Đính thuộc địa phận xã Lê Xá, Sinh Dược, Xuân Trì xưa (nay là xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, Ninh Bình). Núi Bái Đính với chiều cao 185 m diện tích khoảng 15.000 m². Đây là vùng đất nổi danh, tên mỗi huyện thoại, mỗi ngọn núi, mỗi thung lũng là sự kết nối kỳ diệu một chuỗi sự tích của thiền sư Nguyễn Minh Không - Người sáng lập ra ngôi chùa cổ. Đến với khu núi Chùa Bái Đính du khách có thể tìm về với cõi niết bàn, tịnh tâm cùng đức Phật từ bi. Giữa trời đất mênh mông, vạn vật yên bình, du khách có thể phát hiện ra ở nơi cùng cốc có một Ao Tiên mà theo tục truyền nơi đây đã diễn ra cảnh sinh hoạt của các Tiên nữ chôn thiên đình. Cùng với nét đẹp trang nghiêm trầm mặc của Bái Đính cổ tự là ngôi chùa Bái Đính mới nguy nga tráng lệ nằm trên đồi Ba Rau tựa lưng với chùa Bái Đính cổ. Chùa mới là sự mô phỏng lại chùa cổ, nhưng xây dựng với quy mô lớn hơn, được xem như là một ngôi chùa lớn nhất Đông Nam Á.

Đến với ngôi chùa Bái Đính du khách sẽ bị choáng ngợp trước sự hoành tráng của những bức tượng bằng đồng to và nặng nhất Việt Nam. Đây là một công trình kiến trúc Phật giáo vĩ đại nhất của người Việt

2.2.2. Khu chùa Bái Đính cổ

2.2.2.1. Nguồn gốc lịch sử

Đây là một ngôi chùa cổ được xây dựng từ triều Lý, tương truyền rằng người khai sinh ra chùa Bái Đính là quốc sư Nguyễn Minh Không (quốc sư triều Lý). Vào thời vua Lý Thánh Tông năm Bính Ngọ (1066) ở thôn Diềm

Dương nay thuộc (Gia Thắng, Gia Viễn, Ninh Bình). Có hai vợ chồng nghèo là Nguyễn Sùng và Dương thị Mỹ đã sinh hạ ra một người con khôi ngô tuấn tú đặt tên Nguyễn Chí Thành. Không bao lâu sau thì cha mẹ mất, Nguyễn Chí Thành kiếm sống nuôi thân bằng nghề mò cua bắt cá. Lớn lên ông kết nghĩa với Từ Đạo Hạnh (? - 1115) và Nguyễn Giác Hải, là hai vị chân sư có uy tín đương thời. Khi tu hành đắc đạo, Nguyễn Chí Thành trở về quê nhà và dựng chùa Viên Quang, sau đó lại quay về quê mẹ của mình ở Phả Lại (Hải Dương), Giao Thủy (Nam Định), Vũ Thư (Thái Bình). Ông dựng chùa tu hành, lấy vị hiệu là Minh Không. Ông là một nhà sư tài năng lấy lòng, được coi là thần y khi chữa được bệnh “hoá hổ” cho vua Lý Thần Tông (1128-1138). Bộ đại việt ký sử toàn thư có chép: “khi sư Từ Đạo Hạnh sắp trút xác (để đầu thai làm vua Thần Tông), bèn đem thuốc và thần chú giao cho học trò Nguyễn Chí Thành và dặn rằng: 20 năm sau nếu thấy Quốc Vương bị bệnh nặng thì đến chữa ngay”. Quả nhiên đến năm 1136 thì vua Thần Tông bị bệnh “hoá hổ” thầy thuốc khắp nơi trong thiên hạ đều bó tay chỉ có Nguyễn Minh Không là chữa được bệnh cho nhà vua, phong làm Quốc Sư và mang họ vua, ban bổng lộc của triều đình.

Trong khi đi tìm thuốc chữa bệnh cho nhà vua ông đã tình cờ phát hiện ra hai hang động tuyệt đẹp. Bằng con mắt tinh tường của mình, ông đã nhận ra đây là đất Phật. Ông xin chối từ những bổng lộc của vua để về tu hành ở ngọn núi này. Ông cho xây chùa thỉnh Phật, để tạ ơn trời Phật, chùa Bái Đính ra đời từ đó. Theo lý giải, Bái ở đây có nghĩa là lễ bái, cúng bái trời đất Tiên-Phật, Đính có nghĩa là đỉnh như vậy Bái Đính có thể hiểu là cúng bái trời đất Tiên, Phật ở trên cao, điều này thuận theo địa thế của Bái Đính cổ tự là như vậy. Nói đến công đức của nhà sư Nguyễn Minh Không là người đã tạo nên Tứ đại khí (còn được dân gian gọi là ông tổ đúc đồng). Nguyễn Minh Không là người đã đặt tên cho vườn thuốc của mình là “Sinh Dược” có nghĩa là “Vườn thuốc sống”, để chữa bệnh cho muôn dân, là người có công gây dựng ra khoảng 400 ngôi chùa lớn nhỏ trong vùng. Vì tính nhân văn cao cả và công đức lớn lao của vị Bồ tát sống, khi ông chết người dân đã đúc tượng lập ban thờ trên núi Bái Đính, để tưởng nhớ đến người lập nên ngôi chùa Cổ Thạch Am trên động núi Bái Đính.

2.2.2.2. Danh lam thắng cảnh và những sự tích huyền thoại

Bước vào khu chùa Bái Đính cổ là bước vào không gian tâm linh của thế giới Phật - Đạo - Nho giáo, các sự tích, huyền thoại, và vẻ đẹp kỳ ảo của danh lam thắng cảnh.

Từ đường lên chùa Bái Đính cổ ngay phía chân núi du khách sẽ bắt gặp Giếng Ngọc. Tương truyền đây là giếng nước thuở sinh thời đức Thánh Nguyễn, đào để lấy nước thổi cơm, đồ xôi cúng Phật cũng là lấy nước để sắc thuốc chữa bệnh cho chúng sinh (gọi là Lỗ Lùng ổ gà), đây là mạch tiểu Long nước không bao giờ cạn. Nước từ Giếng Tiên lên đến động thờ Mẫu đỉnh Bái Đính chảy qua các khe núi Bái Đính xuống, lọc qua khe đá rế cây rừng, qua mạch nước ngầm nên trong suốt, ngọt như nước mưa, tụ lại Lỗ Lùng. Người ta gọi đây là mắt, điểm lộ thiên của long mạch Bái Đính.

Giếng Ngọc nằm trong khuôn viên rộng 6.000 m², bốn góc được xây bốn lầu bát giác. Giếng xây thành hình tròn giữa khuôn viên vuông theo quan niệm triết học cổ “Trời tròn Đất vuông”. Đường kính giếng rộng 30 m, nước trong suốt có chiều sâu từ 5 - 6 m. Miệng giếng được làm lan can bằng đá tiệp bao quanh, tôn vẻ đẹp và cổ kính của ngôi chùa. Đường đi xung quanh được lát đá rộng thoáng. Mùa hè nước bốc hơi mát, mùa đông bốc toả hơi ấm, mặt giếng có hôm bao phủ màn sương khói trông huyền ảo. Đây là công trình đã được trung tâm sách kỷ lục Việt Nam cấp bằng xác nhận ngày 12/12/2007: “Ngôi Chùa có giếng lớn nhất Việt Nam”.

Đến với Bái Đính cổ là trải qua một chặng đường khá dài nhưng khi lên với Phật tìm về với cõi thanh tịnh thì mỗi chúng sinh dù trải qua bao nhiêu bậc đá thì vẫn mang trong lòng sự phấn khởi, niềm vui mừng lộ rõ trên từng nét mặt. Lên đến động thờ Phật, thờ Thần, thờ Tiên trên đỉnh núi Bái Đính, đều được làm bằng 265 bậc đá xanh đục chạm công phu, đẹp đẽ. Xưa kia, người ta chỉ lợi dụng sườn núi để làm bậc kê bằng các phiến đá thô ráp, tự nhiên nên lên xuống khó khăn.

Bước lên 135 bậc đá là tới tam quan. Hai mặt trong ngoài trên đỉnh tam quan đề bốn chữ “Minh Đỉnh Danh Lam”. Leo lên 43 bậc đá nữa, rẽ tay phải hơn 30 m là đến bàn thờ tổ được kiến lập từ một mái đá núi tự nhiên. Chính giữa bàn thờ đặt tượng Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) mặc áo đỏ ngồi toạ thiền. Đây là vị sư Ấn Độ, vào khoảng năm 520, ngài đã theo thuyền vượt biển đến

Trung Quốc, tu hành ở chùa Thiếu Lâm trên núi Tùng Sơn, trở thành Đông Tổ Lịch Đại Thiên Tông thứ nhất của Trung Hoa, đồng thời là sư Tổ của Thiếu Lâm võ thuật. Tượng ngài thường được tạc dáng ngồi, đặt ở bàn thờ Tổ (hậu đường) của các chùa. Tượng của ngài được tạc, mặt vuông mũi cao, râu quai nón, ria râu cằm rậm, có khi mặt được sơn xanh. Bên cạnh tượng Tổ Đạt Ma là tượng Sư Tổ người Việt, không rõ danh tính, mặt vuông quắc thước, cả hai pho tượng này nguyên trước đây ở chùa Đà A (hiện nay thì không còn ngôi chùa này). Khoảng năm 1962 sư trụ trì trên núi Bái Đính chuyển về lập ban thờ tổ ở đây.

a, Động thờ Phật

Từ bàn thờ Tổ Đạt Ma đi lên khoảng 77 bậc đá, rẽ về bên phải khoảng 21 bậc đá nướ là đến cửa động (Hang Sáng- Minh Đỉnh Danh Lam trên núi). Cửa động quay hướng chính Bắc, cao hơn 2m, động Sáng dài khoảng 25m, rộng 15m trần và nền động đều bằng phẳng. Trong động thờ Phật nên người dân địa phương gọi là động Phật (hay chùa Hang), có Thạch Am (Am đá) thờ đức thánh Nguyễn Minh Không. Nhưng ngày nay người ta không còn thờ đức Thánh Nguyễn trong Thạch Am nữa, mà thờ ngay ở giữa vòng cung tay ngai của chùa Bái Đính (lối sang giữa hang Sáng và hang Tối).

Truyền rằng khi vua Lê Thánh Tông (1460 - 1496), một lần kinh lý phương Nam về qua vùng đất Ninh Bình. Sau khi lên vãn cảnh chùa trên đỉnh núi Bái Đính, đức vua đã đề tặng bốn chữ “Minh Đỉnh Danh Lam” và đề một bài thơ tứ tuyệt:

Phiên âm chữ Hán:”Minh Đỉnh Danh Lam”

*Đỉnh Sơn độc chiếm nhất danh cao
Bảo chương hoàng đệ tự tích triều
Nhân kiệt địa linh chung vượng khí
Huyền sơn mỹ lệ tráng kim âu.*

Dịch thơ:

*Đỉnh Sơn danh tiếng thực cao xa,
Che chở kinh thành tự thuở xa.
Nhân kiệt địa linh nên vượng khí,
Núi thiêng cảnh đẹp vững sơn hà.*

Trong chùa Hang trước kia có rất nhiều tượng nhưng do hang sâu, hơi nước của động đá vôi ẩm thấp nên tượng Phật không còn nữa. Các cụ cao

niên địa phương cho biết, đã có thời Đức hoà thượng trụ trì chùa này, đã cho đắp tượng Phật bằng đất, sau bị hỏng cả, lại cho làm tượng bằng đá để thờ. Nhưng cho đến nay đều không còn, nên sau này (2007 - 2008), người ta đã đúc tượng Phật bằng nguyên khối mạ vàng để thờ. Trước cửa chùa Hang đặt hai pho tượng hộ pháp (Khuyến thiện và Trừng ác) bằng đồng nguyên khối mới đúc.

Ban thờ Phật được bài trí thờ các tượng Phật theo cách bài trí thông thường giống như các ngôi chùa cổ ở miền Bắc, trên cùng là 3 pho tượng Tam thế: Phật quá khứ ngồi bên trái tay trái đặt trên đùi, tay phải dơ ngang ngực, các ngón khum vào lòng tay, ngón út giơ ra tụng niệm theo thế ấn quyết ; Phật hiện tại ngồi giữa toạ thiền hai tay đan chồng lên đùi; Phật vị lai ngồi bên phải tay phải để trên đùi, tay trái cầm viên ngọc. Hàng thứ 2: Tượng Thích Ca Mâu Ni cầm bông sen giơ cao ngang mày nên gọi là Thích Ca niêm hoa sen, tượng được đúc to và cao hơn các pho tượng khác trên bàn thờ. Hàng thứ 3: Phật Quan Âm Bồ Tát niêm hoa sen. Hai bên ban thờ Phật là hai bàn thờ Thánh Hiền và Đức Ông. Tất cả những pho tượng đều được đúc bằng đồng nguyên khối, mạ vàng, cốc đồ tế tự cũng được đúc bằng đồng. Chiêm ngưỡng động Phật sáng sáng, tối tối, hư hư thực thực, óng ánh long lanh như một động Phật bằng vàng, hương thơm của nhang khói, hương hoa rừng, cảnh sắc đẹp vừa thiêng liêng.

b, Động thờ thần Cao Sơn

Qua động thờ Phật rẽ tay trái là động thờ thần Cao Sơn. Cửa động quay hướng Đông Đông Nam 145 độ, vách đá bên phải của động có khắc bia nói về việc tu sửa động thờ Thần (thời Tự Đức). Nét chữ Hán khắc nông mờ khó đọc. Tượng thần Cao Sơn bằng gỗ sơn son thiếp vàng, đầu đội mũ cánh chuồn, hai tay cầm thẻ lệnh bài trước ngực dáng có vẻ nghiêm cẩn, oai phong.

Từ cửa động thờ Thần Cao Sơn, đi xuống hơn 70 bậc đá phía thung đền còn có một ngôi đền thờ thần Cao Sơn được xây cất áp lối lên xuống bên sườn núi, lộ thiên. Đền mới xây cất năm 2007, theo kiểu chữ “Đình”. Tiền bái ba gian, hậu cung hai gian dọc, kèo và xà đều bằng gỗ thứ thiết, theo kiểu chông giường, không gác tường, dựng trên 12 cột gỗ tứ thiết kê đá. Nguyên là do khi đúc tượng thần Cao Sơn bằng đồng nguyên khối mạ vàng để thay thế cho tượng ngài bằng gỗ trên động hang Sáng, nhưng khi đặt tượng đồng

vào thì pho tượng gỗ không thể di dời đi được nên người ta đã cho xây ngôi đền mới để thờ ngài. Dù chỉ hiện thân là gỗ, nhưng dân gian đã thờ phụng ngài trải qua bao khói lửa binh đao, phé hưng thời đại. Chính vì lẽ đó mà đền thờ thần Cao Sơn càng uy nghi, công đức của ngài luôn được chúng sinh tưởng nhớ đến. Đó chính là nét văn hoá trong tín ngưỡng dân gian của người Việt. Ngày nay khi lên chùa Bái Đính ta thấy một ngôi chùa thờ Thần Cao Sơn mới có tên đề tự “Cao Sơn Thần Từ” sơn son thiếp vàng. Pho tượng mới đúc cao tới 1.50 m, phỏng theo hình dáng của pho tượng cũ để tạo khắc.

c, Đền thờ Lý triều quốc sư Nguyễn Minh Không

Từ động thờ Phật rẽ tay trái đi xuống khoảng hơn 20 bậc đá là một ngôi nhà xây dựng theo kiểu nhà sàn khang trang. Quay hướng Nam Tây Nam 225 độ là đền thờ thánh Nguyễn Minh Không, đền mới được xây dựng toạ lạc bên sườn núi. Giữa vòng tay ngai của núi Bái Đính nhìn xuống thấy thung Ổ Gà (Sinh Dược, Gia Sinh), hai bên là Quỳnh Lưu và Sơn Lai (Nho Quan). Hai bên tả hữu “tay ngai” là động thờ Phật Cao Sơn và động thờ Mẫu. Đều là kiến trúc 2 tầng tầng dưới xây dựng bằng bê tông cốt thép, kích thước: rộng 10.50 m, sâu 15.80 m, phía trước có hiên rộng 1.60m. Tầng trên có kiến trúc hoàn toàn bằng gỗ tứ thiết theo kiểu chữ Đinh, chông giường, tiền bẩy, hậu bẩy, gồm 6 vì kèo. Các đầu bẩy đều trạm trở hoa lá, nhà 5 gian 2 chái, tạo thành 4 mái, đều lợp ngói men ống màu nâu. Các mái đao đều có hình chim phượng châu, đầu kim là hình rồng châu. Đỉnh mái là “Lưỡng Long Triều Nguyệt”. Gian tiền đường dài 14.0m, rộng 4.70m, có hai hàng cột song song, mỗi hàng có 6 cột. Hậu cung có 2 cột, các cột có kích thước bằng nhau: cao 3.20m, đường kính 0.40m.

Điều đặc biệt là tường đều làm bằng gỗ tứ thiết đục thông phong “thượng song hạ bản”. Các cánh cửa đều làm bằng gỗ lim. Hậu cung có một gian dọc, trên cửa có bức đại tự chữ hán “Lý triều quốc sư”. Tường hậu cung dựng bằng gỗ tứ thiết, giữa đặt tượng thánh Nguyễn Minh Không, cao 1.50m đúc bằng đồng nguyên khối mạ vàng, trên một bệ đá. Tượng đúc theo mẫu tượng thánh Nguyễn thờ ở đền Lý Quốc Sư (Phố Lý Quốc Sư, Hà Nội), lan can đều làm bằng đá chạm chỗ kỳ công đẹp đẽ.

d, Động thờ Tam Toà Thánh Mẫu:

Đối diện với động Sáng thờ Phật, là động Tối thờ Tam toà thánh Mẫu. Động tối quay hướng Đông Đông Nam, cửa cao rộng, có treo quả chuông đồng, nặng hơn 300 kg, đúc nổi 8 chữ Hán “Mẫu Nghi Thiên Hạ” và “Xuân Hạ Thu Đông”. Bên trong động tối có nhiều ngăn hơn động sáng gồm 7 động nhỏ thông nhau, có động ở trên cao, lại có động ở độ sâu tới 4- 5 m, có động nền lại bằng phẳng, có động trứng xuống như lòng chảo....Trần động có chỗ cao hơn chục mét. Bàn thờ Tam toà Thánh Mẫu được bài trí ở ngăn động Sáng hơn. Nhũ đá trong động Tối thi nhau rủ xuống tạo nên đủ các hình dáng tùy theo trí tưởng tượng của mỗi người. Cá vượt vũ môn, rồng hút nước, cây tiền, cây bạc, cây thóc, bàn cờ để thích, người cày ruộng, ao bèo, lợn ăn no tròn nằm ngủ.....Lại có những nhũ đá rủ xuống giữa động giống như một cây cột lóng lánh gọi là “Nhất trụ kinh thiên” (một cột chống trời), gõ vào phát ra những âm thanh kỳ diệu như cây đàn đá nhiều cung điệu.

Bàn thờ mẫu được đặt tượng tam vị Thánh mẫu bằng đồng, dát vàng. Pho tượng mẫu ở giữa ngôi dạng phật niệm thiền. Pho tượng bên tay trái: tay phải đặt trên đùi, giữa lòng bàn tay, bàn tay trái úp trên đùi. Tượng bên phải có dáng ngôi và để tay ngược lại pho tượng bên trái.

Hàng thứ hai trên bàn thờ là tượng Ngũ Vị Tôn Ông cũng bằng đồng dát vàng. Khác với động Sáng thờ Phật, động Thờ thần Cao Sơn thì động Tam toà Thánh Mẫu được lập lên thờ tự ít nhất, từ thời thánh Nguyễn (thế kỷ XII), động thờ mẫu Liễu Hạnh ở động Tối được lập nên chưa lâu. Theo truyền rằng Mẫu Liễu xuống trần vào cuối thế kỷ XVI, hiển linh vào thế kỷ XVII và đặc biệt trong triều phong kiến nhà Lê Trung Hưng (thế kỷ XVIII), nhà Nguyễn và nhân dân tôn thờ rộng rãi từ thế kỷ XIX, với sắc phong và sự tôn vinh cao nhất “Mẫu nghi thiên hạ” như riêng ở chùa Bái Đính cổ, thì Liễu Mẫu Hạnh được thờ khoảng những năm 30 của thế kỷ XX. Theo người dân địa phương ở đây kể lại rằng, xưa có một người tiểu phu đi kiếm củi tình cờ phá đồng mối khổng lồ khổng lồ thấy xuất hiện cửa động, dân gian thấy động tối (âm), nên từ đó lấy tên là động Tối, đối lập với động Sáng để có âm dương ôn hoà theo quan niệm triết học “âm dương khai thái”. Sau này người ta thấy, đỉnh núi đã có động thờ Phật, thờ Thần (dương) rồi lập động thờ Mẫu Tiên (âm). Cũng là theo thuyết âm dương, và hoàn chỉnh tín ngưỡng đa thần của người Việt. Đặc

biệt là phong tục thờ (Phật, Tiên, Thần), Đạo Mẫu chính là là tín ngưỡng bản địa của người Việt.

Bên cạnh ban thờ Mẫu là ngăn động tối hơn, phía trong chia thành hai ngăn nhỏ. Bên trái chính giữa là thờ Phật, có ba hàng tượng Phật, trong đó có pho tượng Thích Ca và pho tượng Thích Ca sơ sinh (tượng Cửu Long). Bên trái lại thờ Tam toà Thánh Mẫu, tất cả mặc áo hồng. Theo một số thông tin của những người trông coi ở đây, thì tất cả số tượng này đều là tượng cũ của động Tối (tượng mới đúc bằng đồng thay cho các tượng cũ dồn vào ban thờ này), và tượng của các chùa Đà A, chùa Chợ, chùa Lê (Sinh Dược) chuyển về thờ ở đây. Ngăn động liền bên phải thờ công đồng.

Trong động Tối còn có đường lên trời và đường xuống âm phủ, lối lên trời của động nhỏ, lộ thiên thẳng tận đỉnh núi, tới cột cờ. Đường xuống âm phủ trong sâu thẳm thẳm, càng đi xuống càng nhỏ dần, trần động càng cao, nhiều góc ngách, sâu khoảng vài ba chục thước, lại có lối xuống Ao Tiên. Nước thánh thót trần hang rủ quanh năm nên Ao Tiên không bao giờ cạn, nước nhũ đá đủ mọi hình thù kỳ dị, long lanh soi bóng xuống mặt nước lung linh huyền ảo.

Với vẻ đẹp kỳ ảo của mình cũng như những sự tích, các yếu tố tín ngưỡng văn hoá của người Việt được hội tụ ở nên đây vừa tạo nên cảnh quan vô cùng đẹp mắt và có ý nghĩa tâm linh to lớn. Đến với Bái Đính nếu không hiểu hết giá trị của nó thì cũng giống như lên chùa để thưởng ngoạn mà không thấy được nét đẹp thiêng liêng của nó. Sức hấp dẫn của chùa cổ Bái Đính không chỉ là ngôi chùa với những hang động đẹp mà nó còn thu hút sự tò mò, khám phá của khách hành hương qua từng bậc đá đi lên. Những lớp tam cấp được xây bằng những lớp đá thoai thoải, để giúp du khách lên xuống được dễ dàng. Hai bên sườn núi là những gò đá bụi cây, có lên núi mới biết núi cao, đứng từ trên núi phóng tầm mắt xuống về hướng chân núi du khách sẽ thấy được toàn cảnh Giếng Ngọc, những dòng người nháp nhô lên núi tìm đến Phật tìm đến chỗ thanh tịnh để cầu mong những điều an lành sẽ đến với họ, cũng như để tỏ lòng thành kính của chúng sinh trước Phật.

2.2.3. Bái Đính tân tự - khu chùa Bái Đính mới

2.2.3.1. Trung tâm Phật giáo qua các thời “Đình -Tiền Lê

- Không gian Phật giáo qua các triều đại

Chùa Bái Đính tọa lạc trong không gian qua các triều đại được xây dựng trên dải đất áp kề trung tâm Phật Giáo “Đình – Tiền Lê” vào buổi đầu nhà Lý. Trong không gian thiêng của cố đô Hoa Lư và rộng hơn đến các đời “Trần- Lê - Nguyễn” sau này, là cả một không gian thiêng với cốc đèn chùa miếu mạo, thu hút nhiều tầng lớp dân chúng như:

a, Am Tiên (Động thờ Phật thời Lý)

Tương truyền đây là ngục đá nhốt hổ dữ, để trừng trị những kẻ có tội thời nhà Đinh. Đến thời Lý quốc sư Nguyễn Minh Không, vào đây tụng kinh thuyết pháp để yểm đảo quỷ, ma không kêu rú, hãm hại dân lành, cải đặt tên là động Am Tiên. Còn có ban thờ Đức Thánh Nguyễn Minh không với 3 chữ Hán trên ban thờ “Hiển Thánh Từ” (miếu thờ hiển thánh) và đôi câu đối “Điềm giang sinh hiển thánh, Hoa Động tiếp Thần Cao” (Điềm giang sinh hiển thánh, Động Hoa Lư đón Thần Cao).

b, Viên Quang Tự và Đền thánh Nguyễn Minh Không

Hai di tích này thuộc 2 xã Gia Tiên và xã Gia Thắng (huyện Gia Viễn, Ninh Bình) đối ngạn qua con sông Hoàng Long với Bái Đính cổ, do Thánh Nguyễn lập. Đền Thánh Nguyễn thờ Đức Thánh Nguyễn Minh Không là người quê ngay bản xã, đền còn thờ thân phụ thân mẫu của Đức Thánh Nguyễn ở nhà chính tâm. Đây vốn là nhà để thờ Phật, sau khi Thánh Nguyễn mất, nhân dân lập đền ngài ngay trên đất chùa, đền và chùa nằm trên kiêu đất “Tượng Sơn Chung Dục, Ngưng Thủy Trường Thành” (núi voi hun đúc nên, trước mặt có dòng sông uốn khúc) được cho là long mạch địa linh nhân kiệt trong vùng, hiện còn 5 gian phía tây thờ Phật.

Động Hoa Lư ở địa phận xã Uy Tế (nay xã Gia Hưng, Gia Viễn, Ninh Bình). Gọi là động nhưng không có hang, đây là căn cứ ban đầu, thời thơ ấu cò lau lập trận, sau này là nơi tụ nghĩa của nghĩa quân Hoa Lư do Đinh Bộ Lĩnh làm thủ lĩnh. Trong động có đền thờ Lý triều quốc sư Nguyễn Minh Không. Có tượng và bức đại tự bằng gỗ, có ba chữ Hán “Hoa Lư Động” khảm trai không đề niên đại cũng được các nhà phong thủy cho là địa linh phát tích .

c, Chùa Địch Lộng.

Địch Lộng có nghĩa là tiếng sáo thổi, vì khi đứng giữa cửa động, gió thổi vào cửa động, nghe tiếng vi vu như tiếng sáo. Tên làng Địch Lộng và

chùa Địch Lộng là gọi theo tên này. Chùa còn có tên khác là chùa Hang hay là Cổ Am tự, động tên là Nham Sơn. Chùa và Địch Lộng nằm ở phía Bắc xã Gia Thanh, cách cầu Khuất 600m về phía Tây, cách Bái Đính về phía Bắc gần 20 km. Chùa Địch lộng là một cụm kiến trúc chùa và Đình Chùa thờ Phật , Đền thờ Thần. Theo truyền thuyết sinh thời Nguyễn Minh Không thường đơm đó ở Kẽm Trống cách Địch Lộng 400m, giữa Kẽm Trống là một mô đất nhô lên gọi là “Nút đỏ”. Hai bên Kẽm Trống và Núi Rùa có hai nốt chân khổng lồ trên đá, dân gian gọi là lốt chân của Thánh Nguyễn, lúc đầu nhân dân thờ Ông ở Gộp Hồ một vách núi đá ven núi Kẽm Trống, về sau mới rước về thờ ở đền Địch Lộng. Chùa có 22 pho tượng Phật và Bồ Tát, có tượng Phật Quan Âm nghìn mắt nghìn tay và một tượng quốc sư Nguyễn Minh Không. Chùa và Địch lộng là một thắng cảnh nổi tiếng của Ninh Bình. Động đã được mệnh danh là “Nam thiên đệ tam động” (động đẹp thứ ba trời nam) và cũng được các nhà phong thủy coi là vùng địa linh.

d, Đền Vực Vông

Đền thuộc thôn Diễm Thượng, làng Chi Phong, xã Trường Yên thuộc thành nội của Kinh thành Hoa Lư xưa. Đền thờ bà Quận Mỹ vợ thứ của ông Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê người trong thôn, thời Lê Trung Hưng. Đền làm trên một khu đất bên bờ sông Hoàng Long. Trước cửa Vực Vông nên gọi là Đền Vực vông. Phía sau đền là núi Trư Sơn (núi con lợn), dãy núi phía Đông Bắc Bái Đính. Từ đền Vực Vông lên núi Bái Đính khoảng 2 km. Đền được lập đầu thế kỷ thứ XVII, ngay sau khi bà chúa Mỹ Quận Công tự vẫn. Sau khi trả nợ thù chồng. Qua nhiều lần trùng tu có quy mô như hiện nay, ngôi đền nổi tiếng linh thiêng từ lâu đời.

e, Chùa Bích Động ở thôn Đạm Khê (thuộc xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư)

Động ở trên quả núi cao 130m, tên động do Nguyễn Nghiễm đặt vào năm 1773, động có 3 ngôi chùa là chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng, chùa xây dựng vào năm 1707 cửa động phía tây có 3 pho tượng Phật Tam Thế, bằng đá uy nghi.

f, Chùa Kim Cương -Tháp Hiển Diệu

Núi Tiên Long gọi là núi tháp (thôn Áng Sơn, Ninh Hoà, Hoa Lư) trên vách đá có khắc bia Đại trị thứ 10, năm Đinh Mùi 1367. Nhà sư Trí Nhu, người đã có công trùng tu ngôi tháp Linh Tế trên núi Dục Thúy và tháp Hiển

Diệu của chùa Kim Cương ở trên núi Tiên Long (hiện nay thì không còn nữa). Năm 1981 thì các nhà khảo cổ học đào thám sát trên nền tháp nằm trên đỉnh núi Tiên Long, đã tìm thấy rất nhiều mảnh vỡ gạch ngói và cả một số mảng đất nung có mảng có hình rồng của thời Trần muộn. Họ đã khẳng định vào thời Trần tại đây có ngôi chùa và tháp khá lớn như văn bia trên vách đá đã nêu. Người ta phỏng đoán theo truyền ngôn là tại đây từ thời “Đình- Lê” đã có chùa thờ Phật, nhưng năm tháng nắng mưa, chiến tranh, nên chùa không còn nữa. Đến thời Trần thì Chùa và Tháp được xây dựng lại trên nền chùa cũ.

g, Đền Thái Vi (Điện Thái Vi)

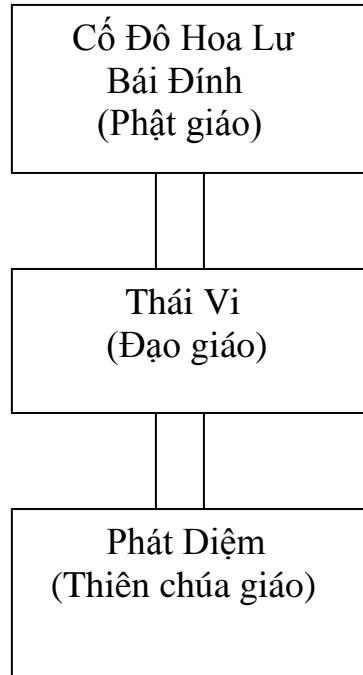
Ở thôn Văn Lâm, Ninh Hải, Hoa Lư, đền thờ 3 vị vua nhà Trần là Trần Thái Tông (1225 - 1258), Trần Thánh Tông (1258 - 1278), Trần Nhân Tông (1278 - 1293). Đền được xây dựng từ thời nhà Trần, và trở thành trung tâm Đạo giáo của nhà Trần.

h, Làng Sinh Dược cũng là nơi tập trung của nhiều đền chùa miếu mạo như đền thờ đức Thánh Nguyễn, đình Chợ (chợ Sinh Dược cũ), chùa Đà A, đền Bồng (thờ quan Đệ Tứ), đình Trung(thờ Quý Minh Đại Vương là Thành Hoàng), Văn Chi (thờ Đức Khổng tử trên đỉnh núi làng Đồi), đền Từ, đền Mon...

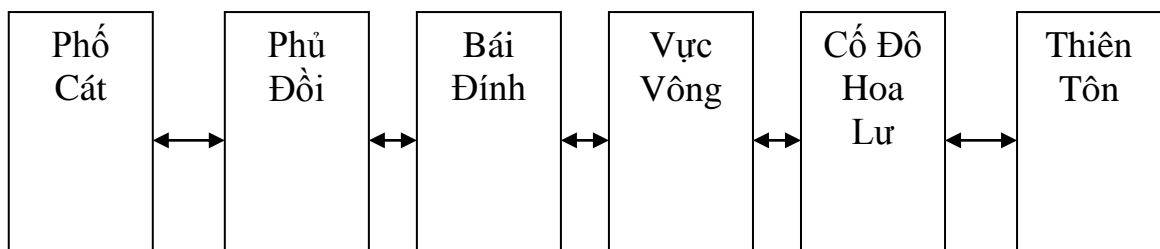
- Không gian Phật giáo qua các trục thiêng Đông Tây Nam Bắc

Chùa cổ trên động Phật núi Bái Đính và chùa Bái Đính mới không những nằm trên trục trung tâm Phật giáo thời (Đình- Tiền Lê) mà nó còn nằm trong không gian theo trục thiêng Đông Tây và trục thiêng Nam Bắc.

Xét theo trục Bắc Nam thì đó là cố đô Hoa Lư, trung tâm Phật giáo của thế kỷ XX, *Bái Đính*- trung tâm tâm linh Phật giáo đầu thế kỷ XXI thờ “Tiên ,Thần ,Phật” trên đỉnh núi Bái Đính. *Thái Vi* (Văn Lâm) - trung tâm Đạo giáo thời nhà Trần thế kỷ XIV, nhà thờ Thiên chúa giáo *Phát Diệm* - trung tâm Đạo Thiên chúa giáo của thế kỷ XIX.

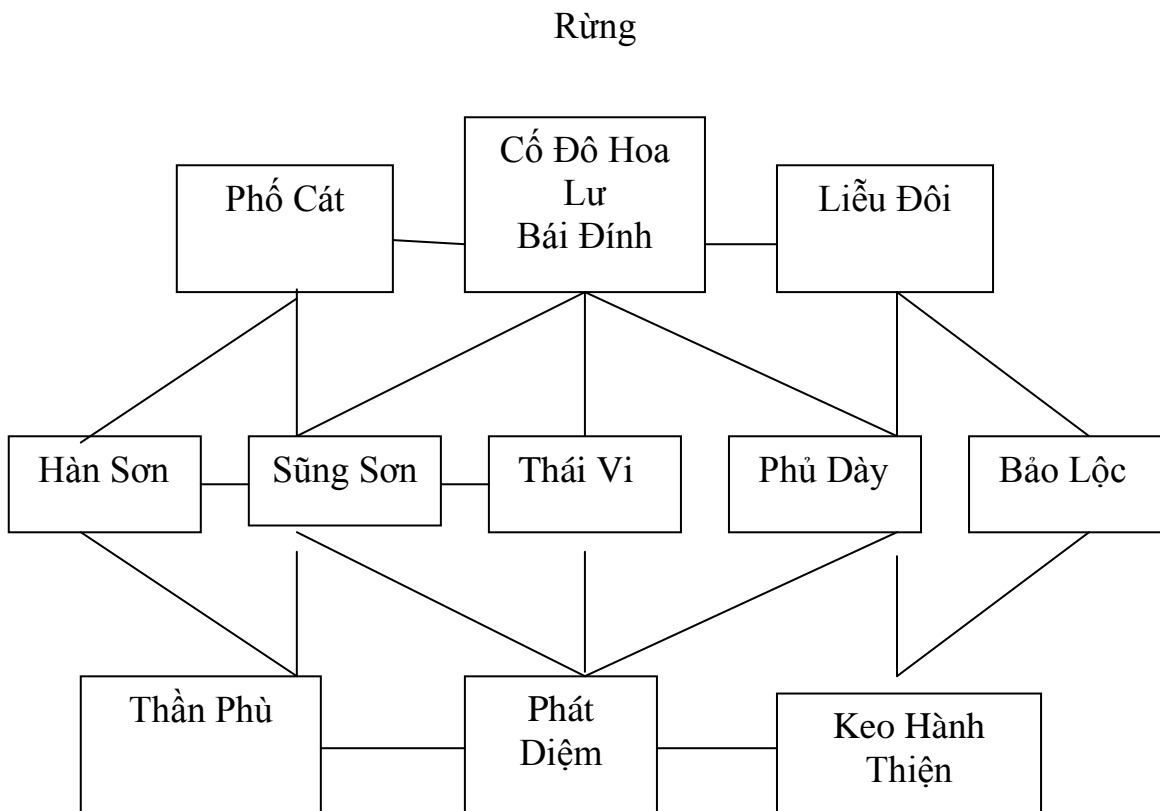


Xét theo trục thiêng Đông Tây là :**Thiên Tôn** - thờ Thiên Thần (Thần), **Cổ Đô Hoa Lư** - là thờ Phật, Thần (nhân thân vua Đinh, vua Lê và các yếu nhân Cung Đình Hoa Lư như Thái hậu Dương Vân Nga, Đinh Liễn, Đinh Toàn, Đinh Hạng Lang, Lê Ngoạ Triều...**Vực Vông** - thờ Mẫu (Mỹ quận công phu nhân), **Bái Đính** - thờ “Phật ,Thần, Tiên”, đền phủ Đồi và phủ Cát - thờ Mẫu Liễu Hạnh. Như vậy khu trung tâm Bái Đính, vừa là tâm điểm vừa là giao thoa của hai trục thiêng này, cũng là tâm điểm của phong tục truyền thống thờ: Phật, Thần (đạo giáo), Tiên (mẫu).



Đáng chú ý trung tâm tâm linh Bái Đính đã tạo nên sự đặng đối, hài hoà tục thờ cúng truyền thống, nhất là đã tạo nên sự đặng đối vừa ngẫu nhiên lại vừa tiền định. Ba đạo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt, từ lâu đời là đạo Phật giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo trong vùng đất cổ ô Hoa Lư cổ nói riêng

và mở rộng ra vùng châu thổ Bắc Bộ: Đó là Phủ Dày (Mẫu) và Bảo Lộc Thánh (thuộc Nam Định), Liễu Đôi (Hà Nam), (Thần và tín ngưỡng dân gian) và Bắc Hoá là đền Sòng Sơn (Mẫu), Hàn Sơn (Tam toà tứ phủ). Trung tâm tâm linh Phật giáo của Bái Đính ở vùng núi rừng - Tượng dương, trung tâm Thiên chúa giáo Phát Diệm ở vùng biển nước- Tượng âm. Bái Đính đã tạo nên sự đặng đối tâm linh giữa hai đạo giáo lớn trên đất Ninh Bình, mà còn tạo nên sự cân bằng âm dương theo triết cổ học. Lấy trung tâm đạo giáo Thái Vi làm tâm điểm đặng đối và cân bằng của trục thiêng Nam Bắc.



Biển

Trục thiêng là không gian thiêng rộng lớn, chạy dọc theo mạch núi mạch sông kỳ vĩ, và mảnh đất linh theo thuyết phong thủy cổ. Để phân biệt với ngôi chùa cổ trên động núi Bái Đính, thì dưới chân núi Bái Đính là một ngôi chùa hoàn toàn mới, người ta gọi là Bái Đính tân tự.

Không gian thiêng của tâm linh Phật giáo là không gian ngôi chùa ngôi chùa (chùa Bái Đính) giống như các ngôi chùa của người Việt miền Bắc, là

chùa theo Phật giáo Đại Thừa. Vào thời lý nhà sư Thảo Đường người Trung Quốc, vốn là tù binh bị bắt tại Chiêm Thành, được Lý Thánh Tông (1504-1072) giải phóng khỏi kiếp nô lệ và cho mở Đạo Tràng tại Chùa Khai Quốc-Thăng Long (1609). Đệ tử theo học rất đông, trong đó có cả vua Lý Thánh Tông, lập nên dòng thiền thứ ba được truyền được 6 đời. Thiền Tông thời Lý, mang một đặc trưng dễ nhận thấy đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn Đạo Thiền với Nho giáo và Tịnh Độ. Thời Lý đất nước được thống nhất độc lập về chủ quyền chính trị, về cương vực lãnh thổ, một cách thực sự và trên ý nghĩa đó là sự độc lập tất yếu về hệ tư tưởng. Trong buổi đầu dựng nước Phật giáo có ý nghĩa như một thứ vũ khí tinh thần hữu hiệu để cố kết lòng dân, đoàn kết dân tộc chống lại kẻ thù xâm lược Phương Bắc. Nền Phật giáo Việt Nam đã phát triển cực thịnh dưới thời Lý, nhất là trong thời Nguyên Phi Ý Lan nhiếp chính. Sang đời Trần thì phái Thiền Tông được thống nhất, nên có thể hiểu ở chùa Bái Đính theo dòng phái Thiền Tông.

Theo dòng phái này thì không gian thiêng trước hết được thể hiện qua tên gọi của ngôi chùa như chùa Phật Tích (dấu tích của Như Lai), chùa Tây Phương (cõi tây phương cực lạc)...còn chùa Bái Đính (ý là tiếp nối không gian tâm linh và diễn xướng lễ hội Phật, Thần, Tiên từ ngàn xưa đã diễn ra trên mảnh đất và ngọn núi linh thiêng này).

Không gian thiêng còn biểu hiện ở thế đất lập chùa, theo Đạo giáo thì gọi là cảnh sắc. Chọn được thế đất có âm dương là thế đất tốt theo như lời của Thánh Nguyễn thì chùa Bái Đính cổ trên núi - tượng dương. Chùa mới dưới chân núi là - tượng âm, âm dương lưỡng hợp, khai minh, khai thái. Chùa Bái Đính cổ trên động núi quay hướng Bắc, chùa Bái Đính mới toạ lạc trên triền đồi Ba Rau huyền thoại phía Đông Bắc chân núi Bái Đính. Chùa toạ Nam nhìn hướng chính Bắc là Trạch Tốn. Hướng cửa các điện lớn trong chùa.. Chùa xây dựng theo thuyết phong thủy cổ “tiền thủy hậu sơn”, phía trước lấy cận minh đường là Hồ Đàm Thị, viễn minh đường là sông Hoàng Long. Núi Phồng, núi Tháp, núi Hang Trai, tạo thành chữ “tâm” làm tiền án, tả thanh long là khu đồi Ba Rau, hữu bạch hổ là núi Bái Đính, xa hơn về phía Đông Nam là núi Mất Ròng, hậu bối là núi Thung Bình. Người Việt chọn thế đất dựng chùa chẳng phải chỉ để hướng về cõi hư vô, mà còn hướng về nơi sinh

sôi phát triển. Đất tốt theo quan niệm phong thủy cổ truyền phải là đất bên trái trống không, hoặc có sông ngòi ao hồ bao bọc, bên phải cao đầy có hình Hoa sen, tràng phướn, lọng báu có hình Rồng, Phượng, Quy, Xà châu báu, trước mặt có minh đường, phía sau không có núi áp kê là đất tốt.

Chùa Bái Đính mới đã chọn được thế đất “đắc địa”, “cảnh sắc có đủ: nước, hoả, lương, rau, cảnh không gần nhân gian mà cũng không xa nhân gian vì gần thì ồn ào, xa thì cô quạnh, cảnh có thể trú là chỗ yên nghiệp có thể dưỡng thân, nuôi tính, tâm linh sáng suốt, trường dưỡng thành thoi, để được dưỡng đạo ,ấy là cứu cánh” đối chiếu lại thêm một chuẩn mực hết sức trọng yếu nữa là chùa Bái Đính chọn được cảnh sắc và thế đất “đắc địa” vừa đời vừa đạo, đời ở chỗ bên trái thì trống không, theo triết học cổ phương đông “vô cực sinh thái cực” có nghĩa là vật chất từ không thành có, sông hồ ao ngòi là nước yếu tố khởi nguyên của sự sống, bên phải có Rồng, Phượng, Quy, Xà là hội đủ âm dương, điều kiện cần và đủ cho sự sống sinh sôi phát triển. Đời còn biểu hiện ở long thực, rau , nước, lửa để duy trì sự sống nhân gian. Đạo là ở chỗ phía trước có minh đường (nơi nước tụ lại) cũng tốt, phía sau không có núi áp kê là không có dương, hàm ý chỉ cầu âm (vô sinh). Theo quan niệm của Phật, chùa cần yên tĩnh thì phải xa dân nhưng đạo Phật cứu sinh độ thế nên cần có dân. Chùa Bái Đính vừa có dân vừa không quá gần dân để có không gian tĩnh độ.

2.2.3.2. Các công trình kiến trúc

Theo quy hoạch chùa Bái Đính mới, bao gồm cả khu vực rộng lớn gồm nhiều hạng mục công trình được gọi chung là “khu tâm linh Phật giáo Bái Đính”. Diện tích tổng thể 30.000m² với trên 20 hạng mục công trình. Được quy hoạch cụ thể như sau: điện Tam Thế 2.053m², điện Pháp Chủ (Thích Ca Mâu Ni) 2.000m², điện Quan Thế Âm Bồ Tát 676m², điện thờ 500 vị La Hán 12.000m², các công trình phụ trợ khác 13.270m² (công viên văn hoá và học viện Phật giáo 30.28ha, khu đón tiếp và công viên cảnh quan 15ha, khu Hồ Đàm Thị và hồ Phóng Sinh 143.7ha, khu cây xanh cách ly và bảo tồn 121.03ha. Chùa được xây dựng theo độ dốc “soi gương” cao dần theo trục thần đạo từ tam quan đến điện Tam Thế, theo kiểu “nội công ngoại quốc”, các kiến trúc chính như tam quan, gác chuông, điện thờ Phật Bà Quan Âm, điện

Pháp Chủ và điện Tam Thế xây dựng theo kiểu kiến trúc ngôi chùa cổ truyền ở Việt Nam nhà 4 mái, 2 đến 3 tầng mái, các góc đao đều uốn quanh đôi phượng. Nhìn từ cố đô Hoa Lư thì khu chùa Bái Đính giống như một bức tranh thủy mặc lớn treo nghiêng trên nền đồi xanh thẳm. Núi Bái Đính giống như một cái đỉnh chót không lồ treo bức tranh tâm linh tuyệt mỹ và kỳ vĩ đó .

a , Tam Quan

Nhìn từ ngoài vào ranh giới giữa cái đời thường và chốn chùa thanh tịnh ta bắt gặp ngay đó là tam quan bao gồm 3 cửa: cửa giới giữ trọn những điều giới luật, cửa định tập trung thanh lọc tâm, cửa tuệ tu Phật phải trí tuệ, sáng suốt, hay cũng là 3 cửa: khở, vô thường, vô ngã. Dưới con mắt của người thường thì tam quan chỉ đơn giản là 3 cửa nhưng trong giới tu hành đó chính là ranh giới giữa cõi thiêng và cõi tục, là ngưỡng cửa thiêng liêng, siêu thoát là lúc thanh thản về với cõi vĩnh hằng.

Tam quan chùa Bái Đính mới có hình dạng “lộng tàn” xây dựng theo kiểu chông giường gồm 3 tầng mái cong mỗi tầng 4 mái , 2 tầng dưới 8 mái là bát quái. Tầng trên 4 mái và nóc là ngũ hành. Mái lợp ngói ống màu nâu sẫm, tiền bẩy, hậu bẩy, xà nách cao 16.5m, chu vi 13.85m*13.5m, tất cả bằng gỗ tứ thiết, 4 cột cái mỗi cột cao 13.85m, đường kính 0.87m nặng gần 10 tấn. Bốn cột trung mỗi cột cao 11m đường kính 0.75m, 16 cột con xung quanh, mỗi cột cao 5m đường kính 0.65m. Tất cả các cột đều kê trên tảng đá vuông theo kích cỡ từ cột cái, cột trung cột con với kích thước cạnh thứ tự 1.4m, 1.2m, 0.9m. Đầu đao của mái tam quan cong như hình đuôi chim phượng. Nóc tam quan là 2 đầu kim châu mặt nguyệt, tầng ba tam quan, gian giữa phía trước và sau đều chạm thông phong phù điêu lớn, xung quanh là hạ vân mây vân vũ, giữa bánh xe pháp luân (biểu tượng cho sự chuyển vận không ngừng của Phật pháp cũng như là của trời đất theo triết lý đạo Phật. Các cánh cửa đều làm bằng gỗ lim, mỗi cửa 4 cánh, đều được chạm “thượng song hỷ kép - thông phong- hạ bản”.

Nhìn vào hai gian phụ của tam quan là tượng 2 ông hộ pháp bằng đồng cao 5.5m, nặng 12 tấn, tượng 8 vị bát bộ Kim Cương (8 võ sỹ thiên thần bảo vệ Phật pháp có tâm can sáng- trong- cứng rắn như kim cương, cầm trụ kim cương, được đúc bằng đồng nặng tới 8 tấn, bố trí đứng ngay ở cổng tam quan.

Phía sau dãy tam quan là 2 dãy toà nhà gỗ song song nối liền nhà hành lang La Hán, theo lối kiến trúc cổ, mỗi toà 16 gian, dài 70m, mỗi gian rộng 4.5m.

Để hoàn thiện được tam quan người ta đã phải sử dụng đến 550 tấn gỗ, chỉ bấy nhiêu thôi ta đã thấy được sự hoành tráng đồ sộ của nó. Chưa có một ngôi chùa nào có được một tam quan bề thế như vậy, phải chăng chủ ý của người thiết kế muốn tạo ấn tượng mạnh với các đấng tu hành.

b, Tháp Chuông

Sau Tam quan là tháp chuông. Tháp chuông ở đây được xây dựng bằng bê tông cốt thép giả gỗ hình dáng phỏng theo các tháp chuông của ngôi chùa cổ ở đồng bằng Bắc Bộ, trong ngôi chùa nội công ngoại quốc thì biểu tượng thiêng liêng của đức Phật đặc biệt chú ý đó là sự vươn cao của gác chuông. Theo quan niệm của nhà Phật, gác chuông chùa càng ngân càng vang xa bao nhiêu thì lời răn dạy của đức Phật càng phổ độ đến chúng sinh càng được thấm nhuần bấy nhiêu. Khi tiếng chuông ngân lên 108 tiếng, tức là xua đi 108 điều phiền não trong cuộc đời.

Tháp chuông chùa Bái Đính có hình bát giác, có ba tầng mái cong, thu dần lên đỉnh tháp, tổng cộng 24 mái, lợp ngói ống tráng men màu nâu sẫm, 24 đao mái cong vút có hoạ tiết hoa lá dây leo, mỗi mái cao 4.65m, dưới đắp các hoạ tiết cao 2.3m đỡ chân đao. Mỗi tầng 16 cột (8 cột cái và 8 cột con) tầng một cột cái cao tới 16m đường kính 0.8m; cột con cao 8m, đường kính 0.7m; chóp tháp hình búp sen cao 3.5m toàn bộ tháp chuông cao 49m. Trên là một quả chuông mới đúc có trọng lượng 28 tấn bên trên chuông được tạc khắc đôi câu đối “Nương theo chân Phật pháp, vượt qua vùng vũ trụ, Trời- Thần- Người, đều tỉnh ngộ trong tiếng chuông thức tỉnh đại niết bàn; Nguyện xin chuông đại hùng vang vọng biển phúc âm, cho chúng sinh bừng cơn mộng, nghe âm thanh giác ngộ đến bờ đề”. Câu đối này có ý niệm thiêng liêng liêng “Đại giác” của đức Phật truyền lại cho chúng sinh. Tháp chuông Bái Đính có cấu trúc tương tự như Tháp chuông chùa Keo, nhà thờ đá Phát Diệm. Quả chuông bằng đồng này có trọng lượng 36 tấn đã được trung tâm sách kỷ lục Việt Nam cấp bằng ngày 12/12/2007 xác lập kỷ lục “Đại Hồng Chuông” lớn nhất Việt Nam. Khi đánh phải dùng chày kinh dài hơn 4m, đường kính 0.3m, nặng gần 5 tạ bằng gỗ tứ thiết. Chuông được luyện pha bằng vàng lại treo trên

tháp cao một sườn đồi của vùng núi sông kỳ vĩ nên khi chuông ngân lên, tiếng chuông âm vang, đồng vọng từ các hang động, vách núi khiến người nghe như từ thình không vọng xuống, từ thập phương vọng về. Cách xa hơn 10km vẫn nghe thấy tiếng chuông ngân nga âm vang lan toả. Tháp chuông lại có hình dáng của bông sen không lồ điều này lại có càng có ý nghĩa to lớn hơn sen vốn là biểu tượng của đức Phật của sự thanh tịnh.

c, Điện Quan Thế Âm Bồ Tát.

Từ Tháp Chuông đi qua thăm cỏ là tới Điện Quan thế âm Bồ Tát. Nhìn từ bên ngoài điện được xây dựng trên triền đồi cao hơn tháp chuông và tam quan, với hình dáng “lộng tàn” kiến trúc chông giường, tiền bầy, hậu bầy giống như tháp chuông, xà nách, cột chôn, góc kẻ chuyền. Mái kiến thiết hai tầng kiểu 4 mái (bát quái) lợp ống ngói tráng men nâu . Điện cao 14.8m, chu vi 40.41m*16.8m, có 7 gian gồm 5 gian chính, gian trung đường rộng 6.6m, mỗi bên 2 gian, mỗi gian rộng 6m. Phía trước có lắp cửa lim cao 2.5m , rộng 0.94m. Hai gian chái mỗi gian rộng 4.2m, cánh cửa ở 2 gian này hẹp hơn rộng 0.84m, chạm khắc và trang trí giống cánh cửa tam quan “thượng thông phong, song hỷ kép, hạ bàn”.

Trong Điện có hai hàng cột cái, mỗi hàng 16 cột cao 11.8m đường kính 0.7m, xung quanh có 24 cột cao 4.8m, đường kính 0.56m, các cột đều bằng gỗ tứ thiết, kê trên tảng đá vuông, cột cái 1.3m cột con 1.05m, đều chạm khắc hoa sen. Vì kèo xà ngang, dọc đều bằng gỗ tứ thiết. Tầng mái thứ hai của điện được dựng 20 cột con (cột chôn), đường kính 0.6m được đỡ bằng các xà nách to cũng bằng gỗ tứ thiết. Ở những chỗ lồi lõm của kèo, bẩy bài trí những bức gỗ chạm bong, chạm lõng các hình hoa lá, hoa văn, nghệ thuật, chạm chỗ tinh xảo. Gian trung đường đặt một sập thờ “chân quỳ dạ cá” chạm thông phong, hình tứ linh, hoa lá bằng gỗ dài 4.79m, rộng 2.35m, cao 1.27m, các đồ tế tự đều bằng đồng.

Điện Quan Thế Âm Bồ Tát được xây dựng hoàn toàn bằng gỗ tứ thiết, trông dáng vẻ uy nghi bề thế hết khoảng 900 khối gỗ tròn. Gian chính điện đặt tượng quan thế Âm Bồ Tát “thiên thủ thiên nhãn”(nghìn mắt nghìn tay) bằng đồng dát vàng, nặng 80 tấn.

Công trình tuy chưa hoàn chỉnh vì đang trong thời kỳ xây dựng, nhưng có thể nói đây là pho tượng lớn nhất ở Việt Nam. Tượng Quan Thế Âm ở đây có khuôn mặt to sáng, sau hai bên Phật có mặt nhỏ quay ra hai bên, đầu đội mũ Phật 3 tầng xếp chồng, trên có 8 mặt nhỏ và một tượng Phật ngồi trên đỉnh cao nhất, hai bên tay trái và phải phía toà sen trước tượng có 42 cánh tay: hai tay chắp trước ngực, 2 tay bắt chéo để trên lòng mỗi bên có 18 cánh tay xoè ra như hào quang. Phía sau tượng Quan thế Âm Bồ Tát là một lá sen bằng đồng mạ vàng hình tròn đường kính rộng 5.5m và 16 vòng tròn to nhỏ đồng tâm trang trí hoa văn, nhô ra 958 cánh tay nhỏ, mỗi cánh tay dài 0.6m, có hình con mắt, trên cao ngọn lá đề lại có 2 mặt tượng nữa. Pho tượng Quan Thế Âm bằng đồng có giá trị cao về nghệ thuật đúc đồng.

d, Điện Pháp Chủ.

Điện thờ Thích Ca Mâu Ni người sáng lập ra đạo Phật, điện Pháp Chủ có kiến trúc theo kiểu dáng điện Tam Thế, bao gồm 2 tầng mái cong, mỗi tầng 4 mái đều lợp ngói men óng nâu và một hàng cổ lâu tạo nên độ cao, thông không khí và lấy ánh sáng mặt trời. Điện là công trình kiến trúc đồ sộ, hoành tráng cao 30m, chu vi 44.7m*43.3m, với tổng diện tích tới 1.945m², mái đao cao 2.6m bờ đao cao 1.3m, mặt nguyệt trên nóc điện cao tới 4.4m đầu kinh cao 3.3m. Điện có 5 gian trung đường dài 13.5m, mỗi bên 2 gian mỗi gian dài 8.13m. Điện có 4 hàng cột gồm 56 cột bằng bê tông cốt thép giả gỗ, 2 hàng cột cái và cột trung ở giữa, cột cái cao 17.2 m, đường kính 0.8 m mỗi hàng có 4 cột. Xung quanh điện có 20 cột cái cao 9m đường kính 0.7m, 20 cột con ở hiên cao 7.4 m đường kính 0.7 m. Các cột trong điện làm bằng bê tông cốt thép, ốp gỗ và sơn phủ vân gỗ bên ngoài nên thoạt nhìn lầm tưởng đây là gỗ quý, riêng chỉ có các chuông cửa và hộc cửa làm bằng gỗ lim.

Cửa của gian trung đường gồm 12 cánh, kích thước 3.7m*1.05m, 4 gian còn lại mỗi gian có 4 cánh có chiều cao bằng cửa trung đường, rộng 0.84m, cánh cửa đều tiện cầu cài lá, tường xây bằng gạch không trát phía trong tạo thành 1284 ô nhỏ cao 0.59m*0.3m*0.3m, bên trong mỗi ô đặt vừa một pho tượng Thích Ca bằng đồng loại nhỏ.

Ở gian trung đường đặt tượng Thích Ca Mâu Ni ngồi trên toà sen bằng đồng khối mạ vàng cao 10m nặng tới 100 tấn. Tượng Thích Ca được thờ

trong các ngôi chùa cổ ở Việt Nam, thường được ngồi giữa hàng thứ 3 từ trên xuống dưới là tượng ngài thuyết pháp, ngồi trên toà hoa sen, tay phải cầm hoa sen nên được gọi là “thế tôn niêm hoa”.

Cũng giống như tượng đặt trong các chùa khác, thì tượng ngài được đặt trong chùa Bái Đính là hình tượng ngài ngồi trên toà hoa sen, tượng để lộ viên đỉnh, mặc áo pháp hở ngực, tay trái đặt trên lòng, tay phải cầm hoa sen giơ ngang trán biểu hiện cho trí Phật, tâm đức Phật. Trên ngực được khắc hình tượng chữ “vạn” biểu thị sự vận động vô hạn của Phật lực kéo dài đến bốn phương, mở rộng vô cùng tận, luôn tế độ chúng sinh ở thập phương. Toà sen gồm 3 lớp cánh sen hai lớp cánh sen nở hướng lên trên, lưng cánh ngoài lớn ôm lấy lớp cánh trong nhỏ so le lấy nhau, lớp cánh sen nở hướng xuống, to tương đương, và so le với lớp cánh to nở hướng lên trên, tạo đường nét nghệ thuật hài hoà, đăng đối. Phía sau tượng là phù điêu lá đề lớn bằng nhiều mảng đồng ghép lại, gắn hàng trăm pho tượng Phật nhỏ, đúc đồng biểu thị Phật pháp biến hoá vô biên.

Hoàn thiện công trình này người nghệ nhân phải mất tới hàng năm mới hoàn thiện được. Pho tượng này được sách trung tâm kỷ lục Việt Nam công nhận là pho tượng Thích Ca bằng đồng cao và nặng nhất ở Việt Nam. Điện thờ Pháp Chủ còn có 3 cửa võng 3 bức hoành phi bằng gỗ vàng tâm sơn son thiếp vàng phủ hoàn kim và các câu đối ca ngợi công đức của đức Phật. Đồng thời nói lên ý nghĩa của việc trùng tu di tích danh thắng Bái Đính làm rạng danh cảnh núi sông của khu vực Tràng An: “Tổ quốc hoà bình dân chủ, trùng tu Bái Đính cựu danh lam, thảo mộc sơn xuyên sinh tú sắc; Việt Nam độc lập tự do, kiến thiết Tràng An tân thắng tích, phong vân tuyết nguyệt ánh từ quang” (có nghĩa là “Tổ quốc hoà bình, dân chủ, trùng tu Bái Đính cổ nổi tiếng, cỏ cây sông núi thêm khởi sắc; Việt Nam độc lập, tự do, kiến thiết danh thắng mới Tràng An, gió mây trăng tuyết rạng ánh từ bi”).

Hai câu đối 2 bên cột tiền điện thể hiện triết lý đạo Phật sâu sắc: “Tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm, hữu thị tâm phương khai Phật pháp sùng thâm; Duyên bản hữa duyên, thị hữu duyên nãi khêch thiện duyên quang bị”. (có nghĩa là “tâm là Phật, Phật là tâm, có tâm sẽ mở ra Phật pháp cao sâu; duyên có nhân, nhân có duyên, có duyên thì duyên lành toả rộng khắp”).

Bức hoành phi trung đường có kích thước 11.2m*4m, dày 0.06m bằng gỗ vàng tâm với khối lượng 5 khối gỗ thành khí, nặng gần 3 tấn, cửa võng rộng 12.8m dọc cột 8m, dày 0.11m, gồm 19m³ gỗ vàng tâm nặng 8.5 tấn.

Điều đáng chú ý là gian trung điện có một sập thờ không lồ bằng gỗ vàng tâm với kích thước chiều cao là 8.55m * 4.52m * 1.27m, diện tích mặt sập tới 39m², dày 0.1m, sập có 8 chân vuông 0.45m chạm rồng uốn kênh bong. Sập được đục chạm 4 mặt, giữa sập chạm hoa sen và bánh xe pháp luân biểu thị sự huyền diệu của Phật pháp, 4 mặt yếm đục chạm hình tượng “long vân khánh hội” (rồng mây gặp gỡ) - biểu thị Phật pháp đắc thời và phát triển. Phần diềm sập được chạm hàng ngàn lá đề và cánh sen cách điệu cầu kỳ, tinh xảo, để hoàn thiện công trình này người nghệ nhân đã phải sử dụng hết tới 10m³ vàng tâm thành khí.

Hai bên gian trung đường có hoành phi, cửa võng bằng nhau và nhỏ hơn ở gian trung đường, cũng bằng gỗ vàng tâm, hoành phi kích thước 7m * 3m, dày 0.06m, 3.5m³ gỗ khoảng 2.5 tấn, cửa võng chiều ngang 7.35m, dọc cột 7m, dày 0.11m, 15m³ gỗ, nặng 5.5 tấn. Kỹ thuật làm hoành phi chạm kênh bong, chia đều 4 ô chữ Hán nổi 2cm, trên nền găm cài bát bảo: kiếm bút, sáo, đàn quạt, sách...đường viền soi vỏ măng tứ quý, tứ linh. Kỹ thuật làm cửa võng là chạm kênh bong, thông phong với các vật tứ linh tứ quý, lưỡng long triều nguyệt, phượng châu, long mã, sen quy, long cuốn thủy....Trong Điện còn đôi hạc bằng đồng cao 4.5m, nặng 1 tấn, 1 lư đồng dài 1.8m * 1m, lồng đèn cao 4m. Hai bên hồi điện mỗi bên có 4 vị hộ pháp Kim Cương bằng đồng quay châu ban thờ Pháp Chủ.

e, Điện Tam Thế.

Được xây dựng trên sườn đồi Ba Rau. Điện nằm giữa khuôn viên riêng, sân xung quanh đã rộng tới 13.000m², từ bậc tam quan đến bậc thềm Điện Tam thế theo trục đường thần đạo dài 812m. Lên điện Tam Thế theo hai lối, mỗi lối rộng 8 m=32 bậc đá, độ cao từ sân lên nền điện cao 4m. Nhìn từ dưới lên điện Tam Thế như một ngôi nhà sàn khổng lồ, 3 mái chồng giương, lan can hai lối lên điện được chạm khắc 4 con rồng đá châu theo độ dốc như đang bò trườn xuống, chào đón Phật tử, chúng sinh, 4 con rồng, giống hình

tượng con rồng được chạm khắc ở điện Kính Thiên thời Hậu Lê ở kinh đô Thăng Long.

Giữa 2 lối lên xuống điện được trang trí bằng một bức phù điêu đá hình vuông 10m * 10m bằng cách lắp ghép nhiều phiến đá dày 0.2m trên chạm khắc tứ linh tứ quý (long ly quy phượng). Điện Tam Thế là công trình kiến trúc nguy nga hoành tráng nhất trong các công trình kiến trúc ở chùa Bái Đính mới, với chiều cao toà điện 34m dài 59.1m, rộng 40.5m, diện tích điện tới trên 2.364m². Kiến trúc điện Tam Thế về hình thức giống như điện Pháp Chủ nhưng lại có 3 tầng mái, mỗi tầng 4 mái, lợp ngói ống tráng men nâu, các mái đao cũng uốn cong hình đuôi phượng, cao tới 2.7m, mặt nguyệt đỉnh mái cao 4m, 2 đầu kinh cao 3.5m, bờ đao cao 1.3m, 12 mái đao được trang trí bằng cách đắp hình tượng hoa lá, dây leo.

Điện Tam Thế có 7 gian 2 chái, gian chính điện rộng 10.5 m, 2 gian bên rộng 9 m, 4 gian hai bên kế tiếp mỗi gian rộng 7.2m, 2 chái mỗi gian rộng 4.5m. Toà điện có 66 cột: 2 hàng cột cái, phía trước gồm 4 hàng cột, hàng sau 2 cột, mỗi cột cao 24.8m, đường kính 1.1m, chu vi 3.3m. Hai hàng cột trung mỗi hàng 6 cột, mỗi cột cao 16.2m đường kính 0.8m, 24 cột con ở xung quanh và 24 cột khác ở hiên điện, mỗi cột cao 9m, đường kính 0.7m, 66 cột đều làm bằng bê tông cốt thép ốp gỗ. Các xà ngang, dọc, rui mè trong điện đều được sơn giả gỗ, riêng các cánh cửa đều làm bằng gỗ lim, gian trung điện 10 cánh, cao 3.7m, rộng 0.91m, 2 gian bên 8 cánh cao 3.7m, rộng 0.945 m.

Tường điện và phía ngoài tường xây gạch không trát, phía trong xây thành 1.808 pho, tạo cảm giác Phật hiện hữu khắp mọi nơi trên thế giới chúng sinh. Trong điện trên 12 cột có 6 đôi câu đối thúc bằng đồng rất đẹp, bên trong điện có 3 pho tượng Tam Thế thờ Phật quá khứ (là chư Phật thời quá khứ, một trong Phật quá khứ là A Di Đà), Phật hiện tại (Phật giáo Đại thừa coi Thích Ca Mâu Ni là hoá thân của Phật hiện tại xuất hiện để giáo hoá chúng sinh), Phật tương lai (Phật Di Lặc).

Ba pho tượng có kích thước hình dáng giống nhau: đỉnh đầu có gò thịt nổi cao như búi tóc, tóc xoắn ốc, tai dày tai dài ngực có ấn hình chữ “vạn”, mình có sắc hoàng kim sáng rực, mặt tròn mặt nguyệt cả 3 pho đều được đặt trên toà sen, bằng đồng nguyên khối mỗi pho cao 7.2m, nặng 50 tấn

trên bệ cao 1.5m ốp đá. Cả 3 pho tượng này được lấy nguyên mẫu từ tượng Tam Thế ở chùa Tây Phương (Thạch Thất, Hà Tây). Chỉ có cách bố trí vị trí là khác nhau bên trái là Phật quá khứ, bên phải là vị lai Phật còn ở chùa Bái Đính bên phải là Phật quá khứ, phật bên trái là vị lai Phật.

Tượng Phật hiện tại ngồi trong thế “định ấn” với ý nghĩa là tập trung cao độ vào một đối tượng ngắm nguyện để thu hút toàn bộ ý nghĩa, làm cắt đứt tất cả “thế giới hiện tượng” (thế tọa thiền - thiền định), thế tay thiền định bắt nguồn từ thế ngồi của Phật Thích Ca Mâu Ni, khi ngài tọa thiền lần cuối dưới gốc cây Bồ đề. Thế tay tượng trưng cho sự thiền định cao nhất của Thích Ca Mâu Ni, đồng thời là những phẩm chất của chư Phật như tĩnh lại, bất khả xâm phạm và cao quý vô biên, trên toà sen, 2 chân khoanh tròn, chân phải dựa vào đùi chân trái, gan bàn chân ngửa lên, chân trái cũng dựa vào đùi chân phải như thế. Hai bàn tay để lên trên nhau, tay phải để trên tay trái, hai ngón trạu nhau

Phật quá khứ: Với tư thế ngồi thiền, bàn chân phải để gác lên đùi chân trái, tay trái để úp lên đùi trái, tay phải mở lòng bàn tay, hướng ra phía trước, 5 ngón tay duỗi thẳng, bàn tay cao hơn vai là thế “vô úy ấn”, mang lại sự bình an và không lo sợ điều gì cho chúng sinh. Thế tay này có nguồn gốc từ kẻ ác tâm Devadata (Đề bà đạt đa) muốn làm hại Phật đã khiến một con voi cuồng nộ, khi voi sắp sửa dầy xéo Đề bà đạt đa thì Thích Ca Mâu Ni, đã dơ tay phải lên với những ngón tay khép chặt lại với nhau, động tác này làm cho con voi dừng chân và bị chinh phục, hay còn một truyền thuyết khác đó là khi Phật giơ bàn tay phải lên từ 5 ngón tay hiện ra năm con sư tử tấn công voi và bảo vệ Phật. Từ năm ngón tay còn phóng ra năm tia sáng màu.

Tượng vị lai ngồi trong tư thế 2 chân bắt chéo nhau bàn chân phải đặt lên đùi chân trái, tay phải đặt ngửa trên lòng, tay trái dơ lên ngửa bàn tay về phía trước, các ngón tay thẳng, riêng ngón cái trạu vào ngón tay đeo nhẫn. Đây là thế “an uỷ nhẫn”, hình tròn được tạo thành bởi ngón cái và nón đeo nhẫn tượng trưng cho Phật pháp thánh thiện và vĩnh cửu. Thế tay cũng gọi hình tròn tượng trưng “pháp luân” của đạo Phật.

Ở Tây tạng vòng tròn được tạo bởi 2 ngón này gọi là “Thế tam giác- một thế tay huyền bí của 8 vị Bồ tát. Với phái Mật tông thì thế tay này được

gọi là biểu tượng của trí tuệ hoàn thiện của Phật và sự thực hiện trọn vẹn các ý nguyện của ngài. Thế tay này cũng diễn tả tình thương vô hạn của đức Phật, thế tay trên của tượng vị lai Phật tượng trưng cho sự vô úy (không sợ) do Phật ban cho chúng sinh. Sự “vô úy” của Bồ Tát là do sức mạnh của trí nhớ, của phán đoán kết hợp với năng lực đánh giá và khả năng xua tan mọi hoài nghi.

Sau 3 pho tượng Tam Thế là bức phù điêu lá đề bằng nhiều mảng đồng ghép lại, có gần hàng trăm pho tượng Phật nhỏ, biểu hiện Phật pháp hiện hữu vô biên. Điện Tam Thế còn có 3 bức hoành phi và 3 cửa võng bằng vàng tâm, nhưng kích thước nhỏ hơn, bức hoành phi gian trung điện kích thước 8.8m *3.2m *0.06m (độ dày); cửa võng kích thước 9.46m *9.3m *0.12m (dày) nặng khoảng 6 tấn. Đặc biệt trong điện Tam Thế còn có 3 sập thờ bằng gỗ vàng tâm, tuy không to bằng sập thờ của điện Pháp Chủ, nhưng nghệ thuật chạm khắc có giá trị cao về chạm khắc gỗ. Ở đây còn có một đôi hạc, mỗi con cao 4.9m, nặng 1 tấn, lư hương rộng 1.8m, đèn lồng cao 4m sân trước điện Tam Thế đặt 9 bức tượng Thích Ca sơ sinh bằng đồng nguyên khối. Tượng tạc hình đức Phật hài đồng đứng trên đài sen, tay phải chỉ thiên tay trái chỉ địa, bụng quấn tã, bồng tắm cho đức Phật sơ sinh là hình tượng hoa sen được cách điệu bằng 9 chậu đá cẩm thạch hình bông sen. Xung quanh chạm chỗ hình tượng rồng (rồng phun nước tắm cho đức Phật). Đây là 9 pho tượng diễn tả tích thời khắc đức Phật mới sinh ra, ngài đi liền 7 bước tay phải chỉ lên trời tay trái chỉ xuống đất mà rằng: “Thiên thượng, địa hạ, duy ngã độc tôn” (tức là trên trời dưới đất chỉ có ta là tôn quý nhất), trước sân điện Tam Thế trồng nhiều cây bồ đề, có cây được triết từ gốc tích từ đức Phật ở Ấn Độ

f, Những công trình phụ trợ

Ngoài những công trình hạng mục như trên thì chùa Bái Đính cũn có các công trình phụ trợ khác như:

- Thảo viên, được xây dựng ngay trước khuôn viên chùa, ngay sau Tam Quan một vườn cây thảm cỏ rộng khoảng 17.000m².

- Hoa Viên, đi qua tháp chuông lại có một vườn hoa thảm cỏ rộng gần 7.600 m².

- Hồ Phóng sinh rộng với diện tích gần 5.000 m² để nhà chùa và các Phật tử phóng sinh, trong những ngày đại lễ của nhà Phật.

- Phật tích viên là khu vườn tượng bằng đá thể hiện tích Phật Thích Ca qua các thời kỳ.

- Tháp bồ đề cao 9 tầng (50m), mỗi chiều cao 30m *25m, có cầu thang cao 34m.

- La Hán đường là nơi bày các vị La Hán, sau khi Phật Niết Bàn ngoài Ma Ha Ca Diếp thay Phật xuất tăng chúng hợp cả thầy 500 vị đệ tử Phật tử, ở thành Vương Xá giảng tụng lại đạo lý của đạo Phật dạy, 500 đệ tử này chưa thành Phật nên gọi là La Hán. La Hán đường là nơi đặt 500 pho tượng La Hán tạc bằng đá do thợ đá Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình chế tác. La Hán đường là 2 dãy nhà lớn dọc 2 bên từ 2 toà nhà gỗ cổ từ Tam Quan nội vào đến nhà tả vu hữu vu, mỗi dãy gồm 117 gian, dài 526m, đều kiến trúc gỗ bằng gỗ tứ thiết theo kiểu chông giường, tiền bẩy, hậu bẩy, cột và kèo đều bằng gỗ tứ thiết, mái lợp ngói ống tráng men nâu sẫm. Xây dựng La Hán đường đã dùng hết 3.500m³, mỗi tượng La Hán cao từ 2- 2.5m, nặng khoảng 2- 2.5 tấn, ngoài ra hành lang này cũng đặt thêm 1 số tượng Phật ở nước ta như thiền sư Thái Tông, hoà thượng Thích Quảng đức

- Ngoài những công trình kiến trúc thì bên cạnh đó là những cơ sở vật chất phục vụ cho khách du lịch cũng không kém phần hấp dẫn đó là cụm nhà hàng Vạn Tâm Chay, sau khi viếng chùa Bái Đính du khách có thể dừng chân tại hầm Điện Tam Thế của chùa Bái Đính để dùng cơm chay và nghỉ ngơi, tại nhà hàng Vạn Tâm Chay, với thực đơn phong phú hơn 100 món ăn trong đó có các món cơm, bún gà ri, súp nấm đông cô, nấm đậu phụ...ngoài ra tại đây còn có các món ăn nhẹ như chuối ,chè chuối, đậu đen, chè trôi nước, xôi và bánh với mong muốn được phục vụ mọi thực khách. Nhà hàng đã xây dựng thực đơn đa dạng với các món ăn không chỉ phù hợp khẩu vị đối với người ăn chay mà còn thật vừa miệng đối với những người dùng món mặn. Tuy món ăn không đặc sắc nó mang nhiều tính chất dân dã nhưng nó lại có ý nghĩa khi đến với đất Phật tìm đến chốn thanh tịnh mà lại được thưởng thức những món ăn của nhà Phật sẽ khiến cho du khách như được hoà mình vào thế giới của Phật pháp.

2.3. Khả năng khai thác và phục vụ du lịch của quần thể di tích chùa Bái Đính.

2.3.1. Nguồn khách :

Du lịch đã được đánh giá như là một ngành công nghiệp không khói, vai trò của ngành du lịch đã được đánh giá rất quan trọng với phát triển kinh tế- xã hội. Thành công của ngành du lịch ở nhiều quốc gia đã đóng góp tích cực vào tốc độ tăng trưởng kinh tế, thời gian qua ngành du lịch Ninh Bình tuy có bước phát triển nhưng quy mô còn nhỏ và chưa đồng bộ do đó nghiên cứu giao lưu học hỏi về ngành du lịch và kinh nghiệm của một số nước về du lịch là điều cần thiết. Bên cạnh những hạn chế nhưng Ninh Bình lại nằm trong tuyến điểm du lịch quan trọng, gần địa bàn kinh tế trọng điểm (Hà Nội- Hải Phòng - Quảng Ninh).

Nền kinh tế của tỉnh nói chung và du lịch nói riêng được đánh giá là có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Trong thời gian qua được sự quan tâm và đầu tư về cơ sở hạ tầng của chính phủ, các chính sách khuyến khích phát triển du lịch, xúc tiến đầu tư tuyên truyền quảng bá, du lịch Ninh Bình đã có những bước tiến khá mạnh. Năm 2007 số lượng khách đến Ninh Bình là 1.518.559 lượt tăng 2.3 lần so với năm 2002 (trong đó số lượng khách quốc tế đạt 475.92 nghìn lượt tăng 1.8 lần so với năm 2002, khách nội địa 1.060.639 lượt tăng 2.7 lần so với năm 2002). Tốc độ tăng trưởng lượng khách trung bình giai đoạn 2002- 2007 đạt 18.6%. Năm 2008 mặc dù gặp nhiều khó khăn tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu nhưng Ninh Bình vẫn đón được 1.9 triệu lượt khách tăng 26% so với năm 2007. Năm 2008 là sự đánh dấu của du lịch Ninh Bình nói riêng và cả nước nói chung là sự ra đời của khu di tích chùa Bái Đính đã khởi sắc cho du lịch Ninh Bình.

Tuy chưa thực sự đi vào khai thác vì đây là công trình đang nằm trong quá trình xây dựng nhưng số lượng khách đến chùa Bái Đính theo con số ước tính năm 2008 vào khoảng 365.000 lượt khách đây là con số khá lớn so với những công trình còn đang thi công bởi sức hút mạnh mẽ của nó. Trung bình mỗi ngày số lượng khách lên tới 1.000 lượt với tiềm năng du lịch của mình kết hợp với điểm di tích chùa Bái Đính là những chuyến du lịch về với cội nguồn văn hoá, lịch sử và du lịch tâm linh của du khách càng thu hút được số

lượng khách từ mọi nơi. Với khả năng khai thác các giá trị về văn hoá lịch sử, kiến trúc tiêu biểu thì chùa Bái Đính là điểm du lịch tiềm năng nhất của cả nước.

Riêng sự kiện trọng đại, quan trọng đại nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam từ trước tới nay là việc đón rước “Ngọc xá Lợi” từ Thái Lan sang Việt Nam và được rước về ngự lăm tại chùa Bái Đính.

Bắt đầu từ 4h sáng ngày 6/6, 16 viên xá lợi nhà Phật sẽ được cung nghinh từ chùa Giác Quang đến sân bay Tân Sơn Nhất, lên một chuyến phi cơ đặc biệt của Viet Nam Airlines để ra Hà Nội vào 8h cùng ngày. Bắt đầu từ 9h, đoàn rước xá lợi sẽ đến Trụ sở Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại chùa Quán Sứ (Hà Nội) và được nghênh đón về an vị, cúng dường vĩnh viễn tại chùa Bái Đính (Ninh Bình). Đây là một lễ rước mang tính quốc tế với sự hiện diện của lónh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Đại sứ quán Thái Lan.

Theo tính toán sơ bộ của BTC, số lượng người tham dự đại lễ cung nghinh xá lợi Phật tại chùa Bái Đính cũng đã vượt ngưỡng dự kiến ban đầu là hơn 15 ngàn người. Chỉ tính riêng đại lễ hội của ngọc xá lợi đó thu hút được một số lượng tín đồ cũng như dân chúng từ mọi nơi, mới thấy được khả năng khai thác phục vụ của chùa Bái Đính với quy mô hoành tráng như thế nào. Việc rước ngọc xá lợi về ngự tại chùa Bái Đính sẽ là tư liệu quý báu và tăng khả năng khai thác du lịch trong tương lai.

2.3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Việc phục vụ cho Du lịch Ninh Bình nói chung và cho khu chùa Bái Đính nói riêng, cần đòi hỏi những yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật, cũng như cơ sở hạ tầng để đảm bảo khả năng phục vụ khách du lịch. Đến với quần thể di tích này, trong những năm qua trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đã được UBND tỉnh phê duyệt căn cứ vào nhu cầu của khách du lịch các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh đã tập trung đầu tư vào phát triển du lịch đặc biệt là kinh doanh kinh doanh lưu trú trên địa bàn tỉnh. Năm 2001 chỉ có 18 cơ sở lưu trú với 324 phòng nhưng đến 31/110/2008 toàn tỉnh đã có 103 cơ sở lưu trú với 1576 phòng nghỉ và 2602 giường các loại, cụ thể theo số liệu

cụ thể ở các huyện trên địa bàn như sau: Thành phố Ninh Bình với 48 cơ sở lưu trú 782 phòng ngủ 1369 giường. Thị xã Tam Điệp với 16 cơ sở lưu trú bao gồm 180 phòng ngủ, 283 giường các loại. Huyện Nho Quan với 5 cơ sở lưu trú gồm 43 phòng ngủ, 259 giường ngủ các loại. Huyện Yên Mô với 5 cơ sở lưu trú 31 phòng ngủ, 47 giường ngủ các loại. Huyện Gia Viễn với 6 cơ sở lưu trú gồm 131 phòng ngủ, 159 giường các loại. Huyện Kim Sơn với 3 cơ sở lưu trú gồm 20 phòng ngủ và 30 giường ngủ các loại.

Tỉnh có 22 cơ sở lưu trú được công nhận từ 1- 2 sao chiếm tỷ lệ 20.3% so với tổng số cơ sở lưu trú và 46.61% số phòng hiện có, 40 cơ sở lưu trú được công nhận đạt tiêu chuẩn tối thiểu chiếm 44.6% cơ sở lưu trú, như vậy đã có 65% số cơ sở lưu trú đủ tiêu chuẩn đón khách quốc tế.

Hệ thống nhà hàng trong khách sạn, nhà nghỉ đã có sự tăng nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng gồm nhiều loại hình khác nhau mở rộng thêm nhiều các dịch vụ ngoài ăn nghỉ như dịch vụ giặt là, pax,... Ngay tại khu chùa Bái Đính đã có nhà hàng Vạn Tâm Chay với các món ăn truyền thống phong phú và đa dạng phục vụ cho khách du lịch ngay tại điểm tham quan. Ngoài ra tại các địa bàn trên tỉnh có phân bố nhiều của nhiều nhà hàng với những món ăn đặc sắc mang hương vị đặc trưng như rượu Kim Sơn, thịt dê núi, cơm cháy và rất nhiều món ăn khác nhau. Về các loại dịch vụ khác thì bên trong các cơ sở lưu trú cũng đã cố gắng hoàn thiện mình nhằm nâng cao chất lượng cũng như đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách, ngay tại khu sinh thái Tràng An thì có nhiều hoạt động với loại hình du lịch thể thao phong phú như lướt ván, bơi thuyền ... Các sân chơi thể thao phục vụ nhu cầu du lịch, bên cạnh cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và tiêu dùng.

Một yếu tố khác quyết định đến sự thành công của du lịch mà cần phải quan tâm đầu tư là hệ thống cơ sở hạ tầng: Hệ thống cấp thoát nước, hệ thống đường điện.... Tất cả phải bảo đảm cho quy hoạch phát triển của điểm du lịch hợp lý và đảm bảo cho công trình khai thác. Để tiện lợi cho việc thực hiện các chương trình du lịch thì hệ thống đường xá phải thuận lợi như tuyến đường vào khu chùa Bái Đính, đã hoàn thiện và đưa vào khai thác. Tuyến đường 10 tuyến vào khu Sinh Dược - Bái Đính, thiết kế mới thành đường đạt tiêu chuẩn loại đường A GTNT điểm đầu nối từ đường 12C điểm cuối chân

dốc đường leo núi lên chùa Bái Đính với tổng chiều dài 1.66 km, chiều rộng mặt đường $b_m=3.5m, b_n=5m$; kết cấu mặt đường (lớp mặt bằng đá dăm tiêu chuẩn dày 12cm láng nhựa tiêu chuẩn nhựa 4/5 kg/m^2 , lớp móng đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm sau lu lèn) đồng thời lắp đặt phụ lộ để trồng cây xanh 2 bên tuyến ngoài tuyến đường này thì còn rất nhiều tuyến đường khác để vào khu chùa Bái Đính được đảm bảo về kỹ thuật cũng như cảnh quan.

Đến trung tâm chùa Bái Đính có thể bằng 6 con đường: con đường từ Hà Nội hoặc từ thành phố Ninh Bình đến thị trấn Thiên Tôn (huyện Hoa Lư), rẽ vào Cố Đô Hoa Lư (Trường Yên, Hoa Lư), đi tiếp lên đê Hoàng Long độ 7 km nữa là đến.

Con đường thứ hai từ núi Kỳ Lân (thành phố Ninh Bình) theo đường Tràng An, qua xã Ninh Nhất, rẽ phải, theo con đường du lịch vào đi thăm khu hang động Tràng An, cứ theo con đường rải nhựa, qua hai đường hầm xuyên núi, lên đê Hoàng Long, đến đền Vực Vòng, theo đường ven đê sông Hoàng Long, đi khoảng 2km nữa.

Con đường thứ ba là từ Nho Quan xuống, hoặc từ thị xã Tam Điệp lên; từ Thạch Thành, Vĩnh Lộc (Thanh Hoá) đi Rịa, đến đèo Sọng (ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi, Quỳnh Lưu, Nho Quan), rẽ vào đường Nguyễn Văn Trỗi), đi bộ khoảng 7km.

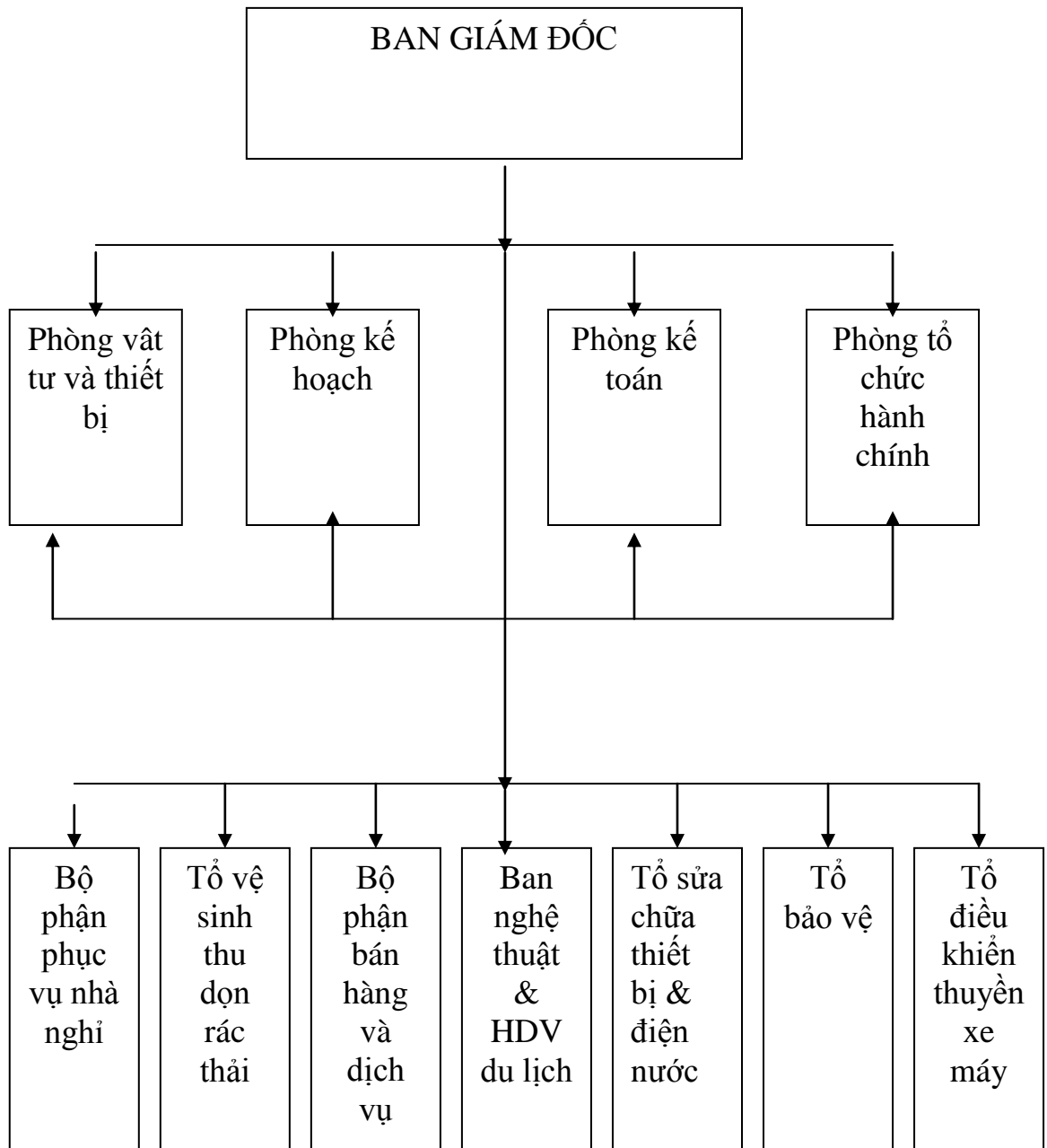
Con đường thứ tư từ quốc lộ 1, đến ngã ba Giôn Khẩu hoặc từ thị trấn Nho Quan, theo đường 12C rẽ về thị trấn Me, đi đến khu du lịch nước khoáng Kênh Gà (Gia Thịnh, Gia Viễn), qua cầu phao Lạc Khoái (Gia Thịnh, Gia Viễn) khoảng 7km nữa.

Con đường thứ năm là từ Hà Nội về, từ thành phố Ninh Bình lên, đến Gián Khẩu, xuống thuyền đi theo con đường thủy độ hơn 7km theo sông Hoàng Long là tới.

Con đường thứ 6 từ Hoà Bình về, đến thị trấn Nho Quan, xuống thuyền đi theo sông Lạng, qua Kênh Gà vào sông Hoàng Long, đến bến đũ Sinh Dược (Gia Sinh) là đến. Đến với Bái Đính du khách có thể chiêm ngưỡng cảnh sắc bằng nhiều con đường cả thủy và bộ đồng thời có thể chiêm ngưỡng cảnh sắc những vùng lân cận đó là việc thuận lợi cho khai thác và phát triển du lịch ở Bái Đính nói riêng và Ninh Bình núi chung.

2.3.3. Hiện trạng tổ chức quản lý.

Đây là cơ cấu tổ chức quản lý chung của khu sinh thái Tràng An nói chung và khu Bái Đính nói riêng. Vì đang trong thời gian quy hoạch nên khu chùa Bái Đính chưa có một cơ cấu quản lý riêng, tuy nhiên có thể áp dụng vào cơ cấu này để hoạt động kinh doanh cũng như điều hành, vì du khách khi thực hiện các chương trình du lịch thường kết hợp liên tuyến giữa khu Tràng An với chùa Bái Đính, vì vậy việc tổ chức bán vé diễn ra ở khu sinh thái Tràng An. Thông qua cơ cấu, mỗi ban ngành đều có chức năng nhiệm vụ khác nhau với chuyên môn nghiệp vụ của mình phối hợp giữa Tràng An với chùa Bái Đính. Mỗi bộ phận phải đảm nhiệm được công việc của mình theo chuyên ngành. Bộ phận nhà nghỉ có trách nhiệm đảm bảo cho du khách các dịch vụ nghỉ ngơi và các dịch vụ khác. Bộ phận bán hàng và dịch vụ ăn uống vừa cung cấp nhu cầu ăn uống cho du khách vừa cung cấp các sản phẩm du lịch thông qua các chương trình quảng cáo ấn phẩm bằng các hình thức truyền thông nhằm đa đến thông tin xác thực về sản phẩm mà mình đang có đồng thời quảng bá hình ảnh cũng như thương hiệu của công ty. Bộ phận sửa chữa điện nước và thiết bị đảm bảo để hoàn thiện công trình và quá trình khai thác điểm du lịch. Riêng tổ điều khiển thuyền máy thì dành riêng cho khu hang động ở khu Tràng An. Tổ bảo vệ và tổ vệ sinh thu dọn rác thải có trách nhiệm trông coi cũng như thực hiện các biện pháp vệ sinh, ở khu vực tại chùa Bái Đính thì đã được bố trí thùng đựng rác... Các ban ngành bộ phận tuy có hoạt động nhưng chưa được quy mô, vì chưa đi vào hoạt động thực tế nên hoạt động của bộ phận HDV tại điểm chưa được diễn ra, mới chăng nó chỉ diễn ra ở khu sinh Thái Tràng An. Nhưng trong thời gian tới thì cơ cấu tổ chức của khu chùa Bái Đính sẽ đi vào hoạt động có quy mô hơn khi công trình được hoàn tất.



2.3.4. Môi trường tự nhiên và xã hội

Ninh Bình là một tỉnh nằm ở phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội hơn 90 km, nằm trên các tuyến đường giao thông quan trọng là cầu nối giao lưu kinh tế, văn hoá giữa 2 miền Nam - Bắc. Tuy là một tỉnh không lớn với diện tích tự nhiên 1.390 km². Nhưng Ninh Bình lại có địa hình đa dạng, đặc điểm về địa hình kết hợp với các thành phần tự nhiên khác như hệ thống thủy văn, lớp phủ thực vật... đã tạo cho Ninh Bình tiềm năng du lịch

phong phú. Điểm di tích chùa Bái Đính nằm trong vùng Đồng bằng Bắc Bộ thuộc Khu du lịch Bắc bộ với thủ đô Hà Nội là trung tâm vùng. Trải dài từ Hà Giang đến Hà Tĩnh gồm 29 tỉnh thành phố có tiềm năng du lịch đa dạng trong đó có nhiều tài nguyên Du lịch đặc sắc mà tiêu biểu là di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam.

Với trung tâm du lịch quan trọng là Hà Nội với phụ cận là Hải Phòng, Quảng Ninh với nhiều điểm du lịch nổi tiếng như SaPa, Ba Bể, Yên Tử, Cát Bà....Trong thời gian qua vùng du lịch Bắc Bộ luôn thu hút được một số lượng khách trong nước và ngoài nước, tỷ lệ khách đến vùng đạt 40% số lượng khách đến trong cả nước, khách đi lại giữa các địa phương trong cả nước. Ninh Bình là một trong 2 trọng điểm phát triển du lịch ở vùng du lịch Bắc Bộ trung tâm du lịch Hà nội & phụ cận bao gồm Thủ đô Hà Nội và 13 tỉnh phụ cận bao gồm: Hà Tây, Bắc Ninh, Ninh Bình, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thanh Hoá, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hoà Bình, Hải Dương. Có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển du lịch của vùng Bắc Bộ nói chung và du lịch Ninh Bình nói riêng, tính chất liên vùng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các chương trình du lịch.

Bởi những lợi thế về vị trí địa lý, về hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và những giá trị văn hoá truyền thống. So với các địa phương trung tâm du lịch và phụ cận thì Ninh Bình là một tỉnh có diện tích không lớn. Nhưng lại là nơi tập trung nhiều điểm du lịch lý thú và hấp dẫn như Cố Đô Hoa Lư, Nhà thờ đá Phát Diệm, Rừng Cúc Phương, Suối nước nóng Kênh Gà, khu ngập nước Vân Long, khu sinh thái Tràng An. Đặc biệt là điểm du lịch chùa Bái Đính với khả năng thu hút lượng khách từ mọi nơi, cao điểm nhất so với các điểm du lịch trong địa bàn. Với tài nguyên phong phú, Ninh Bình có thể tổ chức nhiều tuor du lịch với nhiều loại hình du lịch phong phú như nghỉ dưỡng, du lịch tâm linh, du lịch tham quan thắng cảnh, tìm hiểu những giá trị văn hoá lịch sử, với những điều kiện trên sẽ thúc đẩy du lịch phát triển mạnh mẽ.

Vùng đất Ninh Bình lại có cảnh quan tự nhiên vô cùng đặc sắc, nổi tiếng với nhiều dãy núi đá vôi, đặc biệt là vùng Trường Yên, núi cứ dựng thành hàng kéo dài từ bên ngoài khu cố đô Hoa Lư cho đến khu chùa Bái Đính. Hướng về khu núi chùa Bái Đính, nếu tinh mắt sẽ nhìn thấy những ngọn núi

có hình dáng tựa như một đàn voi đang phủ phục, châu hướng về Hoa Lư- Bái Đính. Nó gợi nhớ về đất tổ Hùng Vương, nơi có 99 ngọn núi hình voi châu bái phục Đền Hùng. Ngoài hình voi phục, núi ở đây có nhiều hình dáng phong phú như: Dáng hổ phục, yên mã...Không thể tả hết được vẻ đẹp kỳ vĩ của từng ngọn núi, cứ đứng đó tự bao giờ sừng sững, nối đuôi nhau lúc thưa, lúc dày, lúc to, lúc nhỏ. Qua tâm thức tâm gian, núi không chỉ là núi mà là tâm khí của đất trời là tất cả những gì thiêng liêng mà người ta gọi vẫn gọi là hồn dân tộc, hồn thiêng đất nước. Vì thế mới có “hòn vọng phu” mới có “hữu thanh long, tả bạch hổ”, ”lưỡng long châu nguyệt”...chính vì điều này mà xưa kia được xem là vùng đất thiêng đã sinh ra chân mạch Đế Vương, anh hùng hào kiệt. Về Cố Đô, lên chùa lễ Phật, ngắm nhiều ngọn núi với nhiều hình thù khác nhau, du khách sẽ có dịp liên tưởng và hoài niệm về một thời vang bang của 3 triều đại “Đinh – Tiền Lê- Lý”

Ngoài những điều kiện về môi trường tự nhiên thì sự phát triển kinh tế xã hội là yếu tố quyết định sự thành công của du lịch, với nền kinh tế nông nghiệp truyền thống nền cơ cấu là: Nông nghiệp - Công nghiệp- Dịch vụ- Du lịch, tuy nhiên thực tế phát triển Du lịch ở Ninh Bình trong những năm qua cho thấy du lịch đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Tổng doanh thu của tỉnh trong những năm qua có sự tăng trưởng đáng kể, nếu 1995 tổng doanh thu của ngành đạt 8.55 tỷ đồng thì đến năm 2000 đã tăng lên gấp 3.27 lần để đạt mức 2.8 tỷ đồng , tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 1995-2000 là 26.78%, đến năm 2005 tức là 10 năm sau thì doanh thu đã lên tới 63.18 tỷ đồng tăng gấp 7.39 lần so với khi bắt đầu thực hiện việc quy hoạch (đây là doanh thu thuần túy từ du lịch), năm 2006 ngành du lịch ninh bình đã đạt được 87.98 tỷ đồng tốc độ tăng trưởng trung bình doanh thu thuần túy giai đoạn 2001-2006 đạt 23.6% năm, cho thấy đóng góp của ngành du lịch vào phát triển kinh tế của tỉnh nhà, nâng cao mức sống cho người dân, giải quyết các tình trạng thiếu việc làm cho người lao động.

Qua phân tích trên thì ta thấy sự tác động qua lại giữa du lịch Ninh Bình với nền kinh tế. Nền kinh tế có mạnh thì mới tạo đà cho phát triển du lịch bằng chứng là nhiều doanh nghiệp, công ty kinh doanh về du lịch ra đời biểu hiện cụ thể nhất cho việc đầu tư khai thác khu du lịch chùa Bái Đính là doanh nghiệp Xuân Trường, nhiều cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật đáp ứng

cho việc phục vụ và khai thác điểm du lịch trên. Như vậy kinh tế có mạnh mới tạo đà cho sự phát triển và mở rộng loại hình Du lịch. Tình hình an ninh chính trị an sinh xã hội cũng tác động tới du lịch trong những năm gần đây được sự quan tâm của nhà nước cũng như tình hình an ninh luật pháp của Ninh Bình, người dân địa phương cũng như chính quyền phối hợp chặt chẽ để phát triển du lịch cho tỉnh nhà

2.3.5 . Những thuận lợi - khó khăn đối với việc khai thác, phục vụ du lịch của quần thể di tích chùa Bái Đính

2.3.5.1. Thuận lợi

Khu di tích chùa Bái Đính là một trong những dự án đang khai thác nhưng với tiềm năng du lịch của Ninh bình, cộng thêm những lợi thế giúp phần thúc đẩy việc khai thác đạt được những hiệu quả .Trước hết phải kể đến hệ thống nhà hàng, khách sạn, cơ sở vật chất hạ tầng tiên tiến đa dạng nhiều thành phần đáp ứng được khả năng kinh doanh du lịch có chất lượng và hiệu quả phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi ăn uống của du khách và các nhu cầu khác...

Tính chất liên vùng cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các tuor du lịch từ các tỉnh thành tạo ra sự phong phú và đa dạng của sản phẩm du lịch như các chương trình du lịch tìm về cội nguồn văn hoá, lịch sử,các tuor du lịch tâm linh, lễ hội ...Không những thu hút được du khách trong nước mà thu hút được số lượng đông đảo du khách nước ngoài đến Ninh Bình

Trong những năm gần đây nhờ chính sách đổi mới, mở cửa của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển. Cấp nguồn vốn đầu tư, tôn tạo di tích tổ chức nhiều chương trình hoạt động có lợi cho du lịch cũng như tạo điều kiện cho việc xuất nhập cảnh...cho du khách nước ngoài đến tham quan tìm hiểu nét văn hoá lịch sử của nước nhà (đặc biệt từ khi có nghị quyết 45/CP của chính phủ về đổi mới quản lý và phát triển ngành du lịch và chỉ thị 46/CT-TW của ban bí thư trung ương đảng). Dưới sự chỉ đạo của tỉnh uỷ , UBND tỉnh, du lịch Ninh Bình đạt được những thành tựu đáng kể. Tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch là 19.64 %/ năm, mới mức tăng trưởng trong thời gian qua có thể thấy kinh tế của Ninh Bình đã và đang phát triển đúng với định hướng phát triển của tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh đã đề

ra. Sự hội nhập kinh tế với các nước tiên tiến cũng làm thay đổi tư duy của người Việt trong việc chú trọng phát triển du lịch.

Tình hình kinh tế ổn định cũng là điều kiện phát triển du lịch của khu di tích chùa Bái Đính, tuy chưa thực sự đi vào khai thác nhưng đây là một công trình mới mẻ mang yếu tố tâm linh, có giá trị văn hoá lịch sử gắn với 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Đây cũng là một công trình kiến trúc hoành tráng nhất Việt Nam hiện nay. Là một sản phẩm du lịch hoàn toàn mới, khởi sắc cho du lịch Ninh Bình nói riêng và du lịch cả nước nói chung.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi thì Ninh Bình nằm ở vị trí thuận lợi cho phát triển lưu thông hàng hoá với các địa phương khác trong cả nước, hệ thống giao thông thuận lợi như những tuyến đường vào khu vực chùa Bái Đính như, tuyến đường 10 vào thôn Sinh Dược chùa Bái Đính ...được quy hoạch có quy mô tạo điều kiện thuận lợi cho du khách đến tham quan du lịch.

2.3.5.2. Khó khăn

Với những điều kiện thuận lợi trên thì việc khai thác khu chùa Bái Đính còn gặp những hạn chế. Do công trình đang trong thời kỳ xây dựng nên các nguyên vật liệu xây dựng còn ngốn ngang gây mất cảnh quan cũng như khó khăn trong việc tham quan của khu du lịch.

Các cơ sở vật chất phục vụ ăn nghỉ nhà hàng các dịch vụ phục vụ cho khách du lịch vẫn còn gặp hạn chế, manh mún nhỏ lẻ chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của du khách. Cách phục vụ cũng gặp khó khăn do có một số người lao động chưa có trình độ về chuyên môn nghiệp vụ.

Đồng thời do chưa thực sự đi vào khai thác nên cơ cấu tổ chức còn thiếu sót và hạn chế, chưa có đội ngũ hướng dẫn viên du lịch điếm, vì thế cho đến thời điểm hiện tại vẫn chưa thu hút khách ở mức độ tối đa. Các dịch vụ nhỏ lẻ bán hàng tại điếm đôi khi còn có tình trạng tăng giá.....những khó khăn trên sẽ được hoàn thiện và khắc phục khi công trình thực sự đi vào khai thác và hoạt động làm cho khu di tích chùa Bái Đính thực sự là một nơi du lịch lý tưởng của khách tham quan.

2.4. Tiểu kết

Khu chùa Bái Đính được xây dựng trên đồi núi cao tại xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Chùa được lấy tên là Bái Đính để ghi nhận khu chùa ở gần chùa Bái Đính cũ và cũng là tên núi Bái Đính. Du khách đến

đây không chỉ tham quan, văn cảnh chùa mà còn được chiêm ngưỡng những kỳ tích của Phật giáo Việt nam: Đại hội đồng chuông lớn nhất Việt Nam, Pho tượng Phật Thích Ca bằng đồng lớn nhất và Tháp bồ đề 9 tầng cao nhất trong các chùa hiện nay.

Mặc dù vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện nhưng mỗi ngày khu chùa Bái Đính vẫn đón hàng ngàn lượt du khách trong và ngoài nước đến thăm quan. Với tổng diện tích 2000 ha, nằm trong quần thể các khu du lịch nổi tiếng của tỉnh Ninh Bình như: Di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư, khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, vườn quốc gia Cúc Phương, khu du lịch sinh thái Tràng An đã trở thành 1 địa danh du lịch lịch sử, văn hóa, tâm linh, sinh thái, hấp dẫn. Sự vận động, biến ảo của đất trời đã tạo nên 1 quần thể hang động với núi non hùng vĩ, hòa quyện với nhau. Công trường đang ngổn ngang xây dựng, chưa thể hình dung được vẻ đẹp cũng như sự trang nghiêm trầm mặc của một ngôi chùa theo đúng nghĩa xưa nay nhưng sự bề thế, hoành tráng của nó thì bất cứ ai dù chỉ ghé qua nhìn cũng có thể cảm nhận được. Điểm nhấn quan trọng nhất của công trình tôn giáo khổng lồ này vẫn là điện thờ Tam thế và điện thờ Pháp Chủ. Diện tích hai ngôi điện này lên đến trên 1.000m² (diện tích các điện thờ chính của các ngôi chùa truyền thống tối đa chỉ thường khoảng 150m² do bị hạn chế bởi các gian - được qui định bằng chiều dài của cây gỗ dùng làm xà nhà). Chiều cao của Pháp chủ điện lên đến 22 m, chứa được bốn pho tượng kỷ lục bên trong.

Bốn pho tượng - ba pho Tam Thế và một pho Phật tổ Như Lai - thật sự là niềm tự hào của các “ông chủ” chùa Bái Đính. Mỗi pho Tam thế nặng đến 50 tấn, cao 1 2m, pho Phật tổ Như Lai cao 16 m, nặng 100 tấn, đúc bằng đồng nguyên chất mua từ Nga về, do các nghệ nhân đúc đồng làng danh ở Ý Yên, Nam Định đúc và lắp đặt.

Một “đại hồng chung” nặng tới 36 tấn cũng đã được đúc và ngự trên đỉnh một quả đồi ngay trên đường lên đại điện. Quả chuông lớn đến độ người ta đã dự tính nếu muốn gióng chuông phải cần một cây gỗ lớn và bốn người kéo cây gỗ để thúc chuông.

Gây sững sốt không kém là sự “tập kết” của 500 pho tượng La Hán trên quả đồi phía bên phải Pháp điện. 500 La Hán cao lừng lững 2.3 m, tạc bằng đá Ninh Bình.

Với nét đẹp kỳ ảo của ngôi chùa Bái Đính cũ và sự hoành tráng đồ sộ của công trình kiến trúc của khu chùa Bái Đính mới, cảnh quan và môi trường thiên nhiên sẽ là điểm thu hút khách du lịch trong nước và ngoài nước. Là điểm nhấn tạo đà cho du lịch Ninh Bình phát triển theo xu thế của thế giới

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢI PHÁP

3.1. Định hướng về phát triển Du lịch Ninh Bình nói chung và Chùa Bái Đính nói riêng.

Trên cơ sở nhận biết được các thế mạnh, đặc biệt để phát triển du lịch, thời gian qua ngành du lịch Ninh Bình đã tập trung khai thác đồng thời cả du lịch tự nhiên để phát triển du lịch sinh thái và tài nguyên nhân văn để phát triển loại hình du lịch văn hoá. Ngoài việc khai thác các tài nguyên hiện có, Ninh Bình tiếp tục khám phá, khai thác thêm nhiều tài nguyên mới và thực hiện tốt việc quy hoạch tổng thể và chi tiết thành những tuyến điểm, địa danh hấp dẫn như khu du lịch sinh thái Tràng An, khu nước khoáng Kênh Gà, khu bảo tồn ngập nước Vân Long...

Định hướng phát triển của du lịch Ninh Bình không những nhằm mục đích khai thác các thế mạnh của tài nguyên Du lịch mà đòi hỏi quy trình khai thác như thế nào cho hợp lý vì thế xu hướng phát triển du lịch gắn liền với phát triển bền vững. Ngày nay sự phát triển bền vững của các ngành kinh tế là một đòi hỏi khách quan. Du lịch Ninh Bình là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn có vai trò quan trọng trong việc phát huy tiềm năng thế mạnh của tỉnh, để có những quyết định đầu tư chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Về nguyên tắc phát triển du lịch, luật du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã nêu: “Phát triển du lịch bền vững, theo quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm hài hoà giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm theo hướng du lịch văn hoá - lịch sử, du lịch sinh thái. bảo tồn, phát huy các giá trị của tài nguyên du lịch”. Đây chính là cơ sở pháp lý trực tiếp, toàn diện hơn hoạt động du lịch. Nhiều văn bản pháp luật liên quan đến du lịch được xây dựng mới và sửa đổi, bổ sung như luật đầu tư, luật đấu thầu, pháp lệnh xuất nhập cảnh, luật cư trú tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển du lịch bền vững.

Như vậy “Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch trong tương lai”.

Phát triển bền vững là nhu cầu cấp bách và là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển xã hội của loài người, vì vậy đã được các quốc gia trên thế giới đồng thuận xây dựng thành chương trình nghị sự cho từng thời kỳ phát triển của lịch sử. Trên cơ sở đó Hội đồng thế giới về môi trường và phát triển của liên hợp quốc đã đưa ra định nghĩa (WCED) : “Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau”.

Quan điểm phát triển bền vững đã được khẳng định trong chỉ thị 36 - CT/TW ngày 12/6/1998 của bộ chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và một lần nữa được tái khẳng định trong văn kiện của đại biểu đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng cộng sản Việt Nam và trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 -2010 là: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”, và “Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn sự đa dạng sinh học”. Phát triển bền vững trở thành quan điểm đường lối của Đảng và chính sách Nhà nước.

Song song với việc phát triển theo hướng bền vững thì xu hướng của ngành Ninh Bình là đẩy mạnh phát triển sinh thái vì có một trường sinh thái mới tạo đà cho du lịch bền vững phát triển. Nằm trong xu hướng phát triển đó chùa Bái Đính cần có những hướng đi cho riêng mình để khai thác nguồn tài nguyên của mình có hiệu quả, hạn chế việc khai thác quá mức để sản phẩm du lịch đạt chất lượng cao. Kết hợp với khu du lịch sinh thái Tràng An để tạo đà phát triển cho mình tức là kết hợp phát triển bền vững và du lịch sinh thái để đem lại hiệu quả cao nhất. Đồng thời việc liên kết giữa hai loại hình sinh thái và du lịch tâm linh làm cho sản phẩm du lịch thêm phong phú. Việc khai thác phục vụ du lịch đang tiếp tục được mở rộng quy mô, hệ thống đường giao thông cũng được mở mang khi công trình bắt đầu đi vào tổ chức, ngoài con đường bộ từ khu du lịch Tràng An đến khu núi chùa Bái Đính, thì người ta đang triển khai kế hoạch mở thêm một con đường thủy. Công trình này trong tương lai gần sẽ được nạo vét và đi vào hoạt động, nối bên thuyền trên đoạn sông Hoàng Long ngay trước cổng Bái Đính tân tự.

Du khách đến chùa Bái Đính không chỉ được viếng cảnh chùa, mà được xuống thuyền du ngoạn trên dòng sông hiền hoà chảy ngang qua những cánh đồng thơm mùi mạ non. Du thuyền vào hang Long ẩn, một trong những hang động dài và đẹp nhất tại đây để khám phá nét hoang sơ tiềm ẩn của vùng đất trên, non dưới nước. Ngoài ra theo lộ trình này, du khách cũng có thể du thuyền tham quan Khu du lịch sinh thái Tràng An. Hiện nay những hạn mục chính của Bái Đính tân tự gần như đã được định hình. Các hạng mục khác cũng đang được gấp rút thi công. Trong tương lai, Bái Đính sẽ là ngôi chùa có quy mô hàng đầu, không chỉ ở Việt Nam mà tầm cỡ Đông Nam Á.

3.2. Đánh giá

3.2.1. Đánh giá về các giá trị văn hoá lịch sử của chùa Bái Đính

3.2.1.1. Giá trị lịch sử

Đánh giá về giá trị của vùng đất lịch sử này tức là tìm về với cội nguồn dân tộc, các truyền thống yêu nước của con người Việt ngay từ buổi đầu dựng nước ở Cổ Đô Hoa Lư, các huyền thoại và nhân vật lịch sử. Cùng đi vào tìm hiểu vấn đề này chúng ta sẽ thấy được giá trị và ý nghĩa to lớn của nó.

Núi Bái Đính vốn xưa kia là mảnh đất che chở cho kinh thành tự thuở xưa, theo như cổ Giáo Sư Trần Quốc Vượng, cổng Hoàng thành ngoài lính canh còn có thần trấn giữ bốn cửa, có yểm bùa hay còn làm lễ hiến sinh. Và theo một số cụ túc nho ở Ninh Bình cho biết, khi vua Đinh dựng kinh đô Hoa Lư, ngài đã cho đặt bốn trấn yểm ở bốn ngọn núi linh theo bốn hướng trong vùng, thờ các vị Thần làm thành hoàng để bảo vệ kinh đô, gọi là “Hoa Lư tứ trấn sơn”: Bái Đính Sơn - thờ thần Cao Sơn - trấn giữ phía Tây kinh thành Hoa Lư. Thiên Tôn Sơn - thờ thần Huyền Thiên Trấn Vũ - trấn giữ phía Bắc kinh thành Hoa Lư. Thiên Dưỡng Sơn thờ thần Cao Sơn Đại Vương - trấn giữ phía Nam kinh thành Hoa Lư. “theo sử nhà Minh, thì trong số 21 núi có tiếng An Nam, núi ấy tức là (Thiên Dưỡng). Đầu thời Hồng Đức, có bày bàn tế Giao (tế Trời - Đất), năm thứ 3 có sai quan tế, vẽ hình thế núi đem về” (theo Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên, Sdd, tr, 110- 111). Diên Sí Sơn (núi Cánh Diều) - thờ Quý Minh Đại Vương - trấn giữ phía Đông kinh thành Hoa Lư. Vào thế kỷ thứ X - Dưới triều đại nhà Đinh và Tiền Lê- núi Bái Đính là một căn cứ quân sự che chắn cho cửa ngõ phía Tây kinh thành Hoa Lư có giá

trị như một “chốt mộc lợi hại án ngữ đường Thượng Đạo”, con đường chiến lược vào các tỉnh Thanh- Nghệ và lên mạn núi phía rừng Tây Bắc lúc bấy giờ. Và đây cũng là vùng đất “nhân kiệt, địa linh chung vượng khí” (người giỏi đất linh nên tạo ra vượng khí cho nơi đây) giống như bài thơ “Minh đỉnh danh lam” của đức Vua đứng đầu Hội Tao đàn thời Lê ca ngợi. Sau này vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long cũng lập “Thăng Long tứ trấn”, bốn đền thờ thần trấn giữ kinh thành Thăng Long như thời Đinh -Tiền Lê ở Hoa Lư.

Nằm song song với dải núi Bái Đính là con sông hoàng long là nơi gắn liền với các sự tích của Đinh Bộ Lĩnh nơi ghi dấu phát tích Đế Vương làm nên những huyền thoại lịch sử. Sông Hoàng Long vốn là lưu hợp của 3 con sông (sông Lạng, sông Bôi, sông Lê). Sông Lạng bắt nguồn từ Hoà Bình, chảy qua thị trấn Nho Quan, đổ về gặp sông Bôi (sông Kiến Phong cổ) cũng từ Hoà Bình đổ về ngã ba Kênh Gà, (Gia Thịnh, Gia Viễn). Sông Hoàng Long chảy đến núi Lê (thôn Lê, Gia Sinh, Gia Viễn) nhập thêm dòng sông Lê từ phú lộc, Sơn Thành (Nho Quan) đổ vào. Xưa kia chảy đến Phú Mỹ (Gia Vượng, Gia Viễn), sông Hoàng Long lượn về phía Tây Bắc, đến thôn Hoàng Long, Đức Hậu, An Thái (Gia Trung) chảy đến sát chân núi Bồ Đình (Gia Vượng), Kỳ Lân (Đại Hữu cổ, nay là xã Gia Phương), rồi lại vòng qua Diềm Giang (Gia Thắng), Diềm Xá (Gia Tiến, Gia Viễn) tạo thành hình vòng cung nước ôm lấy các xã Gia Trung, Gia Vượng, Gia Phương, Gia Thắng, Gia Tiến. Khúc uốn quanh này sách cổ gọi là sông Đại Hoàng. Còn sông Hoàng Long chỉ là đoạn chảy thẳng từ Hán Nam- Hán Bắc (Gia Tiến) chảy xuôi qua Thần Thiệu, Thiện Hối (Gia Tân) khoảng 8 km ra Gián Khẩu, đổ vào sông Đáy (sông Thanh). Cho đến nay tại xã Gia Trung vẫn còn lưu giữ địa danh thôn Hoàng Long, gần núi Bồ Đình và núi Kỳ Lân. Vòng cung thủy - uốn khúc quanh sông Đại Hoàng cổ tạo thành phía trước núi Bái Đính (nhưng ngày nay thì không còn nữa). Do thủy lợi uốn thẳng đoạn sông đại hoàng khúc từ Phú Mỹ (Gia Vượng) đến Nam Hán (Gia Tiến) để tiêu úng chặt đứt khúc uốn quan của con rồng nước khổng lồ của con sông này.

Hoàng Long – con sông gắn với bao huyền thoại của Đinh Bộ Lĩnh thưở sinh thời với hàm nghĩa “vua lớn”, nơi phát tích nên vị anh hùng đại

thắng Minh - người khai sang tiêu đại nhà Đinh về vang trong lịch sử (dấu vết còn lại nay chỉ là khúc sông “nội đồng” nông nhỏ, nằm giữa cánh đồng chiêm chũng của các xã Gia Trung, Gia Vượng, Gia Thắng, Gia Tiến, Gia Phương thuộc huyện Gia Viễn). Sông Đại Hoàng cổ ngày nay không còn nữa. Khúc “uốn cong” của “Con Rồng nước” Đại Hoàng nay đều đã mất hết vết tích xưa. Dân gian cho rằng “long mạch Đại Hoàng bị “đứt - gãy” từ đó.

Ngày nay, con sông chảy từ ngã ba Kênh Gà được “nắn thẳng” từ Phú Mỹ (Gia Vượng) đến trạm bơm xã Gia Tiến dài gần 6 km chảy thẳng ra sông Đáy ở Gián Khẩu được gọi là sông Hoàng Long. Sông Hoàng Long cổ chỉ là khúc sông từ Diêm Xá xưa (nay là xã Gia Tiến) đến Gián Khẩu, gắn với huyền tích Rồng Vàng nổi lên cứu Đinh Bộ Lĩnh qua sông ở đoạn núi Cẩm Grom (Gia Tiến). Nay sông Hoàng Long chỉ còn là con sông ở ngã ba Đồng Đình (Thượng Hoà, Nho Quan) đến Gián Khẩu (Gia Trấn, Gia Viễn). Theo tích xưa truyền thì huyền thoại của Đinh Bộ Lĩnh gắn với nhiều sự tích ở vùng núi Bái Đính và con sông Hoàng Long. tích Con Rái Thần, kể lại rằng ở thời Dương Đình Nghệ có đôi vợ chồng do chiến tranh phản loạn phải khăn gói lên đường về quê. Chồng là Đinh Công Trứ quê ở động Hoa Lư (nay là Gia Phương, Gia Viễn) là thứ sử châu Hoan (Nghệ An) cùng vợ là Đàm Thị, trên đường về do đường xá xa xôi vất vả nên hai vợ chồng rất mệt mỏi, buồn phiền. Nhưng điều buồn phiền hơn cả là ông bà lấy nhau đã được mấy chục năm rồi mà chưa có nổi một mụn con cho vui cửa vui nhà, ông bà vốn ăn ở hiền lành phúc đức mà trời vẫn không thương. Chẳng mấy chốc mà ông bà đã đi được rông rã gần một tháng trời, khi về đến núi Bái Lĩnh vợ chồng ông nghỉ dưới một gốc cây cổ thụ gần làng. Thấy dưới ruộng thỉnh thoảng có tiếng cá quẫy bà Đàm Thị bảo chồng ngả vào gốc cây cho đỡ mệt, còn mình xuống ruộng mò lấy ít cua cá nấu bát canh chua cho đỡ mệt.

Bà Đàm Thị càng bắt càng thấy lắm cua cá, nên mãi mê chẳng mấy chốc đã cách xa chỗ chồng nghỉ, vào tới chân núi cuối đồng. Trời đang nắng to, bỗng một trận mưa rào ập tới, bà Đàm Thị bèn lánh mưa vào một hang núi trước mặt. Trước hang là một cái đầm rất to và sâu, bà đứng trong hang núi, chụm tay hứng những giọt nước mưa lung linh ngũ sắc từ một cây nhũ đá rõ

xuống. Uống song kỳ lạ thật bà buồn ngủ nhú mắt lại, thấy giữa hang có một tảng đá to, nhẵn lì như một cái sập gụ, bà ngả lưng xuống và ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Con mưa vừa tạnh, Bà Đàm Thị cũng vừa tỉnh giấc, bà giật mình thấy một Con Rái Cá hình nhân, to lớn như một người đàn ông nằm bên cạnh, một chân vắt qua bụng bà. Hoảng sợ bà kêu la âm ỉ, vùng ra khỏi con Rái Cá, cầm đầu cầm cổ chạy về phía chồng kêu cứu. Chồng bà và những người xung quanh nghe thấy tiếng la thất thanh, chạy đổ xô về phía hang núi. Con Rái Cá hình nhân thấy đoàn người tay dao, tay gậy, tay liềm âm âm kéo vào hang, nhưng nó vẫn đứng trên phiến đá trơ trơ như pho tượng không hề chạy trốn. Đoàn người xông vào đánh chém tới tấp con Rái Cá kỳ lạ ấy. Ông Đinh Công Trứ vì chạy đến sau nên chỉ xin được bộ xương và tấm da con rái cá, gói lại cẩn thận mang về để trên gác bếp.

Ít lâu sau bà Đàm Thị thấy trong người nôn nao, rục bà biết mình đã có thai. Bà không biết nói thế nào với ông về giấc ngủ như bị thôi miên trong hang núi lúc trú mưa, bản khoán do dự mái cuối cùng thì bà cũng vẫn dấu chồng. Ông Đinh Công Trứ thấy vợ có thai thì mừng rỡ nói rằng mai này khi sinh hạ thì đặt tên con là Bộ Lĩnh để kỷ niệm chặng đường vất vả chạy loạn, và buổi trưa nghỉ ở chân núi Bái Lĩnh.

Vợ chồng ông về quê sinh sống được hai tháng thì ông mất đột ngột, bà Đàm thị gào khóc thảm thiết, dân làng ai cũng thương tình, hàng ngày sống bằng nghề mà cua bắt cá kiếm sống qua ngày, bà không hề nói với ai là mình có thai. khi ông Trứ mất đã được một năm mà bà vẫn chưa sinh, dân làng thì nhau theo dõi người em chồng cho là bà chữa hoang bèn đuổi bà đi. Bà Đàm Thị bụng mang dạ chứa bỏ làng vào trong núi kỳ lân để ở, trong động có đền thờ Sơn Thần cách làng không bao xa.

Hôm ấy, trời đang nắng chang chang, bỗng sấm chớp nổi lên âm âm, mây đen vần vũ. Bà Đàm Thị trở dạ, sinh ra một cậu bé khôi ngô tuấn tú, bà bấm đốt ngón tay thế là đã mang thai mười bốn tháng trời. Nhìn con khoẻ mạnh, đẹp đẽ bà ôm con sung sướng đến ràn rụa nước mắt. Đứa bé thật ngoan không hề quấy khóc nhưng lại rất hiếu động chưa đầy cỡ mà cậu bé đã nhồm đậy như là được mấy tuổi rồi, mắt sáng như dao điện mạo phương phi khác

thường. Ngay sang hôm bà sinh nở, những người vào động lễ sơn thần, thấy trên các cây sen núi, lá nào cũng có vết sên bò in thành chữ “Thiên Tử”. Dân làng kéo nhau vào động xem thấy điềm lạ, bảo nhau rước mẹ con bà về làng, làm một túp lều cho 2 mẹ con ở tạm. Chỗ này sau gọi là Bờ Đề ở Sách Bông.

Chuyện bà Đàm Thị có thai mười bốn tháng lại có những điềm lạ nên từ làng trên xóm dưới, bàn tán xôn xao truyền đi khắp nơi. Vào lúc bấy giờ có một ông thầy tướng đến nhìn cậu bé rồi nói với mọi người “thằng bé này lớn lên, tất không phải là người thường, sẽ đứng đầu thiên hạ”. Bà Đàm Thị vô cùng phấn khởi, nhớ tới lời dặn của người chồng khi mất, bà đặt tên con là Bộ Lĩnh. Lên 5 tuổi bộ lĩnh đã phải mò cua bắt ốc để kiếm tiền thuốc thang nuôi mẹ và nuôi thân. Bộ lĩnh có biệt tài bơi lặn, dòng sông chảy qua làng rất sâu, chảy xiết chỉ có Bộ Lĩnh mới có thể bơi ra được giữa dòng và lặn xuống, bắt đầy vành dây lưng cá mới chịu ngoi lên bờ. Sông này lại có rất nhiều Ba ba to, ai muốn mua ba ba to chừng nào chỉ cần đứng chờ một lát, Bộ Lĩnh sẽ bắt lên đúng như hình vẽ. Cũng vì biệt tài bơi lặn giỏi của cậu bé mà dân làng dần biết được bí mật về câu chuyện trong hang của bà mẹ năm nào.

Huyền tích này của Đinh Bộ Lĩnh đã ngàn năm nay đã lưu truyền trong nhân gian Ninh Bình. Núi Bái Lĩnh khi xưa nơi bà mẹ mang thai với Rái cá thần nay trở thành núi Bái Đính mang tên đức vua thuở thiêu thời. Hồ Đàm Thị nơi mẹ đức vua mò cua bắt ốc giao cầu với rái thần trong động Long Ẩn, sinh ra vua Đinh, các địa danh đó đến nay rồi vẫn còn (nay thuộc thôn Sinh Dược, Gia Sinh, Gia Viễn) nơi có chùa Bái Đính lớn nhất Việt Nam. Núi Bái Đính sát bên Đông Nam chùa, Hồ Đàm Thị ngay trước cửa chùa Bái Đính.

Lại nói đến con sông Hoàng Long đây là con sông huyền thoại đã đi vào trong lịch sử của người dân Việt, nơi đây là nơi gắn với thời thơ ấu của một vị vua tài ba, mà sự tích của nó còn lưu truyền mãi đến các thế hệ con cháu người Việt Nam. Đây là nơi thuở nhỏ khi phải đi ở chăn trâu cho chú là Đinh Dự ở Sách Bông (nay là Gia Phương, Gia Viễn). Hàng ngày Bộ Lĩnh cùng với trẻ chăn trâu trong làng tụ tập ở động Hoa Lư (nay là xã Gia Hưng, Gia Viễn), bẻ hoa lau làm cờ, xếp hàng hai, chồng kiệu nghênh rước Đinh Bộ Lĩnh như nghi lễ triều đình. Bốn người bạn “đồng lân, đồng giáp thân” (cùng

làng cùng tuổi giáp thân - năm 924) là Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ, Trịnh Tú được Bộ Lĩnh giao cho làm “tứ trụ triều đình”. Đinh Bộ Lĩnh thường bày trận ở động Hoa Lư, lấy trâu làm ngựa cưỡi, lấy tre nứa làm cung đao, lấy hoa lau làm cờ, lấy mỡ trâu, tù và làm hiệu lệnh. Khi tiến đánh trẻ trâu Nga My thì cho trâu bơi dọc sông, còn người thì cưỡi trên lưng trâu như cưỡi thuyền chiến. Sau đó thấy quân Nga My có thuyền thúng lợi hại, Bộ Lĩnh lại cho đan thuyền lá tre để dành chiến thắng. Danh tiếng của Bộ Lĩnh và quân Hoa Lư nổi tiếng khắp vùng. Phụ lão các động, các sách nói với nhau “Đứa trẻ này có khí độ như thế, lớn lên tất sẽ làm nên tướng soái, nếu không cho con em mình về theo sau này hối cũng không kịp”. Bởi lẽ đó mà mọi người cho con em của mình đến rất đông, rồi lập Đinh Bộ Lĩnh là trưởng động Hoa Lư.

Sau khi đánh thắng được trẻ chăn trâu của các làng khác, cả một vùng rộng lớn thuộc trẻ Hoa Lư làm chủ, Đinh Bộ Lĩnh bèn bắt con trâu to nhất của chú để khao quân. Chiếc nồi lớn làm bằng da trâu trát bùn, căng lên trên bốn chiếc cọc, rồi đổ nước vào đun. Khi nước sôi, lũ trẻ dùng lưới hái cắt thịt trâu luộc chín, vớt ra bày trên lá chuối rừng. Gạo tẻ, gạo nếp do lũ trẻ góp lại được bỏ vào trong các ống bương, ống luồng tươi chứa nước, trát đất kín, nướng trên ngọn lửa. Cỗ được bày trên các tấm lá chuối rừng làm mâm, rồi đặt trên phiến đá to làm bàn thờ. Hai bên cắm hai hang cờ lau, hương là những đoạn cây trầm đốt nghi ngút. Đinh Bộ Lĩnh cho quân xếp thành 10 hàng, tượng trưng cho 10 đạo quân thiên tử, trước bàn thờ tuyên thệ: “Chúng ta nguyện sống chết có nhau, quyết lấy nương đồng, bãi cỏ bốn phương để người động Hoa Lư làm chủ”. Tiếng thề, tiếng reo hò của lũ trẻ âm vang vách núi. Chúng công kênh Bộ Lĩnh rồi vác cờ lau, khí giới bằng tre gỗ, đi hai hang như rước ông hoàng.

Khao quân xong, để đối phó với chú, Bộ Lĩnh lấy đuôi trâu cắm xuống lỗ nẻ ở ruộng, chạy về nói dối chú là trâu đã chui xuống đất. Người chú tưởng thật, hốt hải chạy ra, dè chân chèo, cố sức nắm đuôi trâu kéo kên. Trâu chẳng thấy đâu chỉ thấy chú ngã chổng gọng ra giữa ruộng. Biết cháu trệt mất trâu, lại bày trò lừa mình, Đinh Dự nổi giận ùn ùn, vác gươm đuổi cháu để trị tội. Bộ Lĩnh ráng sức chạy, chạy mãi mà chú vẫn đuổi riết đàng

sau. Đến bờ sông cái, cùng đường không còn lối chạy, Bộ Lĩnh chợt nhớ trong số trẻ chăn trâu có đứa tên là Long, nhà ở bãi sông, bô làm nghề chõ dò ngang trên sông bèn gọi lớn: “Long ơi Long, cứu ta với, nhanh chớ ta qua sông”. Bộ Lĩnh vừa dứt lời chẳng thấy Long đâu, khúc sông bỗng nổi sóng cồn, một con Rồng lớn hiện lên, hụp đầu 3 lần như vái chào, vâng lệnh ghé lưng vào bờ đón Bộ Lĩnh. Bộ Lĩnh ung dung ghé lưng bước lên lưng rồng qua bờ sông bên kia. Người chú thấy vậy vừa kinh sợ, vừa cảm phục cháu, lúc ấy mới biết cháu mình là thiên tử giáng sinh. Chú cắm thanh gươm bên chân núi, quỳ bên bờ sông vái lậy như tế sao, đến lúc ngẩng đầu lên không thấy cháu đâu nữa, mới lững thững quay về nhà thì trời đã chập choạng tối.

Đến nay con đường chú đuổi cháu gọi là con đường tiến yết. Hàng năm mở hội, nhân dân vẫn rước kiệu, tế cờ tế kiếm từ động hoa lưu về gò Bồ Đề (nay thuộc xã Gia Phương, Gia Viễn – tương truyền nơi đây là nền nhà của Đinh Bộ Lĩnh hồi còn nhỏ), qua sông Cái về đến đền vua Đinh ở Trường Yên. Dòng sông Cái có rồng vàng nổi lên cứu vua từ đó gọi là Sông Hoàng Long (rồng Vàng), núi chỗ chú cắm gươm lạy cháu nay gọi là núi Cắm Gươm, dải ruộng dưới chân núi cắm gươm gọi là Kiếm Điền.

Lại trở lại với không gian của núi Bái Đính, xét về cảnh quan thiên nhiên xung quanh chân núi Bái Đính thì đây là một vùng chủ yếu là núi đá và đồi đất, ngoài một số ngọn độc sơn như núi Hàn Cay, Hàm Rồng, Hang Trai, núi Nhãn, núi Làng Đồi, núi Lê, Thanh Lương, núi Khám....núi đồi quanh núi Bái Đính tạo thành 2 vòng cung chính: Vòng cung phía Đông Bắc khởi đầu là núi Hàm Rồng, núi Hàm Xà, Hàn Cay, Trai Sơn, và núi Phường. Vòng cung Tây Bắc khởi đầu là núi Lê, sát bờ sông Hoàng Long, như con Kỳ lân khổng lồ, tiếp đến là núi khám, U Bò, Thanh Lương, núi Thờ, Ba Chạc, núi Lê chạy dài đến núi khơi và vùng đồi núi của các xã Sơn Lai, Quỳnh Lưu của huyện Nho Quan. Cả hai vòng cung này đều châu về phía núi Bồ Đĩnh và núi Kỳ Lân (Gia Vượng, Gia Phương, Gia Viễn), nơi sinh ra vua Đinh gắn với truyền thuyết “mả táng hàm rồng” nói về việc Đinh Bộ Lĩnh đưa hài cốt cha mình tang vào Hàm Rồng .

Tích kể lại rằng vào một hôm, khi Đinh Bộ Lĩnh lặn xuống đáy sông Đại Hoàng, chỗ sâu nhất, nước xoáy tròn trên mặt sông như một chiếc cối xay khổng lồ. Khi lên bờ Đinh Bộ Lĩnh kể lại với mọi người, nơi thẳng vực nước xoáy, dưới lòng sông sâu thẳm ấy, có một ngăm đá lớn như miệng một con rồng, nước xoáy quanh mộtquanh một quả cầu lung linh bầy sắc ở giữa miệng rồng. Chuyện lạ đó đồn đại khắp nơi, nhưng ngoài Đinh Bộ Lĩnh ra không ai có thể để xem kỳ lạ hư thực như thế nào. Ít lâu sau có một người khách lạ đến ngồi trên bờ sông Đại Hoàng xem Bộ Lĩnh mò cá. Người khách gọi cậu lên bờ rồi hỏi: “Cậu lặn giỏi thế liệu có dám lặn vào vực soáy kia không? Sao lại không? Dòng sông này chỉ có bên dưới long đất đá là tôi không xuống được đó thôi, còn chỗ nào chẳng có dẫu tay tôi mò bắt ba ba! Bộ Lĩnh thản nhiên trả lời. Người khách lạ lại hỏi có vẻ thăm dò: thế dưới vực xoáy kia cậu có thấy gì lạ không? Bộ Lĩnh kể đúng như những điều đã thấy, lại còn bịa thêm nơi ấy cậu đang nuôi một đôi ba ba giống, chuyên sinh sản, để mình lấy ba ba con đem bán.

Người khách lạ lại thẽ thọt: Cậu hãy đặt giúp ta chiếc chĩnh sành này vào giữa miệng rồng, song việc ta sẽ thưởng cho 5 lạng vàng. Bộ Lĩnh tò mò hỏi trong chĩnh đựng gì thì người khách không nói. Vốn là người thông minh, Bộ Lĩnh nghĩ, chắc phải có gì hệ trọng nên ông khách mới cố giấu giếm mình, lại trả công hậu hĩnh như vậy. Cậu lặn xuống nhưng không đặt cái chĩnh đúng như lời dặn của người khách, mà để chiếc chĩnh qua ngoài miệng rồng, rồi bơi lên bờ lĩnh thưởng. Người khách tỏ ra cẩn thận và hào phóng : Thưởng cho cậu thêm một nén bạc nữa không được nói với ai chuyện này!

Bộ Lĩnh về nhà thuật lại với mẹ rồi tò mò hỏi mẹ. Lúc đó bà Đàm Thị đang bị bệnh nặng, chỉ nói : “người ta bảo có phúc mã táng hàm rồng, chẳng phát đế cũng phát vương” Bộ Lĩnh liền hỏi: “Thế mã bố con ở đâu?”. Vì đang mệt mỏi, bà Đàm Thị bỗng buột miệng trả lời cho qua chuyện “Mã bố đang bọc gác trên gác bếp ấy!”.

Bộ Lĩnh chẳng nói chẳng rằng, leo lên gác bếp, tìm thấy bộ xương bọc trong tấm da bám đầy bò hóng, gói lại cẩn thận, rồi lặn xuống sông, bỏ hài cốt của người khách đặt ra ngoài chĩnh, lấy gói da bọc xương rải thản cho vào

chính rồi đặt giữa miệng rồng. Bỗng sấm chớp nổi lên âm âm, nước sông sôi sục sục như người nấu. Chiếc hàm rồng ngậm chặt lấy bộ hài cốt rái thần. Cũng từ đó Bộ Lĩnh lớn nhanh như thổi, tính tình táo tợn, thông minh, lam lợi hơn người. Cậu tụ tập trẻ chăn trâu làng mình lại, kéo đi đánh trẻ trâu ở các làng khác, đến đâu chúng cũng đều sợ, phục, tôn lên làm trưởng. Đến năm 21 tuổi, Bộ Lĩnh phát cờ, tụ nghĩa chiêu mộ anh hùng, nghĩa sỹ bốn phương. Sau khi nhà hậu Ngô mất, Bộ Lĩnh xuất quân đánh dẹp các sứ quân cát cứ, thống nhất non sông về một mối, lên ngôi hoàng Đế. Đinh Tiên Hoàng lên ngôi được năm năm. Một hôm có một thầy địa lý người Tàu đến kinh đô Hoa Lư xin yết kiến vua Đinh.

Thầy địa lý Tàu nói: “Thần đã đi khắp nước Đại Cồ Việt, quả là đất này có nhiều long mạch quý, nhưng chỉ có long mạch ở cửa Đại Hoàng Giang là phát kết Đế Vương. Nhưng hiềm một nỗi, đại mạch này đang bị các tiểu mạch khác chi phối, lấn át, nên ngôi chủ đang chông chênh, không vững”. Theo lời phán của thầy đại lý người Tàu, “Muốn cho long mạch Đại Hoàng vẫn giữ được ngôi chủ soái, xin hoàng Đế cấm hai thanh gươm bạc hai bên đầu rồng, vừa giữ được vẻ uy nghi, lại vừa trấn trị được các long mạch khác lấn át”. Vua Đinh vì tin lời thầy địa lý người Tàu, bèn nhờ ông ta mua cho hai thanh gươm bằng bạc để trang hoàng hai bên đầu rồng. Chỉ mười hôm sau, thầy địa lý Tàu lại đến kinh đô Hoa Lư dâng cho vua Đinh hai thanh gươm bạc rất đẹp. Vua Đinh lấy làm hài lòng lắm, trọng thưởng cho người khách Tàu 10 nén vàng, 10 nén bạc rồi cho cấm thanh gươm đó vào hai bên đầu rồng như lời thầy đại lý chỉ dẫn.

Chỗ đầu rồng đặt hài cốt rái thần nước xoáy rất xiết, hai thanh gươm cứ bám theo làn nước xoáy, ngày này qua ngày khác cửa mãi vào đầu rồng, khiến đầu rồng bị đứt làm đôi. Nước sông Đại Hoàng đỏ ngầu như máu suốt ba tháng ròng. Khi vua Đinh biết rõ sự thật thì đã muộn. Cũng trong thời gian ấy, vua Đinh và Nam Việt Vương Đinh Liễn bị sát hại. Cơ nghiệp đế vương cũng mất từ đây.

Mọi chuyện xảy ra rồi, sau này người ta mới biết duyên là do chính thầy địa lý người Tàu ấy là người khách lạ trước đây đã thuê Bộ Lĩnh để mộ

bổ mình vào hàm rồng, nhưng bị Bộ Lĩnh đánh tráo, đặt hài cốt rái thần vào, nên ông ta nghĩ kế đặt thanh gươm kê đứt đầu rồng để báo thù. Hai thanh gươm ấy ông ta đã yểm bùa “đoản mệnh” để dâng vua Đinh. Khi triều đình nhà Đinh biết rõ mưu kế thâm độc của thầy phù thủy người Tàu, liền cho quân bủa vây, truy nã. Nhưng ông ta đã cải trang thành lái buôn, trốn chạy về phương Bắc. Triều đình và thần dân Đại Việt vô cùng căm hận hấn.

Sau này khi lập đền thờ vua Đinh ở Trường Yên, Hoa Lư người ta đã cho khắc bốn chữ đại tự ở trước cổng đền là “bắc môn toả thược”, nghĩa là (khóa chặt cửa Bắc) hàm ý nhắc nhở đời sau về bài học về cảnh giác vô cùng đau lòng của nhà Đinh. Đến nay bốn chữ đại tự đó vẫn còn ở trước cổng đền vua Đinh Tiên Hoàng ở Trường Yên, và câu truyện “mả táng hàm rồng” vẫn còn đến ngày nay.

Sông Hoàng Long – núi Bái Đính, không chỉ gắn với sự tích của vị vua nhà Đinh có công trong việc khai sáng ra nước Đại Cồ Việt. Trên mảnh đất cổ đô xưa mà còn gắn liền với nhiều nhân vật trong lịch sử trong các thời kỳ lịch sử khác nhau. Vào thời nhà Mạc, ông Bùi Văn Khuê (quê ở Chi Phong, Trường Yên, Hoa Lư) được phong tới chức Mỹ Quận Công. Sau khi ông bị Phan Ngạn giết hại, các con ông cầm quân theo về phò nhà Lê, ông được vua Lê truy phong là Nghĩa Quận Công, ông có 2 bà vợ. Bà cả sinh con trai đầu lòng là một tướng tài, được phong là Vân Quận Công. Bà vợ thứ hai là Nguyễn Thị Niên, con gái đại tướng quân Nguyễn Quyện cháu nội trạng nguyên Nguyễn Thiến (Canh Hoạch, Hoài Đức, Hà Nội), vốn có nhan sắc tuyệt trần. Vua Mạc đã lấy chị gái bà làm phi, lại muốn lấy cả bà, mặc dù chồng bà là Quận Công Bùi Văn Khuê, đang phò tá nhà Mạc chống lại nhà Lê. Đây cũng là nguyên nhân làm cho cha con họ Bùi bất mãn với nhà Mạc, về theo vua Lê. Bà Nguyễn thị Niên sinh hạ được ba người con trai đều làm tới chức Quận Công nay ở làng Sinh Dược vẫn còn có đền thờ con trai của bà. Lúc bấy giờ, Kế Quận Công Phan văn Ngạn lập mưu sát hại Bùi Văn Khuê để mưu ép bà về làm vợ. Sau khi trả thù cho chồng bà đã dẫn ba con trai của mình bỏ nhà Mạc về phò Lê sau đó bà đã gieo mình xuống sông Hoàng long. Vụ án “chém đầu Quận Kế để tế Quận Mỹ” cùng với cái chết thương tâm của

người đàn bà tài sắc vẹn toàn ở trên sông Hoàng Long đã làm chấn động dư luận vua quan của triều đình Lê- Trịnh và Mạc vào cuối thế kỷ XVI, còn dư âm trong dân gian đến bây giờ. Để tưởng nhớ và ghi công đức của gia đình ông nên năm cha con ông đã được phụ thờ ở đền vua Đinh Tiên Hoàng (Trường Yên, Hoa Lư), vì có công với nước, với dân và cũng có công tôn tạo đền thờ vua Đinh, vua Lê khang trang vào thế kỷ XVII.

Cũng vì có công phò tá nhà Lê Trung Hưng, nên vua Lê ban cả đai đất ven sông Hoàng Long một ở thôn Chi Phong (nay là Trường Yên, Hoa Lư), một thôn Chi Phong thuộc (Gia Trung, Gia Viễn). Đền thờ Mỹ Quận Công Nguyễn Thị Niên nay dân gian gọi là đền Vực Vông, lăng bà cũng gần đó, ngay trên đường vào khu núi Bái Đính, cách 2km, đền từ xưa nổi tiếng linh thiêng.

Thời kỳ chiến tranh Lê- Trịnh với Mạc, khu vực núi Bái Đính là vùng tranh chấp quyết liệt giữa hai tập đoàn phong kiến này. Nơi đây là đại bản doanh của Đại Tướng quân Nguyễn Quyện, một vị trí có tầm chiến lược vô cùng quan trọng của nhà Mạc để chặn đánh quân Lê - Trịnh từ Ái Châu tiến ra đồng bằng Bắc Bộ và kinh thành Thăng Long. Nơi đây cũng là nơi giáp chiến của Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê với quân Lê - Trịnh. Lúc bấy giờ khi đang đóng quân ở Thanh Hoá thì tương quan lực lượng nghiêng hẳn về nhà Lê, lại bị mất địa bàn chiến lược này suốt đến Tam Điệp, nhà Mạc yếu thế hẳn về quân sự. Và cũng từ đây quân Lê - Trịnh có thể ỷ dốc tiến như vũ bão về đồng bằng Bắc Bộ, bao vây chiếm lại Thăng Long làm chủ toàn bộ đất nước, đẩy nhà Mạc lên Cao Bằng và một số tỉnh biên giới phía Bắc. Xem như thế mới biết, một dải núi rừng hiểm trở suốt từ Cúc Phương, Bái Đính tới Tam Điệp, Thần Phù “Trời đất xây dựng, rất là hiểm yếu”, theo (Hoàng Lê nhất thống chí) có tầm quan trọng như thế nào trong công cuộc dựng nước và giữ nước của ông cha ta.

Sang đến thời nhà Lý thì nơi đây lại gắn với huyền thoại và công tích của người đã lập ra ngôi chùa Bái Đính trên đỉnh Bái Đính Sơn là thiền sư Nguyễn Minh Không, là người đã có công chữa bệnh cho muôn dân và vua Lý Thần Tông. Song song với chiều dài lịch sử của đất nước nơi đây là địa

đánh ghi lại những dấu tích của một thời kỳ vẻ vang của dân tộc Việt Nam nơi khai sinh ra vị anh hùng, vị vua của triều Đinh, cùng với các sự tích huyền thoại về ông thuở thiếu thời, cũng như các tướng lĩnh có công trong công cuộc xây dựng và bảo vệ dân tộc chống ngoại xâm, Núi Bái Đính cùng với dòng sông Hoàng Long đã kề vai vào nhau để hoàn thành những chiến tích lẫy lừng, nó đã đi vào lịch sử, tâm thức của người dân cố đô Hoa Lư, cùng với hai vòng cung núi Tây Bắc và Đông Bắc, Hoàng Long Giang đã tạo cho Bái Đính cổ tự một thế đất “tiền thủy hậu sơn”.

Qua thời gian dòng chảy của dòng sông Hoàng Long hôm nay không còn nguyên dáng vẻ như xưa. Đoạn sông chảy qua vùng núi Bái Đính giờ đây là một vùng nước cạn hiền hoà. Dòng sông vẫn âm thầm mang phù sa và nước ngọt, tô điểm màu xanh cho những vùng lân cận mà nó chảy qua, rồi mai đây chính nó sẽ là dòng sông cập bến trở du khách qua những con thuyền từ khắp nơi về viếng cảnh chùa. Nó gợi nhớ về một thời đã xa, cũng trên dòng sông này nhân dân đã tiễn đoàn thuyền của vua Lý Thái Tổ trên đường kinh lý dời đô về Thăng Long.

3.2.1.2. Giá trị văn hoá

Đề cập đến vấn đề này là bao gồm tất cả những yếu tố văn hoá từ xưa cũng như hiện tại bởi yếu tố này là vô cùng. Tính văn hoá thể hiện ở lễ hội, không gian điển xưng của các vị vua, tướng lĩnh đều tập trung ở đây cho thấy đó là nét văn hoá có từ rất lâu của người Việt. Từ khi hình thành đến khi mất đi từ những nét văn hoá đó vẫn được lưu truyền từ đời này sang đời khác, vừa là lưu giữ, bảo tồn, vừa có tinh thần giáo dục thế hệ trẻ.

Khi nói về ngọn núi Bái Lĩnh, đã có không ít người đã tưởng nhầm tên núi Bái Đính với tên Bái Lĩnh là một. Theo sách “Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện” của Nguyễn tử Mẫn và Đại Nam nhất thống chí - bộ địa lý lịch sử đồ sộ của nhà Nguyễn gọi là núi Bái Lĩnh và chép là “Núi Bái Lĩnh phía Tây huyện Gia Viễn, ở các địa phận xã phúc Lai, Sinh Dược, Mộc Hoàn, Xuân Trì, Lê Xá, Khoáng Trang (thuộc Phụng Hoá, Gia Viễn), một dải núi đất liền kề với sơn phận Chi Phong và Trường Yên bên cạnh. Đỉnh núi có đền thần Cao Sơn” (Hán - Việt từ điển, NXB Văn hoá – thông tin, Hà Nội, 2002, tr 209). Như vậy Bái Lĩnh không phải danh từ chỉ một tên núi cụ thể mà chỉ cả

quần thể núi, đồi trong một vùng rộng lớn của Gia Viễn và Phụng Hoá xưa. Theo các địa danh ghi trong sách “Đại Nam nhất thống chí” thì nay bao gồm các xã Sơn Lai, Sơn Thành, Sơn Hà, (Huyện Nho Quan), Gia Minh, Gia Phong, Gia Sinh, Gia Lạc (huyện Gia Viễn). Núi Bái Đính chỉ trong quần thể Bái Lĩnh Sơn mà thôi. Như vậy có thể hiểu Bái Lĩnh sơn là vùng núi có diển xứng lễ bái, hoặc nơi đây đã từng diển ra phong hầu bái tướng, vì con đường từ đây ra đường lớn rất thuận tiện (đường thượng đạo đi từ phủ Trường Yên lên Phủ Thiên Quan xưa để vào các tỉnh miền trong hoặc lên mạn Hoà Bình, Tây Bắc, nên có rất thích hợp cho các buổi diển xứng tế lễ .

Vào thời Vua Hùng thứ 18 –Hùng Duệ Vương, đến nghỉ quân tây Sơn tập kết ở nơi đây, tế cờ, tế kiếm, đức vua phong thưởng ba quân tướng sỹ trên vùng đồi này. Như vậy từ xa xưa Bái Đính là nơi diển xứng lễ bái lớn trên đỉnh núi. Theo truyền thuyết khi vua Đinh Tiên Hoàng dẹp song 12 sứ quân Cát Cự, đức vua đã cho lập đàn tràng để làm lễ phong hầu bái tướng, phong chức tước cho các bá quan văn võ. Ngài đã cho xây dựng hành cung ở vùng núi Sơn Lai cách núi Bái Đính khoảng 4 -5 km .

Dân gian truyền rằng muốn lên được chùa Thạch Am trên đỉnh núi Bái Đính để lễ phật, phải qua “ba bái”: Qua làng Bái thứ nhất (Sơn Thành, Nho Quan), làng Bái thứ hai (Sơn Lai, Nho Quan), và qua eo đồi Ba rau lên Bái Đính sơn là ba Bái. Gần Bái Đính xưa có phường Bái Ân (Sơn Thành, Nho Quan). Như vậy vùng này từ xa xưa đã từng là không gian lễ Bái, Bái Đính vừa là đỉnh cao của diển xứng tín ngưỡng lễ bái của một vùng giáp ranh 3 tỉnh Ninh Bình –Thanh Hoá–Hoà Bình. Ngày nay nơi đây thu hút khách cả nước và quốc tế về thăm quan lễ Phật, lễ Thánh, lễ Tiên cầu phúc cả năm . Hàng năm cứ vào ngày mùng 6 tháng giêng là khai hội chùa Bái Đính cho đến hết mùa xuân. Trước ngày mở hội, trong thời gian đón tết, tất cả các động, chùa trên núi Bái Đính đều khói hương nghi ngút, cờ hội được treo lên khiến không khí lễ hội bao trùm cả vùng quê chiêm trũng. Về phần lễ ở chùa Bái Đính diển ra tương đối trang trọng vì ở đây không chỉ thờ các vị sơn thần, phật tổ, bà chúa thượng ngàn mà còn gắn với nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc với các danh nhân đức Thánh Nguyễn, Đinh Bộ Lĩnh. Phần lễ ở chùa Bái Đính gồm tổng hòa toàn thể hệ thống tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam, có sự sùng bái tự nhiên, có Đạo, có Phật và có cả Nho...

Vào những ngày mở hội du khách từ khắp mọi nơi đến để tham gia ngày lễ lớn trọng đại này. Trong chùa mọi ngõ ngách nơi nào có tượng Phật là nơi đó toả khói hương nghi ngút. Lễ hội được diễn ra rất long trọng, các đồ tế lễ, mâm quả được bày biện kỹ lưỡng, lễ vật được xếp thành hàng được mang lên chùa tế lễ. Du khách đến lễ hội chùa Bái Đính còn có thể leo núi thăm hang, với đông đảo mọi người tham gia và hưởng ứng. Cuộc hành hương ấy tạo ra trong con người tâm lý kỳ vọng, sự thanh thản trong tâm hồn và đức hướng thiện. Các hoạt động hội diễn ra sôi động với đấu vật, ném còn, đánh bài, kéo co, các trò chơi dân gian ngày tết...Ấy là sự lặp lại kỳ thú của diễn xướng tế bái hàng năm trước hình thức sôi động của hoạt động tâm linh trên dải đất này.

Tín ngưỡng văn hoá kết hợp với không gian tâm linh là một trong những nét tiêu biểu nhất của các ngôi chùa Việt, tiêu biểu hơn cả là ở chùa Bái Đính nó đã thể hiện cho mình cái riêng rất cụ thể. Bản thân Nguyễn Minh Không, một nhân vật địa phương được thần thánh hoá có những phép thuật phi thường thể hiện theo tín ngưỡng Đạo giáo, thường được dân gian gọi là ông khổng lồ, rồi đi thỉnh kinh tu Phật, cho thấy đây là biểu tượng cao nhất của sự dung nhập và hào đồng các tín ngưỡng Phật và Lão.

Xét về không gian tâm linh thì Bái Đính cổ tự là biểu tượng cao nhất, tập trung và rực rỡ nhất của sự dung nhập của tôn giáo và tín ngưỡng của nhân dân trong vùng gần một ngàn năm nay. Ngoài tín ngưỡng thờ Phật thì ở chùa Bái Đính là sự dung hoà các tín ngưỡng thờ tiên - Thần trong không gian ngôi chùa.

Đạo thờ Tiên gắn liền với liễu Mẫu, theo Vân Cát Thần nữ của Đoàn Thị Điểm (Thiên Hương, Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định) có một gia đình ông Lê Thái Công ham làm điều phúc. Khoảng năm Thiên Hựu (Lê Anh Tông – 1557), bà vợ đã có thai quá nửa kỳ sinh nở, tự nhiên mắc bệnh nặng. Vào một đêm Trung thu, mặt trăng trong sáng có một người khăn áo mũ chỉnh tề, trong tay cầm một cái búa ngọc nói có phép làm cho bà nhanh chóng sinh nở. Thái Công liền mời vào nhà, đó là đạo nhân. Đạo nhân xoắn tóc, lên đàn, miệng đọc thần chú, tay ném búa ngọc xuống đất, Thái Công liền ngã bất tỉnh nhân sự, trong cơn mơ Thái Công thấy có người dắt lên trời đúng vào ngày hội của Thiên Cung. Một Tiên nữ mặc áo hồng, tay nâng chén ngọc dâng rượu cho

Ngọc Hoàng. Chẳng may tiên nữ lỡ tay đánh rơi chén ngọc, Ngọc Hoàng nổi giận xuống trần gian. Thái Công hỏi người lực sỹ đứng cạnh mình: người con gái đó là ai? Duyên có thể nào? Người lực sỹ trả lời đó là đệ nhị Tiên Chúa Quỳnh Nương vừa bị Ngọc Hoàng giáng đày xuống trần. Rồi Thái Công thấy mình đã về đến nhà, bỗng nghe thấy tiếng trẻ khóc, chột tỉnh. Vợ ông đã sinh hạ một cô con gái, Thái Công đặt tên con gái là Giáng Tiên, Giáng Tiên chăm học lễ, Nhạc, Thi, Thư.

Ngay ở thôn Vân Cát có gia đình họ Trần, Lê Thái Công cho con gái sang nhận Trần Công làm nghĩa phụ và làm một cái lầu trong vườn Trần Công cho con gái ở. Một hôm Trần Công đang bách bộ trong vườn, bỗng thấy một cậu bé khôi ngô tuấn tú ngồi ở gốc cây bích đào, đem về nuôi đặt tên là Đào Lang. Lớn lên thấy Giáng Tiên xinh đẹp nét na, tư chất khác thường, Đào Lang bèn xin lấy làm vợ. Năm ấy Giáng Tiên vừa tròn 18 tuổi hai nhà thuận long. Năm sau vợ chồng Đào Lang sinh được một con trai, năm sau nữa sinh được một cô con gái.

Ngày 3 –3 Giáng Tiên không bệnh mà mất xuân xanh mới 21 tuổi đời. Giáng Tiên phải về trời vì đã hết hạn đi đày. Trần duyên dang dở, tư tình vẫn vương nên nàng vô cùng buồn bã. Quân tiên thấy vậy rất ái ngại, tâu lên Thượng Đế. Thượng Đế thương con phong làm Liễu Hạnh Công Chúa, lại cho giáng xuống trần gian. Ngày Công chúa trở lại trần thế đúng vào ngày kỵ thứ 2 của mình. Cả nhà đang khóc lóc Công chúa bỗng hiện ra và nói: “Con là người bất hiếu làm liên lụy đến cha mẹ. Không phải con không muốn hầu cha mẹ, nhưng vì cơ trời không biết, số đã định. Xin ba mẹ nén long thương xót...Con ở Tiên cung, vì có lỗi, bị trích xuống trần gian. Nay từ biệt kiếp trần lại đến hầu nơi đế đình...” nói vừa dứt lời, tiên chúa liền biến mất.

Một lần tiên chúa hiện về gặp Đào Lang. Vợ chồng than vãn về cảnh cô đơn và hẹn vài chục năm nữa lại gặp nhau. Năm tháng trôi đi tiên chúa đi ngao du thiên hạ ở khắp mọi nơi, khi vào đến làng Sóc (Nghệ An) gặp lại Đào Lang (đã ở kiếp khác). Sau một năm sinh hạ được một con trai. Chồng thi đỗ làm quan, Tiên Chúa lại mãn hạn trần gian nên phải về trời. Sau 5 năm ở Tiên cung, Tiên Chúa lại xin xuống trần gian, sau này Tiên Chúa là người có công giúp triều đình đánh giặc nên triều đình cho sửa sang lại đền miếu, sắc phong là Mã Hoàng Công Chúa, lại gia tặng “Chế Thắng Hoà Diệu Đại Vương”. Từ

đây mẫu Liễu trở thành bậc siêu trần, luôn ban ân đức chomọi người, nên được nhân dân tôn làm Thánh Mẫu. Nhà Nguyễn gia phong “Mẫu Nghi Thiên Hạ” (Đức mẹ của muôn dân. Đến nay, mộ của Tiên Chúa vẫn còn ở xứ cây Đa (Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định) .Có thể nói rằng, Mẫu Liễu là hiện thân của văn hoá mẹ -văn hoá gốc Việt Nam.

Theo như nghiên cứu thì tại chùa Bái Đính thì với hệ thống thờ tam toà Thánh Mẫu ở đây không phải ba ngôi Mẫu Thiên - Địa -Thủy, hoặc mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Mẫu Liễu Hạnh như làm tưởng của một số người mà là: “Không không sắc sắc Tiên- Thân- Phật; Hoá hoá sinh sinh nhất nhị tam” như một bài châu ở đây. Bài châu này nói về Liễu Mẫu Hạnh Công chúa-con gái nhà trời “tam sinh, tam hoá”. Ba lần xuống trần gian ba lần được sắc phong: Mã Hoàng Công chúa, Chế Thắng Hoà Diệu Đại Vương, Mẫu Nghi Thiên Hạ. Ba tên chính: Đệ nhị Tiên chúa Quỳnh nương, Giáng Tiên, Liễu Hạnh Công chúa. Tiên Chúa mang theo Quế Nương, Thị Nương nên thành ba ngôi. Như vậy, Tam toà chỉ khái niệm “ba ngôi” trừu tượng như: Phật Tam thế, Tam bảo, đạo Tam phủ, để diễn tả cái cụ thể là Mẫu nghi thiên hạ- vừa là Thánh, vừa là Nhân.

Tín ngưỡng thờ Thần ở đây gắn với thần Cao Sơn. Nguồn gốc thờ thần Cao Sơn xuất phát từ tín ngưỡng xa xưa trong dân gian là thờ Thần Núi. Tín ngưỡng này không chỉ của người Việt mà nhiều dân tộc trên thế giới đều có như núi ngũ nhạc ở Trung Quốc, núi Ôlimpơ ở Hy Lạp, nhưng có khác là, người Việt quan niệm thần núi là vị thần cụ thể, hiện hữu, thần cũng là con người trần tục như mọi con người. Chính vì thế mà thần Thánh Cao Sơn được ghép cho một lý lịch cực kỳ phức tạp. Khắp nơi trên đất nước ta, chỗ nào có núi là hầu như có thờ Thần /Thánh Cao Sơn. Thậm chí ngay giữa lòng thủ đô Hà Nội cũng có đền thờ thánh Cao Sơn. Vì thế Thần /Thánh Cao Sơn là một hiện tượng chứng minh đạo thánh của người Việt. Theo các nhà nghiên cứu văn hoá, Thần Thánh Cao Sơn đã được xem là các vị sau đây:

Cao Sơn là con của Lạc Long Quân (Hùng Vương).

Cao Sơn là Tản Viên (Sự tích sơn Tinh, Thủy Tinh).

Cao Sơn là anh em với Tản Viên (Cao Sơn- Quý Minh).

Cao Sơn là thánh Đuôm (Bắc Giang).

Cao Sơn là đức Thánh Cưu (Thanh Hoá).

Cao Sơn còn có tên là Cao Hiến (vốn là người Trung Quốc sang trấn ở Nghệ An, thờ ở núi bộc, Lương Sơn, Thanh Hoá, hiển ứng giúp Lê Lợi đánh giặc Minh).

Cao Sơn là một thần y (Chí Linh, Hải Dương).

Theo sách Đại Nam nhất thống chí và “Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện” đều chép: “Núi Bái Lĩnh...liền bên với sơn phận núi Chi Phong - Trường Yên, trên đỉnh núi có đền thờ thần Cao Sơn là Tản Viên (sự tích Sơn Tinh, Thủy Tinh), con rể vua Hùng Duệ Vương, đây là vị thần được chép trong Đại Việt sử ký toàn thư, Việt điện u linh với các câu chuyện thần kỳ “Chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh”. Ngài là vị thánh đã trở thành tứ bất tử trong tâm thức của người dân đất Việt. Điều này cũng phù hợp với ước mơ chế ngự và chiến thắng lụt lội dữ dội của nhân dân Ninh Bình vùng “rốn nước” của sông nước Hoàng Long từ ngàn xưa.

Song cũng nên hiểu là Thần Cao Sơn được thờ ở đây cũng là biểu tượng Thần Núi Cao oai linh của cả vùng Bái Lĩnh sơn, núi đồi bao la trùng điệp. Mặt khác, xem Thần tích Quý Minh Đại Vương do Nguyễn Bính soạn lưu ở đền thờ Thần Cao Sơn (Lỗi Sơn, Gia Phong, Gia Viễn) và đền Trung (Sinh Dược, Gia Sinh, Gia Viễn), thì Cao Sơn Quý Minh là em ruột của Tản Viên Sơn Thánh, đã về lập doanh ở vùng này để chống nhau với Thục Phán và sau khi Thục Phán chiếm được Văn Lang Âu Lạc của Hùng Vương thứ 18. Như vậy thần Cao Sơn trên húi Bái Đính là Tản Viên Sơn thánh. Pho tượng của ngài ở động thờ thần Cao Sơn với dáng vẻ uy nghiêm, uy phong, hai tay cầm lệnh bài vua ban, được dân gian trong vùng truyền đó là lệnh bài của vua Hùng Duệ Vương ban cho Ngài cầm quân về vùng Bái Lĩnh sơn để lập phòng tuyến chống lại Thục Vương. Đó chính là biểu tượng tâm linh về một vị thánh bất tử đầy quyền năng phù hộ cho nhân dân trong vùng chiến thắng kẻ thù, để có một cuộc sông ấm no hạnh phúc.

Sự kết hợp các giá trị tín ngưỡng trong không gian ngôi chùa Bái Đính cho thấy nó đã đạt đến đỉnh cao trong tín ngưỡng tâm linh của người Việt đáp ứng được các yếu tố đời sống của con người với cõi linh, vừa thờ cúng tổ tiên vừa thờ các vị thánh thần vừa thờ phật, nhằm giải tỏa tâm lý của người dân Việt tìm đến với không gian tâm linh để chông chờ mong mỏi vào những điều tốt lành, nhưng không quá xem vấn đề lễ bái là mê tín dị đoan chỉ có một số ít

các phần tử lợi dụng nó để làm những việc không đúng như thế mới đáng lên án và phê phán, còn người Việt đi lễ đi chùa đây là một nét văn hoá mang tính bản sắc không có gì là lạ cả. Đã đến lúc người ta nên nhận thức rằng, “đời sống tâm linh là nền tảng vững chắc nhất của mối quan hệ cộng đồng làng xã và rộng lớn hơn là của cả đất nước”. Song song với nét văn hoá tín ngưỡng đa thần của ngôi chùa Bái Đính cổ là ngôi chùa Bái Đính mới nguy nga hoành tráng nhưng về mặt không gian tâm linh nó lại được đánh giá theo một góc độ mới phù hợp với phong thái của ngôi chùa.

Chùa Bái Đính mới lại được coi là trung tâm của Phật giáo lớn của Việt Nam. cõi thiêng Bái Đính được hun đúc từ ngàn năm, nay gặp buổi “thiên duyên kỳ ngộ”, cõi linh được thăng hoa, phát tích tạo nên sự đẳng đối, hoàn thiện, ba trung tâm tâm linh lớn của ba dòng đạo từ thế kỷ XVI – nhà Trần cho đến nay là: trung tâm Đạo giáo thời nhà Trần – Thái Vi, trung tâm Thiên Chúa Giáo - Phát Diệm thế kỷ XIX, trung tâm Phật giáo – Bái Đính đầu thế kỷ XXI trên vùng đất cố đô Hoa Lư lịch sử.

Đây là sự tiếp nối vừa phát triển đến đỉnh cao của những biểu tượng tâm linh dân tộc trong vùng. Không những thế nó còn là biểu tượng rực rỡ của văn hoá tâm linh trong thời mở cửa và hội nhập. Đại lễ ngọc xá li được coi là sự kiện văn hoá tâm linh lớn của Chùa Bái Đính. "Xá li" là phiên âm của từ "sarira" trong tiếng Phạn, nghĩa đen là “những hạt cứng”. Theo ghi chép trong lịch sử Phật giáo, khi Phật tổ Thích Ca Mâu Ni viên tịch, các tín đồ đã đem thi hài đi hỏa táng. Sau khi lửa tàn, họ phát hiện trong tro có rất nhiều tinh thể trong suốt, hình dạng và kích thước khác nhau, cứng như thép, lóng lánh và tỏa ra những tia sáng muôn màu, giống như những viên ngọc quý. Họ đếm được cả thảy 84.000 viên, đựng đầy trong 8 hộc và 4 đấu. Nó được đặt tên là xá li, là bảo vật của Phật giáo.

Những năm gần đây, lịch sử Phật giáo và giới khoa học đã ghi lại khá nhiều trường hợp các vị cao tăng sau khi viên tịch, hỏa thiêu đã để lại xá li. Tháng 12/1990, Hoàng Huyền pháp sư ở Singapore viên tịch, sau khi thi thể được hỏa thiêu, người ta phát hiện thấy trong phần tro của ngài có 480 hạt cứng, loại cỡ như hạt đỗ tương, loại nhỏ bằng hạt gạo, trông gần như trong suốt và tỏa sáng lấp lánh như kim cương. Sau khi phân tích, các nhà nghiên cứu đã xác định rằng đó chính là xá li.

Theo ghi chép thì nguồn gốc của xá lợi ra đời cùng với đức Phật Thích. Nơi đản sanh của Ngài hiện được xem là một trong 4 đất nước cổ có nền văn minh lớn nhất thế giới, Ấn Độ. Phật Đà không chỉ ra đời nơi nhân gian, lớn lên tại nhân gian mà thành Phật cũng tại nhân gian. Ngài thành đạo vào năm 29 tuổi, hoằng hóa chúng sanh tại nhân gian 49 năm, vào năm 80 tuổi, Ngài thị hiện Niết Bàn tại rừng Sa La dưới hai cây Sa La đại thọ. Sau khi Đức Phật nhập diệt, các đệ tử dùng các loại hương làm lễ Trà Tỳ di thể của Phật Tổ, trong đồng tro tàn, thật ngạc nhiên đã phát hiện một đốt xương tay của Phật, bốn chiếc răng, một mảnh xương đầu cho đến vài sợi tóc. Trong những di vật chân thân của Phật còn xuất hiện nhiều hạt kết tinh li ti lấp lánh như trân châu. Nhìn kĩ, màu trắng là chất xương, màu đen là chất tóc, màu hồng là chất thịt, tổng cộng có đến tám vạn bốn ngàn hạt. Trước những thánh vật kì dị ấy, chúng đệ tử cúi đầu chấp tay, đều xem như là những chứng tích do đạo hạnh cao thâm của Phật cảm nên, đồng thời với lòng sùng kính cực độ bèn xem những hạt xương tàn kì dị này và những di vật còn lại tôn xưng là Xá Lợi. Theo phong tục mai táng và hỏa táng của Ấn Độ thì Xá lợi được phân làm hai loại khác nhau, Xá Lợi toàn thân và Xá Lợi mảnh vụn. Di thể mai táng gọi là Xá Lợi toàn thân, di cốt còn lại sau khi hỏa táng gọi là Xá Lợi mảnh vụn, mà theo Phật giáo cho rằng, chỉ có những vị kiên thành phụng Phật, và những bậc ngộ đạo mới có thể tự nhiên sau khi chết kết tinh Xá Lợi, không phải là ai cũng có. Cho nên, Xá Lợi được xem như hàm nghĩa thần thánh cao thượng khó bì, đóng vị trí chí cao vô thượng. Nét Văn hoá tâm linh của thế giới Phật pháp đã có nơi để ngự trị vững vàng, như thổi luồng văn hoá mới trên mảnh đất Ninh Bình, hẳn ông cha sẽ phải tự hào lắm về những gì mà con cháu của thế hệ trẻ đã góp phần làm nên kỳ tích vĩ đại này.

Ngày nay đến với Bái Đính du khách không những được tìm hiểu các giá trị văn hoá lịch sử... của ngôi chùa cổ, mà còn được chiêm ngưỡng sự hoành tráng của ngôi chùa mới. Được thưởng thức hương vị của các món ăn truyền thống dân giã các món ăn chay của người Việt. Cụm nhà hàng chùa Bái Đính, trong đó là nhà hàng “Vạn Tâm Chay” (Vạn tâm long) với sự phong phú về các món ăn cũng như hương vị đặc biệt, mang đến cho du khách sự hài lòng nhất. Đến với Vạn Tâm Chay, thực khách không chỉ bị hấp dẫn bởi hương vị thơm ngon trong từng món ăn, mà còn cảm nhận được sự bài trí

tương tất của không gian nhà hàng. Trên mỗi chiếc bàn dành cho khách ngồi được trang trí bằng chiếc khăn vuông có in chữ “Vạn Tâm Chay - Vạn Tâm Lòng”, đặt trên mỗi chiếc khăn phủ bàn màu trắng sạch sẽ, trên cùng là một tấm kính luôn được lau sạch sáng bóng. Du khách có thể vào bên trong khuôn viên của nhà hàng để nghỉ ngơi trên những bộ trường kỷ chạm khắc đẹp mắt trước khi thưởng thức cơm chay, ngay cạnh bên là trung tâm quà lưu niệm, dù mới thành lập nhưng lộc tài đã đáp ứng được nhu cầu mua sắm hàng lưu niệm của Phật tử và khách thập phương lưu lại thăm chùa. Sự phong phú của loại văn hoá phẩm lưu niệm ở đây tượng Phật Di Lặc.... được trạm khắc tinh xảo bằng gỗ và đá, ngoài những món quà lưu niệm ở đây còn có các sản phẩm như các ấn phẩm sách về Phật giáo.

Đó chẳng phải là nét văn hoá có thể nói là văn hoá trong du lịch, trong kinh doanh du lịch đi chăng nữa thì nó vẫn là nét văn hoá của người Việt. Đến với cảnh chùa mà được thưởng thức những món ăn dân dã, để cho lòng thanh thản đúng như đang ngồi trước Phật, được mang về một món quà lưu niệm cho mình hay những người thân thì còn gì bằng. Đó là sự kết hợp giữa cái mới và cái cũ tạo nên một bản sắc văn hoá riêng .

Gia trị văn hoá tiêu biểu được tìm thấy mà người xưa đã để lại dấu tích cho thế hệ tương lai giống như một thỏi của hội môn cần lưu giữ và bảo tồn. Theo các tài liệu khảo cổ được công bố gần đây thì vùng Bái Lĩnh xưa kia vốn là địa bàn cư trú của người Việt Cổ. Tại núi Thung Bình (nay xóm 7, xã Gia Sinh), có 5 hang đá, mỗi hang diện tích từ 50- 70 m², cửa hang cao từ 7- 9 m so với mặt ruộng. Trên nền hang xuất lộ tầng văn hoá khảo cổ gồm vỏ nhuyễn thể nước ngọt (ốc núi, ốc suối, trùng trục...), vỏ nhuyễn thể nước mặn (ốc bù giác, sò huyết, ngao dầu....) cùng xương thú và công cụ được chế tác từ đá cuội. Đây là những di tích thời đá cũ, cách đây trên dưới một vạn năm. Cách núi Thung Bình về phía Đông Nam khoảng 3 km là thung Ui, nơi có hang Bụt, đã phát hiện di chỉ khảo cổ học thời Văn hoá Hoà Bình. Những di vật là vỏ nhuyễn thể biển cho thấy, cư dân văn hoá Hoà Bình ở đây đã tiếp xúc và khai thác nguồn thức ăn biển (biển lúc đó còn sóng vỗ ở vùng Trường Yên, Hoa Lư cách khoảng 3 – 4 km. Điều đáng chú ý là lớp trên của tầng văn hoá khảo cổ còn xuất lộ một số mảnh gốm thuộc thời đại kim khí cách ngày nay từ 3000 đến 4000 năm.

Như vậy cho đến nay, chúng ta đã có đủ bằng chứng về người Việt cổ từ rừng nguyên sinh Cúc Phương đến núi Bái Đính và gần đây là một số hang động Tràng An, Ninh Mỹ (Hoa Lư), mà vùng Bái Đính – Tràng An là gạch nối của cuộc tiến ra đồng bằng ven biển của người Việt cổ trên đất Ninh Bình.

3.2.2. Đánh giá về các công trình kiến trúc.

Quần thể khu chùa Bái Đính là một công trình kiến trúc độc đáo mới lạ bởi vừa mang phong cách cổ điển kết hợp với yếu tố hiện đại.

Nhìn bên này của khu chùa cổ Bái Đính, không gian bày biện của các gian thờ chủ yếu dựa vào yếu tố tự nhiên, như các hang động mà thiên nhiên đã ban tặng, lợi dụng lợi thế để tạo ra những gian thờ vừa thể hiện sự uy nghiêm của Phật lại vừa có cảnh trí hài hoà. chỉ riêng có ngôi đền thờ thần Cao Sơn mới được xây dựng theo dáng lộ thiên ở bên sườn núi giống như các ngôi chùa miền Bắc xưa, với kết cấu chữ “Đình” tiền bái ba gian, hậu cung hai gian dọc, kiểu chông giường được xây dựng bằng gỗ tứ thiết, dựng trên 12 cột gỗ dưới kê bằng bệ đá. không gian tưởng như chẳng có gì hấp dẫn, nhưng nhờ lối kiến trúc dựa vào yếu tố thiên nhiên là chủ yếu người thiết kế chỉ cần tạc đẽo sửa sang thêm đôi chút đã tạo cho không gian của chùa cổ vừa hư, vừa thực, kỳ kỳ ảo ảo, lung linh huyền diệu.

Bên này là khu chùa Bái Đính mới xây, đây là công trình kiến trúc đồ sộ hoành tráng của lối phong cách hiện đại nhưng vẫn mang đậm nét Đông Nam Á, nên đã thu hút được sự hiếu kỳ của du khách từ khắp mọi nơi.

Đánh giá về công trình kiến trúc này thì đây có thể nói là công trình có một không hai trong lịch sử của Việt Nam. Từ trên nền một ngôi chùa cổ người ta đã tái hiện lại không gian tâm linh bằng một ngôi chùa mới, nhưng vẫn mang dấu ấn của phong cách chùa cổ của đồng bằng Bắc Bộ xưa. Với quy mô kiến trúc điện Phật đồ sộ lộng lẫy, hoành tráng cùng với những pho tượng bằng đồng bằng đá, những Hồng Chung vĩ đại...mãi là những tác phẩm nghệ thuật vô giá về kiến trúc điêu khắc đúc đồng và chế tác đá mỹ nghệ tuyệt vời cho hôm nay và muôn thế con cháu. Nhìn tổng thể kiến trúc của ngôi chùa là kiểu “nội công ngoại quốc” xây dựng theo độ dốc của sườn đồi từ dưới chân lên theo trục thần đạo. Hai hàng La Hán được bao quanh từng công trình giống như hình tượng của ngọn tháp (mang ý nghĩa vươn lên của đức Phật). Nhìn chung các công trình Điện Phật đều xây dựng trên phong cách chùa cổ

của làng quê Việt Nam, nhà 4 mái, 2 đến 3 tầng mái, các góc đao đều uốn quanh đôi phương, nhưng quy mô của nó thì lớn hơn gấp nhiều lần các công trình kiến trúc cổ.

Bước vào ngay công Tam Quan đã gây cho du khách sự bất ngờ vì quy mô kiến trúc của nó, tiếp đến là các công trình gác chuông, điện Quan Thế Âm, điện Pháp Chủ, điện Tam Thế. Hết sự bất ngờ này đến bất ngờ khác làm cho du khách như đang lạc vào thế giới của Phật mà không tìm được đường ra. Mỗi một công trình là một tác phẩm nghệ thuật, để hoàn tất được công trình này người ta đã phải tốn một lượng gỗ, sắt thép bê tông lên đến con số khổng lồ chỉ tính riêng tam quan là 500 tấn gỗ tròn, điện Quan Thế Âm 900 khối gỗ tròn, hoành phi và sập thờ ở trong điện thờ Pháp Chủ (19+10) m³ gỗ vàng tâm. Đây chỉ là liệt kê những con số tiêu biểu, chưa kể đến các chi tiết khác, số lượng đồng dùng để hoàn thiện các tác phẩm nghệ thuật: hai chuông đồng (28+36) tấn, tượng Thích Ca 100 tấn, tượng Phật Bà Quan Âm 70 tấn, tượng Tam Thế mỗi pho nặng 50 tấn, bộ tượng Bát vị Kim Cương mỗi pho nặng 8 tấn, ngoài ra còn có các đồ tế tự khác, đôi hạc bằng đồng....Phải sử dụng hết một khối lượng nguyên vật liệu lớn và khổng lồ như thế thì chưa được tận mắt chứng kiến cũng thấy được mức độ hoành tráng của nó.

Chỉ riêng ở điện Tam Quan, điện Tam Thế người ta sử dụng nguyên bằng vật liệu gỗ còn các công trình khác như gác chuông, điện Pháp Chủ, điện Tam Thế người ta kết hợp với phong cách hiện đại là sự kết hợp giữa các vật liệu để xây dựng là bê tông cốt thép với gỗ để làm thành kết cấu giả gỗ mà nhìn bề ngoài không thể phát hiện được có sự pha trộn vật liệu, vừa tạo được nét về thẩm mỹ vừa chống đỡ được sức nặng của công trình cũng như giảm được chi phí tốn kém.

Tạo ấn tượng nhất là công trình điện Tam Thế là điện Phật lớn nhất Việt Nam hiện nay với chiều cao lớn tới 34 m, dài 59.1 m, rộng 40.55 m, diện tích lòng điện lên tới 2.361 m², tường điện được xây bằng gạch không trát, phía trong tạo thành 1.808 ô nhỏ để đặt các pho tượng nhỏ bằng đồng. Trong gian điện là ba pho tượng Tam Thế. Sân trước đặt 9 pho tượng Đức Phật sơ sinh...

Không những đồ sộ hoành tráng ở những công trình kiến trúc mà nó còn ở nghệ thuật điêu khắc của các nghệ nhân, những pho tượng đồng vừa có khối lượng khổng lồ mà được tạc khắc tinh xảo. Bằng những bàn tay tài hoa người

nghệ nhân đã làm sống dậy một thế giới Phật. Tượng phật ở đây được lấy theo nguyên mẫu của phật Ấn Độ, tượng Phật tóc xoắn bện ốc, phần nhô lên của phật là phần tóc sau mỗi pho tượng là những lá đê bằng đồng to được xếp chồng lên nhau thành 2 lớp, những pho tượng đều được tạo thế ngồi để bớt tiêu hao năng lượng (ngoài bộ tượng bát bộ kim Cương và tượng hộ pháp là đứng). Các pho tượng này đều thể hiện được tính cân đối, cân đối từ hình thể bên ngoài đến tâm hồn, tạo cho chúng sinh có thể hoàn toàn tin vào cõi Phật.

Nét đặc sắc tiêu biểu là tất cả những pho tượng của chùa Bái Đính không sử dụng vật liệu bằng gỗ mít như một số ngôi chùa cổ mà được thay thế bằng đồng nguyên khối được mạ vàng tạo cho pho tượng đẹp lung linh huyền ảo. Từ những đồ tế tự bằng đồng và những tác phẩm điêu khắc bằng đá đều mang đậm phong cách điêu khắc của thời Lý bởi sự uyển chuyển mềm mại đường nét tinh xảo như đôi Hạc đặt trong điện thờ Pháp Chủ, hay đôi sư tử đá trước cổng tam quan... Những bức hoành phi, câu đối, cửa võng với kích thước chưa từng có. Bức hoành với hai chiều 9m x 3,2m nặng khoảng 9 tấn đang được những người thợ tài hoa nhất Cát Đằng trạm trổ, sơn son thếp vàng. Theo lời tâm sự của những nghệ nhân ở đây “Chúng tôi từng tu bổ bức hoành phi lớn nhất Việt Nam ở Cẩm Giang (Tứ Sơn, Bắc Ninh) mà chỉ có kích thước 4,5m * 0,9m. Chưa bằng một nửa đơn hàng này”, đã phần nào thấy được quy mô đồ sộ của nó. Dự kiến có 3 tổ thợ mỗi tổ 100 người làm liên tục trong 5 tháng mới hoàn thành được khối lượng cửa võng, hoành phi cho điện Tam thế.

Ở các hành lang La Hán là 500 pho tượng bằng đá, mỗi pho tượng là thể hiện một tư thế một nét mặt thể hiện được mọi sinh lão bệnh tử mọi suy tư, đau khổ vui buồn của thế sự.

Đã 3 năm rồi, xưởng đá của nghệ nhân Phạm Ngọc Hoàn lúc nào cũng vui như cái hội làng. Tiếng đục, tiếng mài cắt đá âm ì, đường đi lối lại chật kín với những tảng đá cao hơn đầu người, hình khối đá phác thảo, tượng La Hán sắp hoàn chỉnh. Những người thợ tài hoa nhất làng đá Ninh Vân (Ninh Bình) đã hội tụ về đây để tạc khối tạo hình phục dựng 500 vị La Hán cho chùa Bái Đính. Thợ tạc Đặng Văn Phong sau một hồi miệt mài ghé sát mặt vào phiến đá tạo đường nét mới dừng tay: “Tượng La Hán phải sinh động, mà tạo

đường nét mặt là cái khó nhất. Những tay thợ trẻ chỉ lo là sẽ hỏng cả khối đá chọn tuyển rất kĩ càng”.

Anh em ở công trường vẫn hay có câu đùa “Bạc đầu với La Hán”. Cũng bởi chỉ sau độ nửa giờ tạc tượng, đầu ai cũng bạc trắng với bụi đá. Những chi tiết càng tinh xảo lại càng phải chăm chú “hít bụi tạc hình”. Cả công trường hàng trăm người được chia làm 7 đội làm liên tục 3 ca, ca tối từ 7h đến 10h 30, ăn ngủ giữa cả quần thể tượng. Đêm mùa đông, khí đá lạnh buốt mà từng mũi mài vẫn rít lên nóng rẫy tạo đường chĩnh nét.

Cái công phu nhất của tạc tượng La Hán là phải phục dựng tới 2 lần. Từ 4 tập sách dày ghi tên vẽ hình các vị lấy từ viện Hán Nôm, anh em thợ phải tạo thành một mẫu thạch cao hoàn chỉnh, từ đó mới dựa theo mà tạc mẫu đá. Phải mất hơn 2 tháng thì người thợ mới tạc xong đ ược một pho tượng

Trên công trường chùa Bái Đính có hơn 500 thợ (phần lớn ở Ninh Bình và Huế) làm việc liên tục. Mỗi người từ thợ xẻ gỗ, lợp mái, quét sơn... đều đang lập kì tích cho mình.

Với kiến trúc đồ sộ như vậy Chùa Bái Đính đã mang về cho mình những kỷ lục đã được xác lập ở Việt Nam: Chùa có bộ tượng Tam Thế bằng đồng lớn nhất Việt Nam, ngôi chùa có Giếng nước lớn nhất Việt Nam, chùa có pho tượng Phật Thích Ca bằng đồng cao và nặng nhất Việt Nam, chùa có Đại Hồng chung lớn nhất Việt Nam, chùa hành lang La Hán lớn nhất Việt Nam, chùa có nhiều cây Bồ Đề nhất Việt Nam. và những kỷ lục đang được đề xuất xác lập: Tượng ông khuyến thiện và Trùng ác bằng đồng cao và nặng nhất Việt Nam, chùa có tượng Quan Âm bằng đồng, Cặp Hạc bằng đồng, bệ thờ bằng gỗ lớn nhất Việt Nam.

3.3. Giải pháp thu hút khách du lịch.

3.3.1.. *Đẩy mạnh và hoàn thiện nội dung quy hoạch, kiến trúc xây dựng.*

Chùa Bái Đính mới là công trình kiến trúc đang xây dựng nhưng vẫn thu hút được số lượng khách du lịch tương đối lớn so với những điểm du lịch ở trên đ ịa bàn, tuy nhiên việc chưa hoàn thiện các nội dung quy hoạch các hạng mục công trình kiến trúc có thể gây ảnh hưởng đến môi trường, tiếng ồn, cũng như tính mạng của khách du lịch. Việc đẩy nhanh tiến độ là một việc hết sức cần thiết để hoàn thiện các trương trình du lịch cũng như đảm bảo cảnh quan về môi trường. Để làm được điều đó thì đẩy nhanh tiến độ thi công cũng

như tăng cường khối lượng người lao động nhưng vẫn đảm bảo đi đúng hướng không được làm qua loa cho song chuyện, làm ảnh hưởng đến chất lượng của công trình gây mất mỹ quan. Cần phải có kế hoạch giám sát cũng như các chính sách khuyến khích ưu đãi cho người lao động....

Việc hoàn thiện các hạng mục công trình kiến trúc nhằm nhanh chóng khai thác và phục vụ du lịch một cách tối đa nhất đặc biệt là có thể khai thác loại hình du lịch tôn giáo, tâm linh điều này rất phù hợp với những đặc điểm thực tế của khu chùa Bái Đính. Khai thác các nghi lễ, nghi thức Phật giáo với việc phục vụ du lịch như các nghi thức Cầu An, nghi lễ Cầu Siêu, nghi thức Vu Lan... kết hợp với văn hoá của Phật giáo như ăn chay, âm nhạc... Với lễ Phật Đản, du khách có thể rước lễ mừng đức Phật đản sinh., tham gia đốt nến cầu nguyện cho chúng sinh. Lễ Vu Lan, du khách có thể trực tiếp tham gia lễ bặt độ cầu siêu cho tổ tiên, cha mẹ, người thân của mình, hoặc cùng cầu nguyện cho thập loại cô hồn chúng sinh được siêu thoát. Đối với du khách quốc tế đó sẽ là một sự trải nghiệm tuyệt vời để hướng người ta đến với các giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Còn đối với những du khách Việt Nam họ có thể hoà mình trong không khí thiêng liêng của nền văn hoá bản sắc của dân tộc mình. Hoặc có thể khai thác loại hình thiền ngay tại chùa bằng cách mở những khoá tu ngồi thiền – đây là phương pháp tậ trung tinh thần, giúp định tĩnh nội tâm mang lại sức mạnh tinh thần, tìm lại sự bình yên thanh thản trong tâm hồn. Ngoài ra du khách có thể tham gia thực hiện các nghi thức ăn chay – đây là một loại thuốc chữa bệnh, kéo dài tuổi thọ giúp rèn luyện sức khoẻ và cũng là cơ hội để thưởng thức một nền nghệ thuật ẩm thực đặc sắc...

3.3.2.. Tăng cường quảng bá hình ảnh và nghiên cứu thị trường.

Ngày nay không riêng gì hoạt động du lịch, công tác tuyên truyền quảng bá đã trở thành một công cụ sắc bén không thể thiếu được đối với tất cả các ngành kinh doanh dịch vụ. Việc tuyên truyền quảng bá hình ảnh du lịch tại mỗi điểm di tích được xem là phương pháp hữu hiệu tạo sức hấp dẫn với du khách.

Quần thể di tích chùa Bái Đính là một công trình kiến trúc hoàn toàn mới lạ nên để thu hút được nguồn khách đến thăm ngày một đông, việc tuyên truyền quảng bá là một hoạt động thiết thực, nhưng việc thực hiện phải có chiến lược kỹ càng thực sự phù hợp và hiệu quả. Để làm được điều này cần

chú ý đến tính chuyên môn nghiệp vụ trong hoạt động quảng bá để làm nổi bật được các giá trị độc đáo tại điểm di tích, thôi thúc du khách tới thăm việc tuyên truyền quảng bá không chỉ chú trọng vào các công trình kiến trúc mà còn chú trọng tới các yếu tố văn hoá lịch sử để tạo nên sự phong phú ngay trong điểm di tích. Công việc thực hiện này nên do các công ty quảng cáo có uy tín chuyên môn làm.

Biện pháp tiếp theo trong hoạt động quảng bá tuyên truyền về du lịch đó là việc sử dụng các phương tiện quảng cáo truyền thống và hiện đại (biển quảng cáo, tờ rơi, tập gấp, sách báo, đĩa CD...). Các công cụ này phải được thiết kế đẹp mắt, chuyên nghiệp, thông tin ngắn gọn, có ấn tượng và được phát hành miễn phí với số lượng lớn. Các phương tiện thông tin đại chúng như radio, đài truyền hình, báo chí, những hoạt động này cũ đã và đang được thực hiện nhưng vẫn còn gặp những khó khăn về nguồn vốn đầu tư, và những yếu tố khác nên hy vọng trong thời gian tới sẽ hoàn thiện hơn. Song bên cạnh đó cần tạo ra phương thức tiếp thị mới có tính sáng tạo và hấp dẫn khách du lịch.

Một biện pháp được coi là mang tính hiện tại và hiện nay là quảng bá du lịch trên internet. Đây là phương tiện mang tính truyền thông có sức ảnh hưởng rất lớn trong quần chúng, phổ biến và có sức lan toả nhanh như việc giới thiệu về điểm du lịch trên google, việc bán các chương trình du lịch trên mạng...

Việc nghiên cứu thị trường khách tiềm năng và khách mục tiêu, giúp cho việc đưa ra được chiến lược quảng cáo nhằm thu hút số lượng đông đảo khách quốc tế và khách nước ngoài. Qua nghiên cứu cho thấy nguồn khách đến chủ yếu là theo mục đích tôn giáo và tâm linh vì thế tập trung tuyên truyền quảng bá hơn nữa về hình ảnh và các giá trị tôn giáo, tâm linh của di tích chùa Bái Đính. Đồng thời phải nghiên cứu tâm lý loại khách này để có những chiến lược cũng như có những cách thức phục vụ hợp lý tạo ra sự hài lòng khó quên cho du khách: như phục vụ cơm chay, chuẩn bị sẵn đồ cúng cho khách lên chùa... cần tác động vào tâm lý của du khách bằng những hành động như tặng quà nhỏ như sách giới thiệu về chùa hoặc những tấm ảnh tại di tích những đĩa CD cho du khách...có tính tượng trưng hoặc gây ấn tượng cho du khách để từ đó chính những vị khách này sẽ là những người mang hình ảnh của di tích chùa Bái Đính giới thiệu cho bạn bè người thân của mình. Quần thể di tích chùa Bái Đính cũng là điểm du lịch có sức hút mạnh

mẽ bởi các giá trị văn hoá truyền thống lịch sử của nó cũng như giá trị về nghệ thuật kiến trúc. Đây là điểm có thể thu hút được nguồn khách nghiên cứu tìm hiểu hấp dẫn được giới văn nghệ sĩ, một thị trường khách tiềm năng vì vậy việc nghiên cứu thị trường này cũng vô cùng quan trọng. Việc xác định các dòng thị trường khách sẽ là cơ sở tốt cho việc diễn ra các chiến lược quảng bá phù hợp hiệu quả.

Hoạt động thị trường quảng bá du lịch cũng có thể thực hiện bằng cách thông qua các văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước. Thông qua việc mở rộng lễ hội lớn hoặc tổ chức các sự kiện du lịch. Đây là cách mà nhiều tỉnh địa phương đã thực hiện và mang lại kết quả. Ngoài ra có thể liên hệ với các công ty lữ hành, các công ty kinh doanh về mua bán sản phẩm và cung cấp sản phẩm du lịch cho khách.... để tổ chức các tour du lịch để đưa điểm du lịch này vào các chương trình du lịch.

Các giải pháp khác : Giải pháp nâng cao nhận thức ý thức của người dân trong vùng về điểm di tích này để tránh tình trạng không hiểu biết, không thấy được vai trò quan trọng của nó đối với lợi ích của tỉnh, địa phương và lợi ích của mình khi tham gia bảo vệ khu di tích. Giáo dục cho họ những nhận thức về du lịch và ý thức bảo vệ môi trường.

Giải pháp thu hút cộng đồng vào hoạt động du lịch, tạo ra việc làm cho người dân địa phương để tránh tình trạng tiêu cực mà họ gây ra với môi trường. tổ chức cho nhân dân tham gia vào các hoạt động bán hàng, vận chuyển khách, trông đữ xe tại các điểm di tích để tạo thu nhập hay sử dụng tối đa nguồn thu nhập của người dân địa phương vào việc xây dựng các công trình nhà hàng, khách sạn....Góp phần kích thích người dân trong tiến trình đẩy mạnh hoạt động du lịch.

3.3.3.. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý.

Công tác quản lý đóng vai trò quan trọng trong hoạt động du lịch. Công tác này đảm bảo cho sự đúng đắn, thông suốt và hiệu quả của hoạt động du lịch. Đây là một công việc khi đã có sự quy hoạch chi tiết, công tác quản tổ chức quản lý có được thực hiện tốt hay không sẽ quyết định rất nhiều kinh doanh du lịch và việc bảo tồn giữ gìn các di tích này. Khi công tác này bị lơ là và không đi đúng hướng sẽ để lại hậu quả rất lớn khiến cho di tích này bị mất đi giá trị bản sắc vốn có và không còn sức hút đối với du khách, một

điểm du lịch cần được phát triển theo hướng bền vững. Song nó có thực sự bền vững hay không phụ thuộc rất nhiều vào công tác quản lý. Với vị trí và vai trò quan trọng như vậy công tác quản lý cần được đặt lên hàng đầu và luôn hoạt động có hiệu quả rong công tác tổ chức quản lý ở đây cần có các biện pháp hợp lý và cụ thể. Di sản di tích chùa Bái Đính hiện nay là một công trình đang trong thời kỳ xây dựng vì thế bộ máy cơ cấu tổ chức quản lý chưa thực sự hoạt động có hiệu quả, có chăng hoạt động này đều diễn ra thông qua tổ chức câu lạc bộ sinh thái Tràng An nên việc này có thể tạm thời chấp nhận. Tuy thế hy vọng khi đã hoàn tất về nội dung công trình kiến trúc thì điểm di tích này sẽ có một cơ cấu hoạt động riêng để trực tiếp điều hành có hiệu quả. Do điểm này có nhiều giá trị văn hoá và lịch sử có ý nghĩa rất lớn với các công tác nghiên cứu, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo do vậy không thể xem nhẹ công tác quản lý khiến các di tích bị mai một giá trị dưới tác động của thời gian và chính con người.

3.4. Tiểu kết

Với giá trị văn hoá lịch sử có ý nghĩa vô cùng to lớn của mình Bái Đính đã thực sự giữ được vị trí trong làng du lịch, giúp cho thế hệ trẻ tìm về được với cội nguồn và bản sắc dân tộc, giáo dục ý thức về giữ gìn và phát huy những giá trị mà ông cha ta để lại. Đồng thời làm sống dậy một quá trình lịch sử oai hùng của dân tộc thông qua tuyên truyền, lưu giữ cũng như qua các lễ hội được diễn ra tại chùa Bái Đính để tưởng nhớ đến những người có công trong lịch sử như Đinh Bộ Lĩnh, Nguyễn Minh Không....tái hiện lại thế giới tâm linh mà sau này trong tương lai Bái Đính sẽ trở thành trung tâm Phật giáo của cả nước, thể hiện qua các công chính những công trình kiến trúc nguy nga hoành tráng như các công trình điện Tam Thế, gác chuông, điện Quan Thế Âm Bồ Tát, điện Pháp Chủ, điện Tam thế, cùng với những pho tượng phật bằng đồng được xác lập kỷ lục của sách Việt nam...và những kỷ lục đang được xác lập. là nơi tập trung của đông đảo các tín đồ cũng như chúng sinh tin tưởng vào sự từ bi của Phật pháp. Chính vì thế mà chùa Bái Đính là một trong ba tỉnh thành phố (TP.Hồ Chí Minh,TP.Hà Nội), là nơi nghinh đón đại lễ Ngọc Xá Lị của đức Phật, với ngàn chục ngàn các tín đồ từ mọi miền của tổ quốc về dự đại lễ hội này. Tuy trên công trường xây dựng ngổn ngang những vật liệu xây dựng nhưng chùa Bái Đính vẫn là một trong

những điểm thu hút du khách tương đối nhiều so với các tỉnh thành trong cả nước. Bên này chùa ồn ào náo nhiệt bởi tiếng đục đẽo của tiếng máy cưa và công cụ...Bên kia ngôi chùa cổ lại hoàn toàn tĩnh lặng và khác biệt bởi những nét xưa cổ kính trang nghiêm. Hai ngôi chùa tưởng như hai thế giới nhưng là điều thú vị hấp dẫn du khách hơn cả. Hy vọng trong tương lai với sự vươn mình và trỗi dậy hơn nữa chùa Bái Đính cùng với cơ chế mở của Đảng và Nhà nước, và sự hoàn thiện cơ chế quản lý và các chính sách của mình....chùa Bái Đính sẽ làm nên kỷ lục của Việt Nam trong ngành du lịch của nước nhà và tiến bước cùng với Thế Giới.

KẾT LUẬN

Khu Du lịch tâm linh Bái Đính nằm gần khu di tích Cố Đô Hoa Lư, áp quần thể du lịch sinh thái Tràng An, gần khu nước khoáng dưỡng sinh Kênh Gà, khu sinh thái ngập nước Vân Long, rừng Cúc Phương nguyên sinh và hầu hết các di tích, danh thắng của cả vùng: Động chùa Bái Đính cổ trên đỉnh núi, đền thờ Đức Thánh Nguyễn, đền Bồng, đình Trung làng Sinh Dược, Văn Chi, Đền Tư, Đền Phú Vinh, lang thờ Duyên Khang Công Chúa và Trương Quốc công chúa, Đền Mẫu Bà chúa hang Tiên, hồ Đàm Thị, động Long ẨN... đều nằm trong vùng tâm linh và phụ cận, rất thuận lợi tham quan, du lịch liên hoàn.

Bái Đính tân tự - Chùa Bái Đính mới – ngôi chùa lớn nhất Việt Nam, sự tiếp nối tâm linh ngàn năm trước và sự chuyển tiếp tâm linh cho trăm ngàn năm sau

Chùa Bái Đính tọa lạc trên vùng đồi dày đặc các cổ tích và huyền thoại. Cõi tâm linh hôm nay là sự tiếp nối thăng hoa ở mức độ kỳ vĩ của dấu ấn tâm linh ngàn năm trước của cha ông ta. Đó là sự tiếp nối liên tục mặc dù trên dải đất thiêng này đã từng trải qua, đã từng chứng kiến sbao thanug trầm của lịch sử của dân tộc. Chính nơi đây đã từng là chiến trường, một thời thấm máu và nước mắt.

Núi Bái Đính nơi có cột của hnhà doanh Tân Viên Sơn Thánh. Cột cờ thời Đinh - Tiên Lê dựng phía Tây kinh thnàh Hoa Lư của nước Đại Cồ Việt xây nên độc lập tự chủ, sánh ngang với triều đình phương Bắc hùng cường. Cột cờ của người Anh hùng dân tộc Lê Lợi té trời khi “Khôi huyện quân không một đội”. Cột cờ của cha con Mỹ Quận công Bùi Văn Khuê bỏ nhà Mạc đã ruỗng nát, theo phò nhà Lê để mưu dựng dựng trung hưng. Cột cờ của nghĩa quân Tây Sơn té trời đất đêm Giao thừa Tết Kỷ Dậu 1789 phát xuất

đánh úp đồn tiền tiêu Gián Khẩu, mở màn cuộc tập kích như vũ bão vào kinh thành Thăng Long đánh đuổi quân Thanh xâm lược ra khỏi cõi bờ. Cột cờ của những người nông dân “rũ bunn đứng dậy sang loà” theo Đảng giành chính quyền trong Cách mạng Mùa thu, tháng Tám năm 1945 lịch sử.

Phật Thích Ca, Thánh Cao Sơn, Mẫu Liễu Hạnh đã ngự trên đỉnh núi trăm năm, ngàn năm, biểu tượng của lòng từ bi, hỷ xả, niềm tin vào cõi thiêng liêng con người tu tâm, tích đức vươn đến Chân - Thiện - Mỹ của nhân dân ta ngàn đời nay lại gặp “thiện duyên” của thời mở cửa, của những tấm lòng đi theo Bồ Tát, biểu tượng đất Phật, cõi Phật. Hình tượng Phật lại hiển hiện với những công trình kỳ mỹ, như người xưa nói “tranh công cùng tạo hoá”. Đức Trần Nhân Tông, vị vua anh hùng, lãnh đạo quân dân Đại Việt đập tan mộng bành trướng bá quyền của đế chế Nguyên Mông thế kỷ thứ XIII, lại từ bỏ vương quyền lên tu Yên Tử, lập nên Thiền Phái Trúc Lâm. Ngài nói, không có Phật. Phật tại tâm. Thật đúng như vậy! “Linh tại ngã, bất linh tại ngã” (Thiên do ta, không thiên do ta). Ấy là cái tâm quán xuyên tất cả vậy! Không có cái tâm Phật và “nhất tâm chí thành” theo đức Phật thì không thể có đức Thánh Nguyễn lặn lội núi sông tìm thuốc cứu dân, cầu Phật độ dân. Đức Phật hỷ xả từ bi, cứu khổ cứu nạn muôn dân là gốc của nhan văn muôn thế. Bởi thế, đạo Phật du nhập vào nước ta, nhanh hoà nhập và có sức mạnh lôi cuốn người Việt từ ngàn đời nay. Không có tâm hướng về Phật, không thể có những công trình sáng tạo kỳ vĩ như khu tâm linh Bái Đính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Đình Tường : *Bái Đính ngàn năm tâm linh và huyền thoại*, NXB thế giới, 2009
2. KTS. Nguyễn Khánh Hưng: *Quy hoạch chi tiết khu núi chùa Bái Đính, xã Gia Sinh, Gia Viễn, Ninh Bình*, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và Thương Mại Á Châu, 2006
3. Lương Thị Thoa, *Lịch sử ba tôn giáo*, NXB giáo dục, 2000
4. Nguyễn Đăng Duy, *Văn Hoá Tâm Linh*, NXB Văn hoá – Thông tin, 2008
5. [www. Thuvienhoasen.org.com](http://www.Thuvienhoasen.org.com)
6. www. Google.chuabaidinh

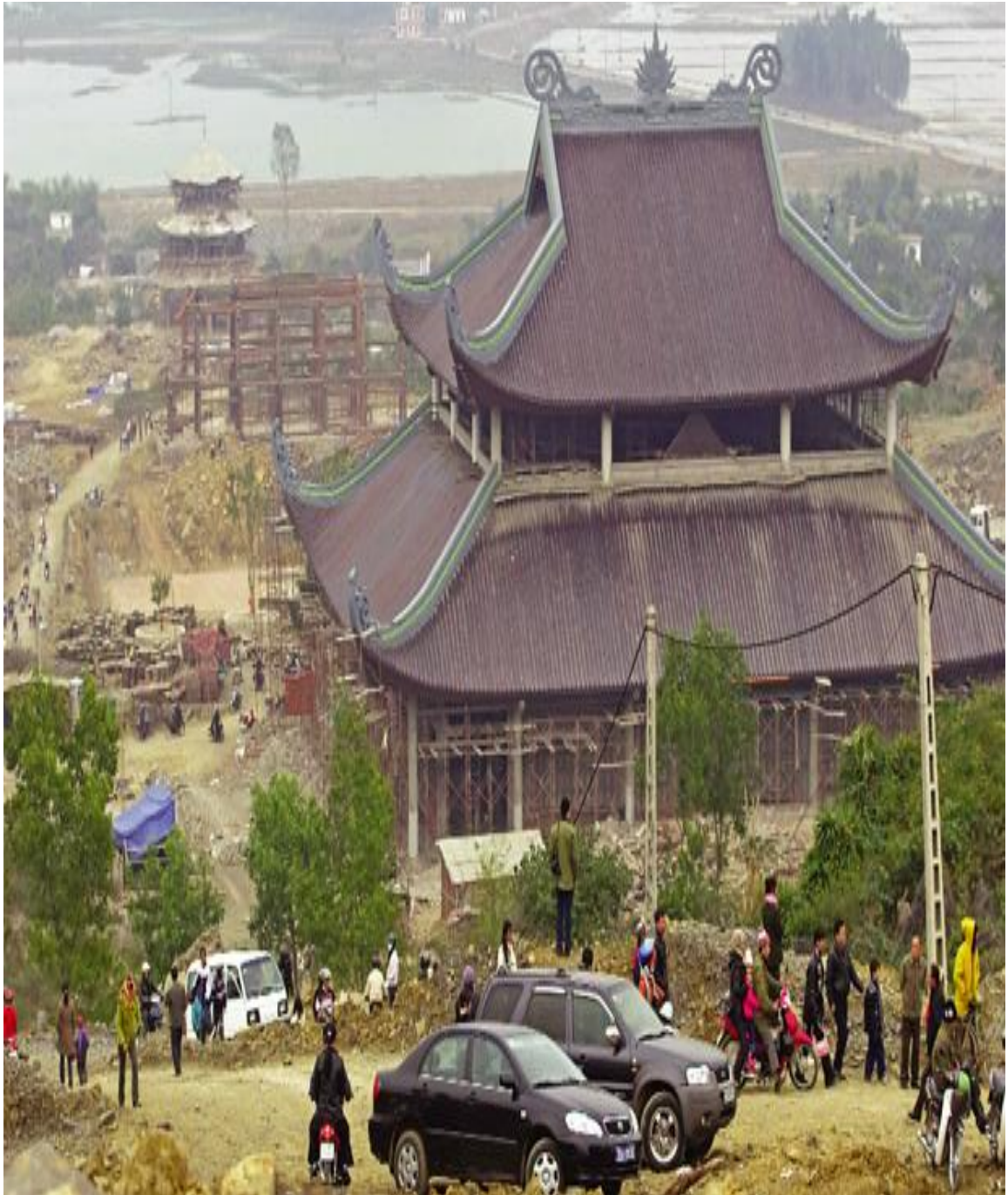
PHỤ LỤC

CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC KHAI THÁC CỦA KHU SINH THÁI TRÀNG AN – CHÙA BÁI ĐÍNH

I	Xây lắp		
A	Khu trung tâm		
1	Khối khách sạn du lịch 5 sao và các công trình phụ trợ	m ² sàn	10.000
B	Khu hang động		
1	Đục đá và truyền đá ra ngoài nạo vét rửa sạch các hang	Chiếc	48
C	Khu tâm linh - Chùa Bái Đính	m ² XD	30.000
1	Điện thờ Tam Thế	m ² XD	2.054
2	Điện thờ Pháp Chủ	m ² XD	2.000
3	Điện thờ Quan Âm Bồ Tát	m ² XD	676
4	Điện thờ 500 vị La Hán	m ² XD	12.000
5	Các công trình phụ trợ	m ² XD	13.270
6	Tượng đồng 50 tấn	Pho	03
7	Tượng 100 tấn	Pho	01
8	Tượng La Hán (La Hán đường)	Pho	500
9	Giàn chuông 8 quả	Tấn	478
10	Tượng A Di Đà	Pho	100.000
11	Tôn tạo, sửa chữa, đúc tượng, làm bệ chùa cũ	K.vực	05
12	Tôn tạo, sửa chữa, đúc tượng, làm bệ chùa cũ	K.vực	03
	Đền Mẫu hồ Đàm Thị		
	Đền Mẫu Bà Chúa hang tiên		
	Đền Mẫu chợ Gia Sinh		

D	Khu công viên văn hoá		
1	Nhà điều hành (1.000m ² *3 tầng)	m ² sàn	3.000
2	Khu làng ẩm thực	m ² sàn	20.000
3	Khu thương mại	m ² sàn	10.000
4	Nhà hàng nổi và phòng nghỉ nổi	m ² XD	01
5	Kiosque trong khu giải trí	Cụm	168
6	Chòi ven hồ	m ² sàn	160
7	Nhà hàng nổi	m ² sàn	03
II	Thiết bị	Cái	
1	Thiết bị nội thất trong phòng khách sạn	Phòng	300
2	Xe chở rác	Chiếc	05
3	Xe hút bùn	Chiếc	05
4	Xe hút bụi	Chiếc	05
5	Máy xén cỏ	Chiếc	30
6	Thiết bị đài phun nước	Bộ	03
7	Thiết bị phục vụ vui chơi giải trí công viên		
8	Xe chuyên dùng phục vụ du lịch	Chiếc	10
9	Thuyền nan hoặc gỗ	Cái	200
10	Thuyền cao su	Cái	30
11	Thuyền máy thể thao và cứu hộ	Cái	20
12	Ô tô tự đổ 15- 23 tấn	Chiếc	250
13	Ô tô chuyên dùng	Chiếc	20
14	Máy nạo vét đa năng	Chiếc	10
15	Máy phát điện dự phòng 250 KVA	Cái	02
16	Thiết bị thông tin điện thoại, truyền hình, nhạc nước + thiết bị khác	Hệ thống	01

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU CỦA CHÙA BÁI ĐÍNH



Bao quát toàn bộ công trình khu chùa Bái Đính mới



Điện Tam Thế



Tượng Thích Ca bằng đồng (100tấn)



500 Pho tượng La Hán (bằng đá)